

# **THÀNH PHẬT CHI ĐẠO**

**Trước tác: Pháp Sư ÁN THUẬN**

**Hiệu Đính Bản Việt: Tỳ Kheo Thích Đồng Tĩnh**

## **CON ĐƯỜNG dẫn đến THÀNH PHẬT**

**Việt Dịch : Cư Sĩ Lê Hồng Sơn**

**Quyển 2**



**CON ĐƯỜNG dẫn đến THÀNH PHẬT**



**CON ĐƯỜNG**  
**dẫn đến**  
**THÀNH PHẬT**



# MỤC LỤC

CHƯƠNG 4: PHÁP CHUNG BA THỪA .....	2
4.1. Hướng về con đường giải Thoát. ....	2
4.1.1. Động cơ.....	2
4.1.2. Căn Tánh.....	7
4.1.3. Pháp Môn.....	22
4.2. Cảnh giải thoát. ....	27
4.2.1. Đạo giải thoát của Nhị Thừa. ....	27
4.2.2. Phương pháp thực hành.....	97
4.2.3. Chứng Quả.....	219

## CHƯƠNG 4: PHÁP CHUNG BA THỪA

### ❖ Thành tựu công đức Năm Thừa Nhân Thiên rồi tiến lên Pháp Chung Xuất Thế Ba Thừa.

Pháp chung Ba Thừa là Pháp Xuất Thế Gian, chính là đã kiến lập vững chắc trên pháp chung Năm Thừa.

Nếu không đầy đủ công đức trời, người, chìm nổi trong ba đường dữ thì, đương nhiên, không thể phát tâm ra khỏi sanh, tử.

Tức là những kẻ đang sống ở nhân gian, nếu làm nhiều việc ác, không biết xấu hổ, hại người, hại đời, mất hết nhân tánh, ngay cả làm một người bình thường cũng không được thì làm sao phát tâm ra khỏi sanh tử? Vì vậy, thành tựu công đức Người, Trời mới có thể tu học pháp chung Ba Thừa xuất thế gian.

### ❖ Nói riêng Pháp Chung Ba Thừa.

Trên đã nói Pháp Chung Năm Thừa, bây giờ nói Pháp Chung Ba Thừa.

#### 4.1. Hướng về con đường giải Thoát.

##### 4.1.1. Động cơ.

一切行無常,	<i>Nhất thiết hành vô thường,</i>
說諸受皆苦,	<i>Thuyết chư thọ giai khổ;</i>



緣此生厭離, *Duyên thử sanh yếm ly,*

向於解脫道. *Hướng ư giải thoát đạo.*

*Tất cả Hành vô thường, Các Thọ đều là khổ;*

*Nhờ đây sanh chán nản, Quay về đường Giải Thoát.*

- **Tâm xuất ly là căn bản của Pháp Ba Thừa.**

Pháp Ba Thừa là pháp hướng dẫn ra khỏi thế gian, căn bản đặt ở Tâm Xuất Ly là nơi phát tâm cần học trước tiên.

- **Quan sát Vô Thường, Khổ là nhân tố dẫn phát Tâm Xuất Ly.**

- **Khẳng định thế gian là khổ, mới phát sanh Tâm Xuất Ly.**

Tất cả những gì có trong thế gian đều không vĩnh hằng, đều không thấu triệt, đều không tự tại, cũng vì vậy mà chúng sanh trong thế gian đều khổ. Khẳng định thấu triệt rằng thế gian là khổ thì mới phát sanh được Tâm Xuất Ly.

- **Luận về thế gian là khổ.**

- ***Kinh nghiệm về cảm thọ có ba, không chỉ có khổ.***

Dựa vào tất cả kinh nghiệm của cảm thọ mà nói thì thế gian có lo buồn, khổ đau; cũng có vui sướng; cũng có không khổ, không vui; cho nên, không thể nói người sống ở thế gian đều khổ.

- ***Theo ý nghĩa sâu xa của Phật pháp mà nói thì tất cả là khổ.***

Nên biết rằng “*Thế gian là khổ*” luận đề này được xem sâu sắc hơn một bậc.

Kinh Phật nói: “*Vì tất cả Hành vô thường, cho nên, nói hết thấy cảm Thọ đều là Khổ*”.

- ✓ Từ bao nhiêu tạo tác trôi nổi đó đây mà nói là “*Tất cả Hành vô thường*”.

Mặt ngoài, tuy có khác nhau: Khổ thọ, Lạc thọ, không khổ không lạc.

Nhưng quan sát sâu sắc hơn nữa thì không thể không nói: Tất cả là khổ. Bởi vì tất cả thế gian, không chỉ Thân, Tâm mà kể cả thế giới Con người, Gia đình, Quốc gia. Hết thấy đều là những biểu tượng của Nghiệp quả biến đổi mà được tạo tác.

Hết thấy đều do Nhân Duyên hòa hợp mới được tạo thành nên gọi là tạo tác.

Hết thấy đều ở trong quá trình: Sanh diệt, Sanh tử, Thành hoại nên gọi là thiên lưu (trôi chảy).

Thiên lưu, tạo tác gọi là Hành (Sự vật, hiện tượng). Tất cả Hành này đều là Vô Thường, không vĩnh cửu.

- ✓ Từ “*Các Hành vô thường nên nói đều là khổ*”.

Những u sầu, khổ não trước mắt đây, không tan biến gọi là khổ. Phật gọi đó là khổ khổ.

Còn tất cả nhưng vui, mừng như tiền của, vinh dự, sức khỏe, thông minh... tuy cảm nhận đầy đủ nhưng rồi cũng đổi thay trong mai một về sau, khổ sẽ tăng lên gấp nhiều lần mà, Phật gọi là Hoại Khổ.

Dù cho là không khổ, không vui, yên bình, lạng lẽ; tuy nhiên, vẫn không rời khỏi trôi chảy, biến đổi theo thời gian, có nhanh, chậm, sớm chầy cũng không tránh khỏi được khổ; giống như chiếc thuyền đi qua biển lớn, người lái thuyền say khước, rồi hướng thẳng thuyền vào đá ngầm mà đi; anh nói xem người lữ hành ấy say sưa đến mê muội, không biết đến khổ, vui là gì; chẳng phải thật đáng thương lắm sao! Phật gọi đó là Hành khổ.

Vì vậy, từ tất cả Hành này đều là Vô Thường, không Vĩnh Cửu, không triệt để. Sau khi quan sát thấy không đáng tin cậy thì không thể không nói: “*Các cảm thọ đều khổ*”; không thể không nói: “*Thế gian giống như nhà lửa*”, “*Tam giới giống như ngục tù*”.

- **Phát sanh Tâm Xuất Ly mới hướng về đại đạo Giải Thoát sanh, tử được.**

○ **Do nhận thức dẫn dắt ý muốn, nuôi dưỡng thành chí nguyện kiên định về việc Xuất Ly.**

Tu học pháp Phật phải có nhận thức sâu sắc về điều này để bất kể, vui sướng như thế nào cũng không lưu luyến, ngay cả lên cõi Trời trường thọ hết mức dục tình cũng không cảm thấy hứng thú. Nhờ Duyên này mới có thể phát sanh quyết tâm chán ghét, xa lìa Sanh Tử.

Đã có nhận thức như thế, dẫn đến ý muốn như thế rồi, từ trong học tập nuôi dưỡng trở thành chí nguyện kiên cường. Khổ thay! Khổ thay! Thế gian này không phải là quê hương an lạc; không những không thể tồn tại vĩnh cửu mà, chỉ trong một khắc (=15 phút) cũng không được. Giống như thân này đang ở trong nhà lửa bốc cháy, gấp rút phải chạy ra ngay. Đây là Tâm chán ghét, lìa xa phát sanh, trở thành chí nguyện kiên định; rồi hướng về đại Đạo Giải Thoát Sanh Tử. Đi trên con đường này, chắc chắn, đến cảnh giới Giải Thoát Sanh Tử.

○ **Có phải hướng về giải thoát ở tại Tâm Xuất Ly có hay không.**

Không có Tâm Xuất Ly này thì tất cả tu hành, tất cả công đức đều chỉ là pháp thế gian.

Đã có Tâm Xuất Ly, tất cả công đức này đều được hướng dẫn bởi Tâm Xuất Ly và trở thành nhân tố của quá trình giải

thoát sanh tử, gọi là Thuận Giải Thoát Phần Thiện: Một phần tốt, thuận lợi cho việc giải thoát. Phải nói: Loại căn lành này đã trở thành nhân tố tùy thuận xu hướng giải thoát.

Tâm xuất ly là căn bản của Pháp Xuất Thế. Xin cùng người học Phật nói về Sanh Tử: Hãy xem lại chính mình, có hay không loại Tâm Tình này.

### 4.1.2. Căn Tánh

#### 4.1.2.1. Giáo hóa chính, giáo hóa phụ

隨 機 立 三 乘,      *Tùy cơ lập Tam Thừa,*

正 化 於 聲 聞.      *Chánh hóa ư Thanh Văn.*

Tùy cơ lập Ba Thừa,      Giáo hóa Thanh Văn là chính.

- **Căn cơ tu Pháp Xuất thế có ba thừa khác nhau.**

Phát tâm xuất ly để tu Pháp Xuất Thế, căn cơ hoàn toàn không giống nhau. Một cách tổng quát mà nói: Phật tùy thuận căn cơ của thính chúng, cảm nhận không giống nhau nên lập Ba Thừa khác nhau. Ba Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát.

- **Theo giáo thuyết của Phật Thích Ca thì Ba Thừa lấy Thanh Văn là chính.**

- *Dựa vào pháp môn xuất thế nói riêng pháp môn Ba Thừa.*

- *Ba thừa theo ý nghĩa đặc thù.*

Kinh Pháp Hoa, theo ý nghĩa đặc thù mà nói: “*Phật vì Thanh Văn nói Tứ Đế, vì Duyên Giác nói mười hai Duyên Khởi, vì Bồ Tát nói sáu Ba La Mật*”.

- ***Ba Thừa theo nghĩa thông thường, theo nghĩa quán sát một cách sâu sắc.***

Thật ra, Pháp Xuất Thế đều có nghĩa sâu sắc. Tứ Đế và mười hai Duyên Khởi đều ở trong Bồ Tát Đạo, chẳng qua sáu Ba La Mật Đa nhân mạnh ở phạm vi thực hành rộng lớn mà thôi.

- ***Dựa vào kệ kinh và căn tánh mà nói: giáo hóa chính và giáo hóa phụ.***

- ***Nói chung: Giáo hóa chính là Thanh Văn, Giáo hóa Phụ là Bồ Tát và Duyên Giác.***

Ở trong ba thừa Cộng Pháp, giáo hóa chính là Thanh Văn Thừa; Bồ Tát và Duyên Giác là giáo hóa phụ.

- ***Nói rõ từng phần***

- ✓ ***Dựa kệ kinh thì thực hành hạnh Bồ Tát chỉ có một người.***

Vì đối với ba thừa Cộng Pháp, trong kinh A Hàm chỉ nói có hai vị Bồ Tát:

Bồ Tát Thích Ca trước khi thành Phật, khi nói pháp thì đã thành Phật, là giáo chủ nói pháp, chứ không còn là người thọ

giáo nữa.

Bồ Tát Di Lặc, ở trong pháp hội của Phật Thích Ca, được thọ ký làm Phật.

Nếu nói, Phật nói Tam Thừa thì người thực hành hạnh Bồ Tát ngay khi đó, chỉ có một người là Di Lặc này thôi.

Sáu (hay mười) Ba La Mật, được truyền lại từ sách Bản Sanh Đàm của các bậc cổ đức, cũng không rõ nói cho ai.

✓ Dựa vào căn tánh Duyên Giác chỉ là số ít.

Căn Tánh Duyên Giác cũng không quá nhiều. Duyên Giác vốn là Độc giác không có thầy truyền trợ.

Thầy đại Ca Diếp thuộc căn tánh Duyên Giác, khi Phật Thích Ca xuất thế, nói pháp cũng là đệ tử của Phật. Tất cả đệ tử Thanh Văn của Phật, phần nhiều là căn tánh Duyên Giác.

✓ Pháp của Phật Thích Ca, đặc biệt lấy Thanh Văn Thừa là chính.

Vì vậy, pháp Phật Thích Ca nói chỉ dạy ở cõi này, chủ yếu là Thanh Văn Thừa.

- **Ý nghĩa Thanh Văn.**

Ngày xưa, Thanh Văn là tiếng gọi chung của đệ tử Phật, do nghe lời Phật dạy mà ngộ đạo.

- **Phán giáo của cổ đức đối với Thanh Văn.**

*Thiên Thai gọi là Tạng Giáo.*

Với ý nghĩa này, cho nên Tông Thiên Thai gọi là Tạng Giáo, vì ở đây cũng có Bồ Tát, nhưng lại thuộc Tiểu Thừa (Thiên Thai chia giáo pháp Phật Thích Ca ra làm bốn: Tạng, Thông, Biệt, Viên).

### **Hiền Thủ gọi là Tiểu Giáo.**

Tông Hiền Thủ gọi là Tiểu Giáo, vì thực sự, lấy pháp Thanh Văn tiểu Thừa làm chủ yếu (Hiền Thủ chia giáo pháp Phật Thích Ca làm năm: Tiểu, Thỉ, Chung, Đôn, Viên).

- **Từ tất cả pháp Phật nói về Xuất thế là chung cả Ba Thừa.**

Pháp mà Phật Thích Ca nói, về mặt hiển giáo, tuy là như thế, giống như pháp Phật đã được nói ra từ mười phương ba đời tất cả chư Phật. Đó là Pháp Tu, Học Xuất Thế. Đó là giáo pháp Ba Thừa: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đã được xác nhận.

#### **4.1.2.2. Ba Loại Tánh Hạnh**

##### ***a. Lạc hạnh, Khổ hạnh.***

解脫道遠離,

*Giải thoát đạo viễn ly,*

苦樂之二邊,

*Khổ, Lạc chi nhị biên;*

順攝樂行者,

*Thuận nhiếp lạc hành giả,*

在家修法行,

*Tại gia tu pháp hành;*



順攝苦行者,                      *Thuận nhiếp Khổ hành giả,*  
 出家作沙門.                      *Xuất gia tác Sa Môn.*

*Đạo giải thoát lìa xa,                      Hai bên khổ và vui;*  
*Người thuận với hạnh vui,                      Tu theo pháp tại gia;*  
*Người thuận với hạnh khổ,                      Làm Sa Môn xuất gia.*

• **Phật chọn Trung đạo, khiển trách hai hạnh khổ, vui.**

Ở trong hàng đệ tử Thanh Văn của Phật cũng có nhiều căn tánh; trước nói hai loại tại gia và xuất gia.

○ **Xã hội xưa ở Ấn độ có hai hạng người khổ, vui cực đoan.**

Thời đại Đức Thích Tôn, phong tục xã hội Ấn Độ thời ấy, đang đi trên con đường cực đoan.

▪ ***Người sống lạc hạnh, buông lung theo dục vọng.***

Người sống lạc hạnh thì theo chủ nghĩa hưởng lạc, buông lung theo dục vọng, hạng này số nhiều. Hầu hết sống bằng sự truy cầu vật dục, tranh thủ hưởng thụ; rồi bị nô dịch bởi dục vọng đến cùng cực; rồi dẫn đến cực đoan rất mực là theo Thuận Thế Ngoại Đạo sống rất dung tục; lại có Biến Nhập Ngoại Đạo sùng bái tình dục, cho rằng việc nam nữ giao hợp là đại lạc và xem đó là diệu pháp giải thoát sanh tử.

▪ ***Người sống khổ hạnh, cảm đoán ham muốn.***

Ngược lại là người sống theo khổ hạnh là những người theo khắc kỷ chủ nghĩa, ngăn cấm ham muốn. Hạng này giống như các đoàn thể Sa môn là những người xuất gia theo ngoại đạo lúc ấy. Cực đoan nhất là tín đồ của Kỳ Na Giáo. Khổ hạnh cực đoan của họ đến độ có người không mặc quần áo; có người nằm trên băng tuyết giữa trời giá lạnh; có người phơi nắng dưới ánh nắng chói chang; hoặc có người nằm ngủ trên giường gai nhọn; về ăn uống, có người không ăn chín mà chỉ ăn rau dại, hoa quả; có người uống nước, có người nuốt không khí. Hành hạ thân, tâm chính mình cùng tột, được xem đó là cách tu hành để trở thành thần, thánh.

○ **Chỉ có liả bỏ hai hạnh khổ và vui thì mới dẫn đến con đường Giải Thoát được.**

Nguyên nhân Đạo Giải Thoát chân thật của Phật là liả xa hai bên khổ hạnh và lạc hạnh này mà giữ lấy trung đạo bằng cách lấy Trí Huệ chuyên hóa đời sống tình cảm.

Điều độ chính mình nhưng, không phải dày đọa chính mình; thọ dụng cốt duy trì sự sống ắt phải hưởng thụ trong chừng mực mà không phải là phúng túng vô độ.

Chỉ có như thế mới đi theo Chánh đạo Giải Thoát mà thôi.

- **Có đệ tử tại gia và xuất gia thích ứng với hai hạnh khổ và vui.**

Phật lấy Hạnh Trung Đạo làm mục tiêu, nhưng căn cơ lúc ấy có khuynh hướng ngã sang khổ, sang lạc hạnh. Để thích ứng với căn tánh không giống nhau này, hướng dẫn hạng người này, cho nên đệ tử Thanh Văn có hai hạng tại gia và xuất gia.

○ **Giống nhau, khác nhau giữa tại gia và xuất gia.**

▪ ***Không giống về cách sống.***

Tại gia và xuất gia chủ yếu cách sống không giống nhau.

▪ ***Giống nhau về tín ngưỡng, tu hành, chứng ngộ.***

Lúc ấy, Phật vì đại chúng nói pháp.

Có người nghe pháp xong hoặc ngộ chân đế rồi tự nguyện Quy Y Tam Bảo, làm đệ tử tại gia của Phật.

Có người nghe pháp xong, ngộ được Chân Đế rồi tự nguyện theo Phật xuất gia, làm đệ tử xuất gia của Phật.

Dựa vào tín ngưỡng, tu hành, chứng ngộ thì tại gia và xuất không có khác nhau gì cả.

○ **Sự khác nhau giữa hai chúng đều do tánh tình và sanh hoạt không giống nhau.**

Vì sao có người tự nguyện tại gia, có người tự nguyện xuất gia vậy? Đây là do tánh tình và sanh hoạt không giống nhau.

▪ ***Người thuận sống với Lạc Hạnh thì thực hành pháp tu tại gia.***

Lý do, Phật tùy thuận, chấp nhận người Phật tử tại gia tu theo Lạc Hạnh. Họ sống cuộc đời có vợ, chồng con cái; còn có thể làm chánh trị, làm quân nhân, làm nông, công, thương... như vua Tần Bà Sa La, phu nhân Mạt Lợi, trưởng giả Tu Đạt Đa.... Tuy sống cuộc đời tại gia nhưng vẫn tu học Chánh pháp như: Tam Quy, Ngũ Giới, Định, huệ... Chỉ cần có Tâm Xuất Ly thì dù sống đời sống sung túc cũng không trở ngại việc tu hành để giải thoát sanh tử.

- ***Người thuận sống với Khổ Hạnh thì làm Sa Môn Xuất Gia.***

Về mặt tùy thuận căn tánh của những người Khổ Hạnh nên có đệ tử xuất gia. Hầu hết những người xuất gia này đều từ ngoại đạo trở thành nhờ sự giáo hóa của Phật, như năm tỳ kheo, Ma Ha Ca Diếp, Tam Ca Diếp (1. Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp có 500 đệ tử; 2. Na Đề Ca Diếp có 300 đệ tử; 3. Già Na Ca Diếp có 200 đệ tử), Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên... Sinh hoạt, tập quán xuất gia đối với những người này đã thuận thực, nghiêm túc, như: Ít muốn, Biết đủ; không chứa tiền của; không gần gũi dâm dục. Những người này tự nguyện làm Sa Môn Xuất Gia.

Sa Môn là tiếng Phạn có nghĩa là Cần Túc (siêng năng) là tên gọi chung của người xuất gia.

- ***Xuất gia cũng có căn tánh thích Lạc Hạnh, tại gia cũng có căn tánh thích Khổ Hạnh.***

Ở đây đại khái phân loại, như người có động cơ không thuần hoặc người bị động xuất gia là vì có căn tánh thuộc Lạc Hạnh.

Khi Phật trở về thăm cố hương có một số người tuổi trẻ trong dòng họ Thích Ca đến xin xuất gia, như A Nan... về tinh thần so với thầy Đại Ca Diếp không bằng.

Cũng như thế, trong hàng đệ tử tại gia cũng có vị sống cuộc đời rất nghiêm túc.

- **Tại gia và xuất gia chỉ cần có Tâm Xuất Ly, dựa vào Pháp tu hành thì đều được Giải Thoát Sanh Tử.**

Tóm lại, tại gia thuận lạc hạnh cũng tốt, xuất gia thuận khổ hạnh cũng tốt, chỉ cần có Tâm Xuất Ly; sanh hoạt đừng quá phóng túng theo dục vọng, hưởng thụ; cũng đừng khổ hạnh quá mức mà phải sống trung đạo thì, đó đều là đệ tử Thanh Văn của Phật. Dựa vào chánh pháp tu hành thì đều chứng được quả Thanh Văn, đều được giải thoát sanh, tử.

*b. Ở một mình, ở chung.*

此 或 樂 獨 住,

*Thử hoặc lạc độc trụ;*

或樂人間住。 *Hoặc lạc nhân gian trụ.*

*Hoặc một mình an vui; Hoặc vui với nhân gian.*

- **Chúng xuất gia có hai loại căn tánh.**

Ở trong những người xuất gia này, căn tánh cũng không giống nhau, phong cách biểu hiện không giống nhau.

- **Tỳ kheo vô sự, sống một mình.**

Hoặc có người sống hưởng thụ một mình, gọi là Tỳ Kheo vô sự (Alan nhã tỳ kheo). Những vị này ở trong rừng núi, đồng hoang hay nghĩa trang, ngủ dưới gốc cây. Hoặc có người ở trong am cỏ. Ăn mặc vô cùng thanh đạm, cực khổ. Không muốn ở chung với đại chúng. Tránh đụng vào những việc phiền lòng. Thậm chí còn không muốn đi khát thực, không muốn thuyết pháp. Hạng tỳ kheo ở một mình này đều đặt nặng tự lợi, gấp rút tu tập thiền quán.

- **Tỳ kheo sống với Tăng đoàn trong nhân gian.**

Đức Thế Tôn cũng thị hiện sống với nhân gian và sống một mình.

Thế Tôn thường ở chung với đệ tử, du hành các nước, giáo hóa chúng sanh, đây là tỳ kheo gương mẫu ở nhân gian.

- **Bất luận ở một mình và ở cùng đại chúng đều phải phù hợp ý nghĩa chân chánh của Phật pháp.**

Dựa vào ý nghĩa chân chánh của Phật pháp mà nói ở một mình cốt lá nội tâm xa lìa phiền não mà ở một mình; nếu không phải là hoàn cảnh an tịnh thì cũng vẫn tán loạn, vọng tưởng hay sao. Ngược lại, nếu tâm địa an tịnh, giải thoát thì ở một mình cũng được, ở với đại chúng, du hành, hóa độ nhân gian cũng được.

*Nhưng ở trong căn tánh khác nhau của người học nên biểu hiện hai hạng bất đồng lớn; đây cũng gần với phong cách không giống nhau giữa Độc Giác và Thanh Văn.*

*c. Tín, Hành, Pháp Hành.*

或 是 隨 信 行,

*Hoặc thị tùy Tín hành,*

或 是 隨 法 行.

*Hoặc thị tùy pháp hành.*

*Hoặc tu theo đức tin, Hoặc tu theo giáo pháp.*

- **Còn có hai loại căn tánh bất đồng lớn cho cả hai giới tại gia, xuất gia.**

- **Tu theo đức tin hoặc tu theo giáo pháp.**

Trong hàng đệ tử Thanh Văn, hoặc có người tu theo đức tin, đó là hạng độn căn; hoặc có người tu theo giáo pháp, đó là hạng lợi căn.

- **Tín và Trí có thể năng, nhẹ nhưng không thể thiếu.**

- ***Lý do Tín, Trí không thể thiếu.***

Tín và trí là công đức học Phật không thể thiếu.

Có Tín còn có Trí là sự khác biệt lớn giữa Phật pháp và ngoại đạo (như Cơ Đốc Giáo).

Tín là tình cảm, Trí là Lý tính; người học Phật phải cân bằng cả hai, rồi tiến đến dung hòa. Bởi vì kinh đại Bát Niết Bàn nói:

若人信心無有智慧， Nhược nhân tín tâm vô hữu trí huệ，  
 是人則能增長無明。 Thị nhân tắc năng tăng trưởng vô minh  
 若有智慧無有信心， Nhược hữu trí huệ vô hữu tín tâm，  
 是人則能增長邪見。 Thị nhân tắc năng tăng trưởng tà kiến。

Nếu người có Tín Tâm mà không có Trí Huệ thì người ấy có thể tăng trưởng Vô Minh. Nếu người có Trí huệ mà không có Tín Tâm thì người ấy tăng trưởng Tà Kiến.

- ***Vì căn tánh không giống nhau nên khi bắt đầu học không được thiên lệch giữa Tín và Trí.***

Pháp Phật nói: Tín, Trí nhất như, chỉ vì căn tánh của người học mà nói có hai.

Có người nặng về Tín thì lấy Tín làm tiền đề mà tiến tu.

Có người nặng về Trí thì tất cả lấy Trí làm tiền đề mà tiến tu.

Tuy vậy, mục tiêu cuối cùng thì như nhau, nhưng khi bắt đầu, không được thiên lệch Tín hay Trí. Đệ tử của Phật hình



thành có hai loại lớn.

- **Đặc tính của hai loại hành giả.**

Hạnh có nghĩa là do tập quán xưa nay, tạo thành đặc tính như tham hạnh, sân hạnh...

- **Đặc tính của người Tín, Hạnh.**

Vì vậy, người tùy theo tín, hạnh là tập quán tín thuận của cá tính, tất cả chuyển hóa đều theo Tín Tâm.

Loại căn tính này, nếu gặp được Phật pháp, sư trưởng chỉ cần bảo anh làm thế nào, là được rồi. Anh ta không suy nghĩ, tìm tòi nguyên nhân gì cả, nói như thế thì tin như thế và làm như thế. Căn tính loại này không cần chỉ bảo rõ ràng, không cần thiết nói nhiều mà còn ngược lại, đúng là: *“Có thể khiến họ nghe theo mình, không thể khiến họ hiểu mình được”*. Loại này cần bậc tri thức gần gũi, nương tựa vào sự chỉ dạy của sư trưởng đề tu học là đủ. Đơn giản, nhanh gọn, đưa ra liền thực hành, từ trong kinh nghiệm tu tập, từ từ tăng trưởng Trí Huệ.

- **Đặc tính của người Pháp Hành.**

Với người tu tập theo giáo pháp thì không giống nhau, họ từ lâu có tập quán nghiêng về lý tánh, trước hết muốn biết nguyên do, truy vấn đến tận cùng. Nghe xong dạy bảo của sư trưởng, còn cần có sự quan sát của chính mình, tham khảo,

tìm tòi kinh luận. Đến khi thấu hiểu rõ ràng, mới tin sâu, hết ngờ vực rồi đi đến siêng năng tu học. Căn cơ loại này rất nhạy bén, bởi vậy, người tu theo giáo pháp, rất có năng lực hướng dẫn người khác tiến tu.

*Hai loại căn tánh này đều không là Tín và Trí nhưng không được thiên lệch một bên. Không chỉ với người mới học như thế mà, ngay cả người đã tu, chứng quả rồi cũng có sự bất đồng về cá tánh này.*

#### 4.1.2.3. Cùng Tu Hạnh Xuất Ly

雖復種種性, *Tuy phục chủng chủng tánh,*

同修出離行. *Đồng tu Xuất Ly Hạnh.*

*Tuy chủng tánh rất nhiều, Cùng tu hạnh Xuất Ly.*

- **Không lấy chủng tánh luận về kết quả, chỉ lấy phát tâm luận về kết quả.**

Như trên đã nói: Phát Tâm Xuất Ly nên có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát; có tại gia, xuất gia; có độc trụ, nhân gian trụ; có người tín hành, người pháp hành. Tuy có nhiều căn tánh bất đồng này là biểu hiện phong cách bất đồng, chỉ cần những người ấy phát khởi tâm xuất ly chân thật thì sẽ giống như người tu hạnh xuất ly nhằm đạt được mục đích giải thoát sanh tử.

- **Nguyên nhân có đối lập vì lấy mình làm chuẩn.**

Hầu hết con người thường hay lấy sở thích của mình để phán xét tất cả vấn đề mà không biết học Phật có những mô hình không giống nhau.

- **Nêu ra những hình thức đối lập.**

- ***Người tu theo tín ngưỡng, người tu theo giáo pháp.***

Với người coi trọng đức tin thì cho rằng người tu theo giáo pháp, chuyên nghiên cứu ý nghĩa giáo lý là không tu mà mình mới là hàng lợi căn.

Với người coi trọng trí huệ, hiểu biết thì cho rằng người tín hành là tu mù.

- ***Tỳ kheo độc trụ, tỳ kheo cộng trụ.***

Lại có người coi trọng việc ở trong núi rừng, khen ngợi đời sống đạm bạc, nghèo khổ; thậm chí còn nói: “*Tu hành phải tu khổ hạnh, ở phải ở nơi vắng vẻ*” xem thường những tỳ kheo sống chung với người đời.

Nhưng những vị đi đây đó, giáo hóa nhân gian lại xem thường tỳ kheo độc trụ, nói là tự tư tự lợi.

- ***Tại gia và xuất gia.***

Giống như tại gia và xuất gia cũng vì quan điểm bất đồng mà bất hòa nhau.

Ngày xưa, Phật giáo xem nặng xuất gia, phải chăng vấn đề sinh hoạt của hàng xuất gia có thích hợp hay không, hay sống đời “*thiểu dục tri túc*” có thể thực hiện được hay không, tâm lợi dưỡng, tâm quyền luyện gia đình có thể không đảm nhiệm hay không. Mọi người đã xuất gia rồi, hầu hết không thích hợp với tính cách của người xuất gia, đây mới làm cho tư cách Tăng già sút kém. Không phải là tranh danh đoạt lợi mà là mưu đồ hưởng thụ; nêu lên chiêu bài hoằng pháp, lợi sanh mà, thực tế tranh giành ảnh hưởng, xây dựng cơ nghiệp. Hoặc là thu nạp đồ chúng, tranh thủ tín đồ, kết thành bè phái chẳng liên quan gì với Phật pháp, để lại hậu quả xấu cho Tăng Già.

Nếu vậy, có thể làm Phật tử tại gia, lại thích hợp hơn, có thể tu tập được nhiều công đức.

- **Tư mình dẹp bỏ đối lập, nên tôn trọng nhân thức của người khác.**

Tóm lại, người học Phật có căn tánh khác nhau, có phong cách khác nhau, cho nên cần tôn trọng người khác và cần hiểu rõ chính mình.

#### **4.1.3. Pháp Môn**

佛說解脫道,      *Phật thuyết Giải Thoát đạo,*

四諦與緣起,      *Tứ Đế dĩ Duyên Khởi.*

甚深諸佛法, *Thậm thâm chư Phật pháp.*

由是而顯示. *Do thị nhi hiển thị.*

*Phật nói đạo Giải Thoát, Tứ Đế và Nhân Duyên,*

Là Pháp Phật thâm sâu, Vì thế nên tỏ bày.

• **Pháp xuất thế gồm Tứ Đế và Duyên Khởi là chính.**

Cương lĩnh chung của pháp xuất thế chung ba thừa, xin trình bày trước. Pháp môn Phật nói ra, tuy là pháp tùy cơ có rất nhiều; nhưng chung quy đều là Đạo Giải Thoát, không ngoài pháp môn Tứ Đế và Duyên Khởi. Lìa bỏ pháp môn này, không còn là pháp Xuất Thế của Phật.

○ **Nói sơ qua về Tứ Đế và Duyên Khởi.**

▪ **Tứ Đế.**

Đế là không điên đảo (lộn ngược), cho nên còn có ý nghĩa là xác thực.

**Ý nghĩa của Khổ, Tập, Diệt, Đạo.**

Pháp môn xuất thế của Phật có bốn là Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Chỉ bày chính xác đặc tính con người trong trần gian này là KHỔ.

**Nguyên nhân khổ đau, bức bách ở trần gian là TẬP.**

Nói rõ cảnh giới siêu việt thế gian, tiêu trừ tất cả khổ đau là DIỆT.

Cho đến phương pháp dẫn đến diệt trừ khổ não là ĐẠO.

Pháp xuất thế của Phật, chủ yếu, nói rõ về TỨ ĐẾ.

**Phật pháp là sự thành tựu về Đức Tin và Trí Huệ, nhưng không hề nói:** Tin rồi sẽ được cứu vớt. Chúng ta phải nhận thức một cách rõ ràng: Tính chất khổ đau cấp bách của đời người và nguyên nhân của thống khổ này. Nhờ vậy mới có thể diệt trừ được nguyên nhân của thống khổ, thể nghiệm chân lý và có được giải thoát, không còn chịu bức bách đau khổ bởi sống chết vô hạn.

▪ ***Sự tương quan của Tứ Đế và Duyên Khởi.***

Nói đến Duyên Khởi hoàn toàn không tách rời Tứ Đế.

✓ **Khổ, Tập là Lưu Chuyển của Duyên Khởi.**

Chính là hiện thực Khổ đau bức bách rồi suy cứu dần dần, tìm ra căn nguyên của thống khổ, phát hiện giữa Nhân và Quả của Khổ và có được quy luật tất nhiên liên hệ tương sanh. Đó chính là: Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão Bệnh Tử. Đây là hình của thuyết mười hai thuyết Duyên Khởi. Thực ra là nói rõ mối quan hệ giữa Khổ và Tập.

✓ Diệt, Đạo là Hoàn Diệt của Duyên Khởi.

Duyên Khởi là nói về Khổ, Tập vôn... đều dựa vào Duyên (như quan hệ, điều kiện, nguyên nhân) mới có thể tồn tại được; phát sinh được. Vì vậy, có thể trong sự đổi thay của Nhân Duyên, khiến nó hóa giải, tiêu tan và đạt đến giải thoát; đây chính là hai đế Diệt, Đạo.

○ Nói rõ về Pháp chung của Ba Thừa lấy Tứ Đế làm cương lĩnh và nói về pháp môn Duyên Khởi.

Do đó, trong văn dưới đây lấy Tứ Đế làm cương lĩnh và đồng thời nói rõ về pháp môn Duyên Khởi.

• **Chỗ giống, khác nhau trong pháp quán Tứ Đế, Duyên Khởi của Đại Thừa và Tiểu Thừa.**

○ Pháp quán thâm sâu về Tứ Đế, Duyên Khởi có cùng duyên của Tiểu Thừa và Đại Thừa.

Hầu hết đều cho rằng Tứ Đế và Duyên Khởi là Pháp Tiểu Thừa. Không biết các pháp Phật sâu xa của Đại Thừa “**Cũng đều từ đây mà hiển thị và phát sinh**”.

○ *Dựa vào ý nghĩa mà nói thì rõ ràng có sự khác nhau.*

Tiểu thừa xem nặng Khổ, Tập; Đại Thừa xem nặng Diệt, Đạo.

Dựa vào ý nghĩa thiên trọng mà nói:

Pháp Tiểu Thừa xem nặng Khổ và Tập; pháp Đại Thừa xem nặng Diệt và Đạo, đặc biệt là Diệt.

Tuy có thiên trọng nhưng chưa từng rời bỏ Tứ Đế và Duyên Khởi.

**Ví dụ trong hai Tông Trung Quán và Du Già.**

Trung Quán là đối với Không Tánh; Du Già là đối với Duyên Khởi. Cả hai đều không rời Tứ Đế và Duyên Khởi một bước.

**Ví dụ kinh Thắng Man nói rất hay:**

Tiểu Thừa có Tứ Đế Hữu Lượng và Tứ Đế Hữu Tác, Đại Thừa có Tứ Đế Vô Lượng và Tứ Đế Vô Tác.

**Ví dụ kinh Niết Bàn:**

Bậc hạ trí quán pháp Duyên Khởi thì chứng được Bồ Đề của Thanh Văn...; bậc thượng thượng trí quán pháp Duyên Khởi thì chứng được Bồ Đề của Phật.

Tóm lại, Pháp Phật không ra khỏi pháp môn Tứ Đế và Duyên Khởi thì chỉ là sự chứng ngộ có tròn, có khuyết; giáo thuyết có cạn, có sâu mà thôi.



## 4.2. Cảnh giải thoát.

### 4.2.1. Đạo giải thoát của Nhị Thừa.

#### 4.2.1.1. Tổng quát Tứ Đế.

苦 集 與 滅 道                      Khổ, Tập dữ Diệt, Đạo,

是 謂 四 聖 諦                      Thị vị Tứ Thánh Đế.

Khổ, Tập và Diệt, Đạo; Đó là Bốn Sự Thật của Bạc Thánh.

- **Tứ Đế là Bốn Sự Thật của Bạc Thánh.**

Tứ Đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo mà trong kinh gọi là Tứ Thánh Đế.

- **Tứ Thánh Đế chỉ Bạc Thánh mới có.**

- **Phàm phu có Khổ mà Không Thật, Bạc Thánh có Khổ là Sự Thật.**

Ai cũng đều khổ não, ai cũng đều phiền não (Tập), nhưng vì sao riêng nói Tứ Thánh Đế vậy?

Dựa vào sự thật mà nói:

Khổ là bức bách có thực của con người hay cõi đời.

Tập là phiền não và phiền não là từ Nghiệp lực đem đến.

Diệt là diệt trừ phiền não để quả khổ không sanh trở lại.

Đạo là Tam Vô Lậu Học: Giới, Định, Huệ để đối trị phiền não, là pháp môn tu hành đi đến Niết Bàn.

Những pháp môn này, chỉ có Bạc Thánh mới có thể từ trong sự thật, thể nhận thấu triệt và chứng ngộ nó.

Cho nên kinh Niết Bàn nói: 凡夫有苦而無諦, 聖者有苦有苦諦: Phạm phu hữu khổ nhi vô đế, thánh giả hữu khổ hữu khổ đế: Phạm phu có khổ mà không thật, bậc thánh có khổ là khổ thật.

○ **Khổ, Tập, Diệt, Đạo chỉ bậc Thánh chắc chắn không nghi, cho nên, gọi là Tứ Thánh Đế.**

Kinh Di Giáo nói: “Phật nói Khổ Đế là khổ thật, không thể nào vui. Tập chính là Nguyên Nhân, không còn nguyên nhân nào khác. Khổ nếu diệt trừ chính là nhân diệt; nhân diệt cho nên quả diệt. Đạo diệt khổ, đúng là đạo chân thật, không có đạo nào khác nữa”.

Tánh khổ não của con người ở thế gian; Tánh chiêu tập của phiền não; Tánh diệt trừ, xa lìa phiền não của Niết Bàn; Tánh đối trị phiền não của Giới, Định, huệ; Tánh tam vô lậu học thông đạt Niết Bàn. Đó là những điều xác thực, tất nhiên, tuyệt đối mà chỉ có bậc Thánh mới có thể sâu sắc thể ngộ đến mức chắc chắn Không Nghi; vậy gọi là Tứ Thánh Đế (Bốn chân lý của Bậc Thánh).

#### 4.2.1.2. Nói về Duyên Khởi.

##### *a. Nhân, Quả thế gian*

### **Hai đế Khổ, Tập.**

#### **Khổ đế**

### *Nói chung Tám Khổ.*

苦者求不得, *Khổ giả Cầu Bất Đắc,*  
 怨會愛別離, *Oán hội, Ái Biệt Ly,*  
 生老與病死, *Sanh Lão Dữ Bệnh, Tử,*  
 總由五蘊聚. *Tổng do Ngũ Uẩn Tụ.*

Khổ gồm: Cầu không được;

Thù mà gặp; Thương yêu mà xa;

Sanh; Bệnh; Già và Chết;

Đều do năm Uẩn này.

#### • **Khổ Đê.**

Trong Tứ Đê, trước nói Khổ Đê. Đây là Thân, Tâm, thể giới hiện thực mà chúng ta thể nhận đầu tiên.

#### • **Tám loại khổ bức bách rất thiết yếu của loài người.**

##### ○ **Ý nghĩa của Khổ.**

Khổ có nghĩa là bức bách khổ não, bức thiết thân tâm dẫn đến trạng thái khó chịu.

##### ○ **Bảy khổ đầu được chia thành ba loại sau:**

Phật từng chia ra nhiều loại Khổ, nhưng từ lập trường của loài người mà nói, thiết yếu nhất là Tám khổ.

- *Đối với quan hệ với ngoại vật mà nói thì có khổ vì mong muốn mà không được.*

Khổ vì mong muốn mà không được, gồm có: Danh dự, Địa vị, quyền thuộc, tiền của... Đây là những thứ ai cũng mong muốn, nhưng lại hầu như muốn mà không được.

Mong muốn được mà không được thì khổ não; có rồi được rồi lại mong nó không mất đi. Hoặc khi gặp khó khăn thì không cần đến nó nữa mà không như ý muốn. Trong kinh có nói: “*Điều mong muốn nếu không toại nguyện thì khổ đau như bị trúng tên*”. Đây là Câu Bất Đặc Khổ. Đây là sự khổ khi chúng ta đối với ngoại vật.

- ***Khổ vì thù ghét mà gặp, yêu thương mà xa từ mỗi quan hệ xã hội mà có.***

Hai khổ: Thù ghét mà gặp, yêu thương mà xa là khó khăn trong mỗi quan hệ khi chúng ta đối với xã hội (có thể chung cho ngũ thú).

- ✓ Khổ vì thù ghét mà gặp.

Ý kiến không hợp thì giận hờn nhau, mắt không nhìn thấy, tai không nghe tiếng thì bình yên; nhưng khi gặp nhau một nơi, ở chung một chỗ, làm chung một việc, cùng trò chuyện thì không có cách nào để tha thứ, không có cách nào để tránh xa. Cùng cực khổ não là đây.

- ✓ Khổ vì thương yêu mà xa.

Ngược lại, cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái, bạn bè, người yêu thương nhất mà sanh ly, tử biệt, thường rơi vào cảnh xa cách nghìn trùng thương nhớ, hoặc ở trong hồi tưởng, thất vọng với: “*Thử hận miên miên vô tận kỳ*”: Hận này dằng dặc không khuây bao giờ.

▪ ***Khổ vì sanh, lão, bệnh, tử đối với thân, tâm.***

Đây là những khó khăn xuất phát từ Thân, Tâm của chúng ta.

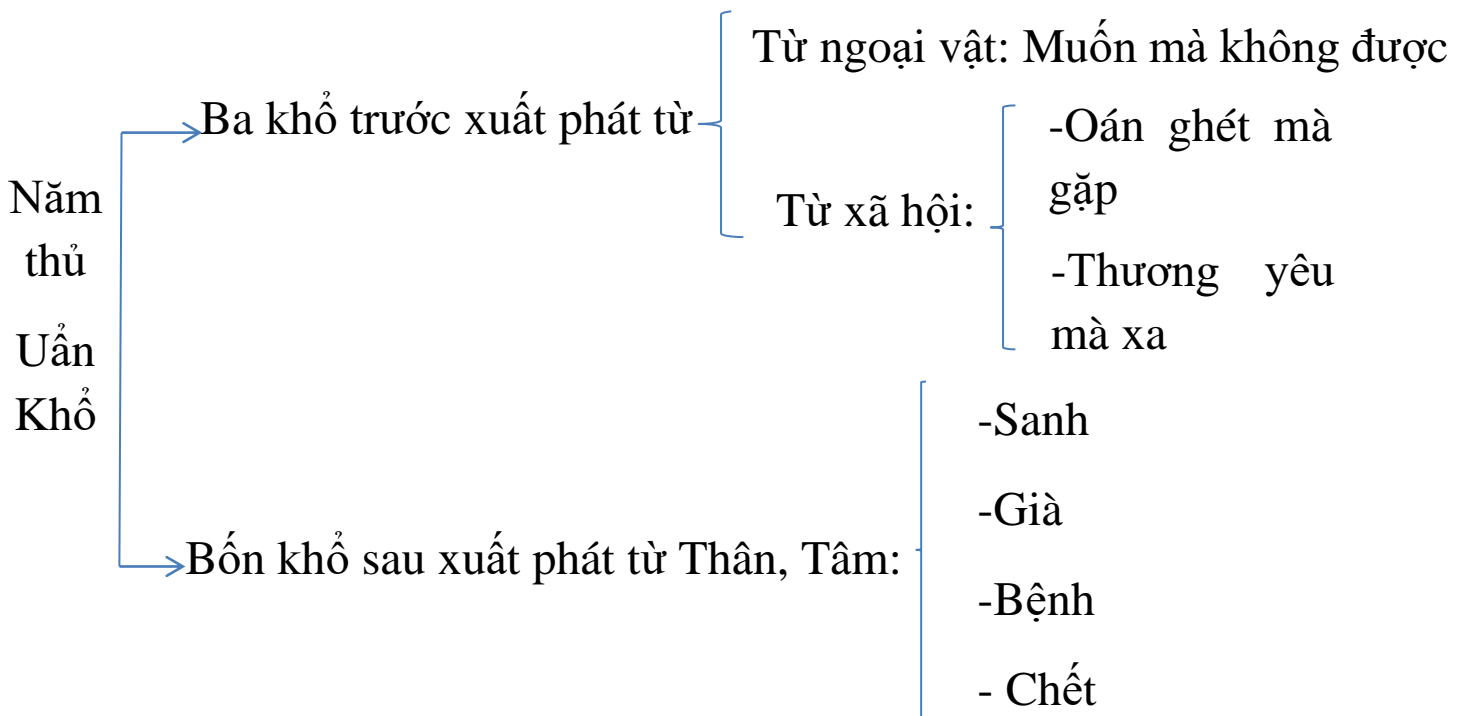
Hầu hết mọi người đều cho Sanh là Vui; còn Lão, Bệnh, Tử mới là Bi Ai. Đâu biết rằng Sanh rồi không thể không già, không bệnh, không chết. Già, Bệnh, Chết do Sanh mà có. Vậy vì sao cho sanh là Vui? Sanh là Gốc của Khổ, còn Lão, Bệnh, Tử giống như cành, lá, hoa trái. Từ gốc rễ dẫn đến kết quả đều là khổ.

○ ***Bảy khổ trước đều bắt đầu từ cái khổ của năm uẩn.***

Trong quan hệ từ chúng ta đối với ngoại vật, xã hội, thân tâm, có bảy loại khổ khác nhau. Nếu từ suy cứu mà nói thì bảy khổ này thấy đều từ tổ hợp của năm uẩn mà có.

Năm uẩn là năm loại, năm yếu tố khác nhau hợp lại, cũng chính là thực tế tổng hòa Thân, Tâm của chúng ta.

Tự thân của năm uẩn này tồn tại, gắn liền với tất cả Khổ Đau; đối với ngoại vật, với xã hội, với thân tâm cũng không thể miễn trừ bảy khổ đã nói ở trên. Chúng ta sở dĩ có tất cả vấn đề, tất cả khổ não, hoàn toàn không có gì khác mà chỉ là vì có năm uẩn này: Tự thể của Thân Tâm. Năm Thủ Uẩn là tổng thể của khổ não cùng với bảy khổ trước hợp thành tám khổ.



### ***Thứ tự trình về khổ***

#### Năm Uẩn

所謂五蘊者, *Sở vị ngũ Uẩn giả,*

色受想行識, *Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức,*

取識處處住, *Thủ thức xử xử trụ,*

染著不能離. *Nhiễm trước bất năng ly.*

Cái gọi Ngũ Uẩn, Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức,  
Thức chấp chắc mọi nơi, Ô nhiễm không thể lìa.

• **Khổ đế lấy năm Uẩn làm chủ.**

Trên đã nói về năm Uẩn là năm yếu tố không giống nhau.

Cùng loại tụ hợp lại với nhau, mỗi loại bao hàm rất nhiều thành tố, cho nên gọi là Uẩn. Uẩn có nghĩa là tụ hợp.

Phật nói Khổ Đế, đều dựa vào năm Uẩn mà nói. Trong kinh từng nói: Năm uẩn giống như năm tên giặc cầm dao, đây chính là nguyên nhân khiến cho chúng sanh khổ đau bức bách mà không có cách nào thoát khỏi ma trận này.

○ **Nói rộng về năm Uẩn.**

Rốt cuộc, năm Uẩn gồm những gì? Là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

▪ **Sắc Uẩn**

Sắc là vật chất biến đổi trở ngại.

Sắc được định nghĩa là Biến ngại: vừa có thể trở ngại vừa có thể phân chia.

Có chất ngại thì có thể tích chiếm hữu không gian.

Có chất ngại thì có thể phân tích được, có thể phá hoại được. Đây là cái mà hiện giờ gọi là Vật Chất Vô Biên Sắc cũng gọi là Sắc.

Nhưng Năng Lực phát khởi từ Vật Chất, Phật pháp cũng gọi nó là Sắc. Tuy nhiên, cái gọi là do Sắc Năng Lực Hóa là chỉ cho tiềm năng của hành vi Thiện, Ác; đúng với những gì mà khoa học hiện đại gọi là Năng Lượng cũng thấy được rất nhiều loại tương tự.

#### ▪ ***Thọ Uẩn***

Thọ có nghĩa là lãnh nhận.

Khi nội tâm tiếp xúc với cảnh giới, lãnh nhận ở tâm, tình cảm phát khởi trong Tâm hoặc Khổ hoặc Vui thì gọi là Thọ.

Thọ chính là tác dụng tình cảm của nội tâm.

#### ▪ ***Tướng Uẩn***

Tướng có nghĩa giữ lấy bóng dáng của hình tướng, là tác dụng của Nhận Thức.

Khi nhận thức cảnh giới thì trong tâm giữ lấy cái Tướng của Cảnh, có tác dụng hiện ra biểu tượng; còn tái tạo nhận thức, liên tưởng... trở thành khái niệm; dựa vào đây lập nên ngôn ngữ, văn tự.

#### ▪ ***Hành Uẩn***



Hành có nghĩa là Tạo Tác. Khi đối cảnh dẫn đến nội tâm phát sinh. Tâm sẽ lựa chọn hành động cụ thể đối phó. Kinh qua suy xét, quyết đoán, phát động của Tâm Tư mới hình thành ra Hành Động của Thân Thể, Ngôn Ngữ.

Hành vốn là Tư Tâm Sở, là tác dụng Tâm Lý và Ý Chí thúc đẩy nội tâm dẫn đến tạo tác. Do đó, thường lấy Tư và Ý chí làm trung tâm của Hoạt Động và tất cả tác dụng của Tâm Lý phức tạp—trừ thọ, tướng—tất cả đều thuộc vào Hành Uẩn.

▪ ***Thức Uẩn.***

Định nghĩa thức.

Thức là Liễu Biệt (phân biệt tận cùng), Minh Liễu (rõ ràng hết mức), Thức Biệt (hiểu thấu chi tiết).

Sự liên quan giữa Tâm, Thức.

Nội tâm của chúng ta vốn không thường hằng, phức tạp.

Nhận biết tổng quát thuộc đối nội gọi là tâm.

Tác dụng phân tích tâm lý của Tâm không giống nhau, như Thọ, Tướng, Tư... gọi là Tâm Sở.

Nhưng nhận biết tác dụng tổng quát của nội Tâm thì gọi là TÂM.

Nhận biết tổng quát rõ ràng thuộc đối ngoại gọi là Thức.

Tâm này từ nhận thức ngoại giới rõ ràng của riêng Thức mà nói, gọi là Thức; vì vậy, Thức là khả năng nhận biết tổng quát của THỨC.

○ **Ngũ Uẩn là một thể tập hợp của vật chất và tinh thần.**

Sắc là vật chất, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tinh thần; chúng sanh ở trong sanh tử luân hồi; chính là năm Uẩn này. Chúng ta tự cho rằng đây là Tôi, đây là Cửa Tôi; kỳ thật không ra khỏi năm Uẩn; không có hoạt động nào ra khỏi Thân và Tâm; chỉ có vật chất và tinh thần thôi.

• **Năm Uẩn do chấp chắc mà có, còn yêu thích sự chấp chắc đó mà sanh ra khổ.**

○ **Ngũ Thủ Uẩn**

Năm Uẩn của chúng sanh, gọi là Ngũ Thủ Uẩn, bởi vì từ quá khứ đã chấp chặt Phiền Não mà chiêu cảm đến.

Do chấp chắc phiền não mà Sanh, bởi vậy ngay từ bản chất đã không tránh được Khổ Đau. Còn hiện tại đã có Ngũ Thủ Uẩn này cũng do chấp trước vọng tưởng, phiền não, cho nên, mới khổ chồng lên khổ.

○ **Dùng bốn thức trụ nói rõ ngũ thủ Uẩn.**

Phật nói có bốn pháp môn bốn thức trụ:

▪ **Thức giữ lấy nhiệm ô đối với Sắc, Thọ, Tưởng, Hành.**

Thủ thức của chúng ta (Thức cùng với phiền não tương ưng) thì không thể không có Cảnh giới. Cảnh giới của Thủ Thức không ra ngoài bốn sự kiện: Sắc thuộc Vật Chất, Thọ thuộc Tình Tụ (tinh thần), Tưởng thuộc Nhận Thức, Tư thuộc Tạo Tác.

Thủ thức có đối tượng là Vật Chất hoặc Tinh Thần như thế, luôn chấp chặc ở khắp nơi và cho rằng có thể giữ lấy, có thể đạt được, có thể nắm bắt, có thể dựa vào. Giữ lấy, Đạt được, Nắm bắt, Dựa vào đều là biểu thị sự nhiễm trước của Thủ Thức với Đối Tượng, giống như keo dán vậy, không thể tách rời.

▪ ***Đã có nhiễm trước ắt không thể thoát khổ.***

Đối với Cảnh giới, Thức đã nhiễm trước nên mỗi, biến động của cảnh giới đều có tương quan mật thiết với nội tâm, không thể tự chủ; vì vậy nội tâm hoặc vui hoặc buồn và đương nhiên, không thể tránh khỏi khổ đau.

Lá từ trên cây rụng xuống, có thể, anh hoàn toàn không phản ứng, bởi vì coi như anh không dính dáng gì với nó.

Nhưng, nếu Tâm yêu thương một người, Tâm ưa thích quyền lực, tiền của... thì đó thật là mối tương quan vô cùng thân thiết với sinh tồn của chính bạn. Nếu bị uy hiếp hoặc kè

cận với cái chết thì đây quả thực, là cảm giác vô cùng đau khổ; vì bạn đã nhiễm trước nó, xem nó là chính mình, là của mình.

Nhiễm trước đối tượng của Thủ Thức, giống hệt thân bị mắc trong lưới hay rơi vào trong bụi gai nhọn.

▪ ***Nói chung về Ngũ Thủ Uẩn là tất cả Khổ.***

Tóm lại, Thức là cái sanh ra chấp trước, (Trụ trước); Sắc, Thọ, Tưởng, Hành là những cái bị chấp trước (sở trụ trước); tổng hợp lại thành năm Uẩn, chính là đầu mối của tất cả khổ đau.

Lục Xứ

此復由六處,      *Thử phục do Lục xứ*

取境而生識。      *Thủ cảnh nhi sanh Thức.*

*Năm uẩn này lại từ lục xứ      Chấp Cảnh nên sanh ra Thức.*

• **Lại từ lục xứ nói rõ Khổ Tụ (ngũ Uẩn).**

Thân, Tâm của chúng sanh chính là tổng hợp của khổ não; ngoài ngũ Uẩn được truyền dạy, Phật còn nói về sáu xứ (hay mười hai xứ), sáu giới (hay mười tám giới). Vì vậy, ngoài Khổ Tụ này (năm Uẩn) còn truyền dạy sáu xứ.

• **Sáu xứ chấp cảnh nên sanh ra thức.**

○ **Nội hàm của sáu xứ**

Sáu xứ là Nhãn Xứ, Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ, Ý Xứ.

Sáu xứ còn gọi là sáu căn vì đều có nghĩa là Sanh Trưởng.

Sáu xứ là tự thể của Thân, Tâm; lại còn là một cách phân loại. Nói rõ từ cửa ngõ của sáu căn tiếp thu cảnh giới rồi phát sanh ra Thức phân biệt.

○ **Từ sáu xứ đến quá trình nhận Thức của sáu Thức.**

Sáu xứ là hoạt động Nhận Thức phải thông qua cửa ngõ; đi qua sáu cửa ngõ của sáu căn này thì mới có thể phát sanh nhận thức.

▪ ***Sáu căn tiếp thu sáu cảnh.***

✓ **Năm căn trước:**

Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân là năm căn thuộc quan năng sinh lý vật chất có khả năng thấy Sắc, nghe Tiếng, ngửi Mùi, nếm Vị, xúc Giác. Phật nói Sắc pháp vô cùng vi diệu, vì vậy đó là hệ Thần kinh.

✓ **Ý căn.**

Ý là quan năng Tâm Lý có khả năng Biết Tất Cả Pháp là căn nguyên của Tâm Thức.

▪ ***Từ Căn, Cảnh mà sanh ra sáu thức.***

Nhận thức của chúng sanh không thể lìa sáu xứ mà thành lập được.

Sáu căn có khả năng thu nhận sáu loại cảnh giới: Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc, Pháp.

Dựa vào cửa ngõ sáu căn tiếp nhận sáu cảnh thì mới có khả năng phát sanh sáu Thức: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức.

▪ ***Căn, cảnh hợp thành mười hai xứ.***

✓ Sáu căn là Tăng Thượng duyên, Sáu Cảnh là Sở Duyên Duyên.

Sáu thức dựa vào sáu căn mà phát sanh, sáu căn là Tăng Thượng Duyên; sáu thức cũng duyên vào sáu cảnh mà phát sanh, sáu cảnh là Sở Duyên Duyên.

✓ Tuy gọi chung là mười hai xứ nhưng trong kinh chú trọng vào sáu xứ (sáu căn).

Bởi vì Căn và Cảnh là đối tượng phân biệt của Thức, đều có tác dụng sanh trưởng, cho nên, cũng có thể mới có thể tổng hợp sáu căn, sáu cảnh thành mười hai xứ. Đây chẳng qua, từ tự thể thân, tâm của chúng sanh mà nói, hầu hết trong kinh đều nhấn mạnh vào sáu xứ.

- **Sáu thức chấp giữ cảnh giới nên bị chìm sâu vào trong khổ đau.**

Sáu xứ là cửa ngõ, từ đây giữ lấy sáu cảnh nên phát sanh sáu thức. Đợi đến khi sáu thức phát sanh, không những là phân biệt cảnh giới mà còn tương ứng với phiền não, chấp trước cảnh giới. Vì chấp trước cảnh giới chính là từ thân tâm này mà bị chìm đắm trong vực sâu thống khổ.

### Sáu Giới

或 六 界 和 合      *Hoặc lục giới hòa hợp,*

世 間 苦 唯 爾      *Thế gian khổ duy nhĩ.*

*Hoặc sáu giới hòa hợp,      Thế gian chỉ khổ thôi.*

- **Sáu giới là khổ tụ được chia ra nhưng nặng về Vật Chất.**

Đối với tự thể Thân, Tâm của Khổ Tụ (tập trung những khổ đau), Phật phân loại hoặc nặng về Vật Chất, mà nói: “*Sáu giới hòa hợp*”.

Như nói: “*Tứ đại bao trùm khắp không gian, Có Thức ở trong đó, thường gọi là Người*”.

#### ○ Ý nghĩa và nội dung của sáu Giới

Sáu giới là sáu loại, là sáu nhân tố cấu thành tự thể của chúng sanh. Giới có ý nghĩa là chủng loại, là nhân tố.

Sáu giới là Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Thức; cũng gọi là sáu Đại.

○ **Nói rõ từng giới.**

Bốn giới: Địa, Thủy, Hỏa, Phong là phân loại theo đặc tính của vật chất, có ý nghĩa cạn, sâu khác nhau.

▪ ***Nói về đặc tính thiên cận của sáu giới:***

✓ **Thuộc vật chất.**

Xương, Thịt... của thân thể có tính cứng rắn là thuộc Đất.

Máu, mồ hôi có tính ẩm thấp là thuộc Nước.

Tính ấm, nóng là thuộc Hỏa.

Thở vô, thở ra, vận động... có tính nhẹ nhàng là thuộc gió.

Tất cả vật chất này đều có lý tính như thế.

✓ **Thuộc không gian hay không giới.**

Như khoảng trống trong lục phủ, ngũ tạng; khoảng trống trong mắt, tai, mũi, miệng cho đến lỗ chân lông trên toàn thân đều thuộc về không gian. Nói cách khác, thân thể vật chất này đầy khắp khoảng trống không.

✓ **Thức giới.**

Thức giới chính là Liễu Biệt (phân biệt rạch ròi), là sáu thức chấp trước (năm giữ hình ảnh mọi hiện tượng).



- *Nói về đặc tính sâu sắc, sáu giới là Nhân Tánh (因性) của tất cả chúng sanh.*

Đã có sáu loại Nhân Tố này thì sẽ trở thành chúng sanh.

- **Uẩn, Xứ, Giới là khổ tụ ở trong Sanh Tử, Luân Hồi.**

- *Uẩn, Xứ, Giới là tất cả khổ tụ của chúng sanh.*

Chúng sanh thành được tự thể thâm tâm, kinh Phật thường nói: “*Có Uẩn, có Xứ, có Giới*”; đây là tất cả khổ tụ của chúng sanh. Ba cái này đã có thì phải có Sanh Mạng (nói theo thông tục), cũng phải có cái khổ bức bách.

Điều này giống như Lão Tử đã nói:

吾有大患，為吾有身。

*Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân.*

*Ta có hoạn lớn, vì ta có Thân.*

*(Nếu ta không thân, làm gì có hoạn)*

- *Phê bình tư tưởng của ngoại đạo.*

Nhưng trong tư tưởng ngoại đạo, ngoại trừ hiện tượng thân tâm này, còn có linh hồn thường hằng, bất biến, hoặc có thể gọi là NGÃ, chủ thể lưu chuyển trong địa ngục, cõi người hay thiên quốc.

Kỳ thật, đây là sản vật ảo tưởng của chúng sanh ngu si.

“*Chúng sanh chịu khổ ở trong sáu Đường Sanh Tử*”, Khổ

nhân, khổ quả kéo dài không dứt, không có thêm cái gì khác, mà chỉ là Uẩn, Xứ, Giới mà thôi.

- **Nói chung dụng ý Phật nói về Khổ Tụ.**

Phật khai thị ở trong Khổ Tụ.

Chỉ ra triệt để tính bức bách của khổ này: “*Chân thật là Khổ, không thể nào Vui*”. Nếu không khuất phục, tu hành triệt để thì không lấy gì hy vọng.

Chỉ ra sự thật của khổ tụ thì chúng sanh mới có thể thoát khỏi mê vọng của Thần Giáo cho rằng có Linh Tánh, Chân Ngã; mới có khả năng Giải Thoát Tụ Tại.

Tu học theo giáo pháp xuất thế của Phật, trước hết, phải biết thông suốt về điều này.

### **Tập Đế**

#### ***Khổ do Hoặc Nghiệp.***

苦 生 由 業 集,	<i>Khổ sanh do Nghiệp Tập,</i>
業 集 復 由 惑,	<i>Nghiệp Tập phục do Hoặc,</i>
發 業 與 潤 生,	<i>Phát nghiệp dĩ Nhuận Sanh,</i>
緣 會 感 苦 果.	<i>Duyên hội cảm khổ Quả.</i>

Khổ sanh do Nghiệp Tập,                      Nghiệp Tập lại do Hoặc,  
Nghiệp phát cùng Nhuận Sanh,      Duyên đủ cảm quả Khổ.

- **Nói về tập đế.**

○ **Định nghĩa Tập**

Tập có nghĩa là do Nhân, do Duyên mà sanh khởi

○ **Do Hoặc mà có Khổ Tập.**

Khổ quả của chúng sanh ở thế gian. Vì sao không cắt đứt được sanh khởi của nó? Đây là do Nghiệp Tập. Nghiệp là Hành Vi (biến nghiệp) thuộc thiện, Ác; từ hành vi thiện, ác này phát sinh tiềm lực (vô Biểu Nghiệp). Tích tập lực của Nhân Nghiệp; khổ quả chính là từ Nghiệp Lực mà Tập Khởi.

Nhưng Nghiệp Tập lại vì sao sanh khởi? Đây là do hoặc.

Hoặc là Sai Lầm (mê hoặc) là tên chung của Phiền Não. Bởi nhân tố bất lương trong tâm chúng sanh, đó là loạn động của phiền não, đây mới là Tập Khởi của Nghiệp.

• **Do hai loại lực lượng của Hoặc mà cảm ra Sanh, Tử.**

Nói đến đây cần hiểu thấu vấn đề trọng yếu. Phải biết chiêu cảm Khổ Quả là do Nghiệp Lực mà, lực lượng chủ yếu là Phiền Não. Đối với nghiệp, phiền não nghiệp có hai lực lượng:

○ **Lực phát nghiệp và lực nhuần sanh.**

Lực phát nghiệp, bất kể nghiệp Thiện hay nghiệp Ác, hễ có khả năng chiêu cảm Quả Khổ Sanh, Tử là đều do phiền não, trực tiếp hay gián tiếp, dẫn đến phát khởi. Cho nên, nếu cắt

đứt phiền não, cắt đứt tất cả hành vi thì sẽ không chiêu cảm được Nghiệp Lực sanh tử.

Lực nhuận sanh, nghiệp đã trải qua tạo tác, đã thành Nghiệp Lực của chúng sanh; nhưng phải còn trải qua sự dẫn dắt của phiền não mới có thể chiêu cảm Quả Khổ. Điều này giống như hạt giống nảy mầm, tuy có hạt giống, nếu không có nước tưới tẩm thì không thể mọc mầm. Cũng giống như vậy, nếu phiền não đã cắt đứt, tất cả hạt giống Nghiệp sẽ khô cạn thì lực lượng sanh Quả không còn nữa.

○ **Nói về Hoặc Nghiệp Sanh, tử.**

Từ Phát Nghiệp và Nhuận Nghiệp của Phiền não, khi Nhân, Duyên gặp gỡ, mới có Quả Khổ Chiêu Cảm của hạt giống Nghiệp. Vì vậy chỉ nói Nghiệp Cảm thì không thể nói rõ ràng được. Giả sử muốn nói Nghiệp Cảm Sanh Tử thì chẳng bằng nói rằng do Vô Minh... Phiền não nên chiêu cảm Sanh Tử. Nói được như vậy là đã thông đạt điểm cốt yếu này.

***Nói Riêng Về Nghiệp Hoặc.***

Công năng của Nghiệp

業有身語意, *Nghiệp hữu Thân, Ngữ, Ý,*

善惡及不動. *Thiện, Ác cập Bất Động.*

業滅如種習, *Nghiệp diệt như chủng tập,*

百千劫不失, *Bách thiên kiếp bất thất,*  
 隨業感生死, *Tùy nghiệp cảm sanh tử,*  
 不出於三界. *Bát xuất ư tam giới.*

Nghiệp có Thân, Ngũ, Ý, Thiện, Ác và Bất Động.

Nghiệp diệt như chũng tập, Trăm ngàn kiếp không mất,  
 Theo nghiệp cảm Sanh Tử, Không ra khỏi Ba Cõi.

• **Lược nói về ba nghiệp có hai loại trong Tập Đế.**

Trong Tập Đế, nghiệp lược chiêu cảm sanh tử, ở trong pháp chung năm thừa mà kinh đã nói đến. Bây giờ xin lược nói về ba nghiệp có hai loại.

○ **Dựa vào nơi nương tựa của Nghiệp mà nói ba nghiệp Thân, Ngũ, Ý.**

Ba nghiệp này phân loại theo chỗ nương tựa.

▪ ***Thân.***

Thân nghiệp có: Thân Biểu Nghiệp, Thân Vô Biểu Nghiệp.

Động tác của thân thể hoặc Ác như: Sát sanh, trộm cướp...; hoặc Thiện như: Không sát sanh, không trộm cướp... Đây không chỉ là hoạt động thuộc sinh lý, mà còn, có tính chất đạo đức hoặc vô đạo đức của động tác thuộc thân thể.

Loại động tác thuộc thân thể này gọi là Thân Biểu Nghiệp. Nghiệp chính là ý nghĩa của Động Tác.

Từ động tác của thân thể này đưa đến, phát sanh Động Năng Tiềm Tại gọi là Thân Vô Biểu Nghiệp. Nghiệp này, tuy không biểu hiện, nhưng là Năng Lực Hóa của Vật Chất, có Tác Dụng chiêu cảm Quả Báo.

- ***Ngữ nghiệp có Ngữ Biểu Nghiệp, Ngữ Vô Biểu Nghiệp.***

Cũng giống như vậy, trong việc biểu đạt ngôn ngữ, văn tự, có thể nói là Thân Nghiệp Hóa của Ngữ Nghiệp, vọng ngữ, lưỡng thiệt... là Ác; chân thật ngữ, hòa hợp ngữ... là thiện. Gọi là Ngữ Biểu Nghiệp.

Còn Ngữ Vô Biểu Nghiệp, do sự biểu đạt của ngôn ngữ này nên đưa đến, phát khởi Động Năng Tiềm Tại, gọi là Ngữ Vô Biểu Nghiệp.

- ***Sở thuộc của ba nghiệp Thân, Ngữ, Ý.***

Nghiệp Thân, Ngữ thuộc Vật Chất. Hai nghiệp này thuộc Động Tác của Sinh Lý và sẽ dẫn khởi Động Năng đều thuộc Vật Chất.

Ý Nghiệp thuộc pháp Tâm Sở của Tâm (tâm tâm sở pháp).

Ý Nghiệp thuộc Tâm. Nó cùng với tâm tâm Sở Tương Ứng với Tư Tâm Sở.

▪ **Thể tánh của Quyết Trạch Nghiệp.**

✓ **Kinh bộ nhận định: Thể tánh của Nghiệp là Tư Tâm Sở.**

Hoạt động của nội Tâm là Ý Nghiệp.

Do phát động của nội tâm mới có thân, ngữ biểu hiệu. Loại động thân, phát ngữ này của Tư Tâm Sở được gọi là Thân Nghiệp, Ngữ Nghiệp. Giải nghĩa loại này là thuộc khuynh hướng duy tâm luận.

✓ **Phật thừa nhận: Nghiệp là loại động năng đặc biệt do vật chất dẫn khởi.**

Nhưng mà, Phật nói Thân Nghiệp, Ngữ Nghiệp Thiện hay Ác là Sắc Pháp mà người có thiên nhãn thấy được, cho nên nói Vô Biểu Nghiệp là loại Động Năng Đặc Biệt của Vật Chất sinh khởi, thực sự càng thỏa đáng.

○ **Dựa vào quả báo trong ba cõi mà nói ba nghiệp: Thiện, Ác, Bất Động.**

▪ **Giải thích Bất Động Nghiệp**

Ngoài Thiện Nghiệp và Ác Nghiệp, còn Bất Động Nghiệp là gì? Nghiệp này tương ứng với Thiên Định; tương ứng với Định ở Cõi Sắc và Cõi Vô Sắc; đương nhiên là Nghiệp Thiện

rồi. Nhưng đặc tính vi diệu của Thiên Định là Không Động Không Loạn, cho nên, nghiệp này gọi là Bất Động Nghiệp.

▪ ***Phối hợp giải thích ba cõi, ba nghiệp.***

Loại Bất Động Nghiệp này có khả năng chiêu cảm Sanh Tử ở Cõi Sắc và Cõi Vô Sắc.

Do vậy, Thiện Nghiệp và Ác Nghiệp chỉ có thể chiêu cảm Nghiệp Lực Sanh Tử ở Cõi Dục mà thôi.

• **Quá trình chiêu cảm hậu quả của Nghiệp Lực.**

Bất luận là động tác của Thân, Ngữ hoặc là từ đây phát khởi Động Năng, Biểu Nghiệp, Vô Biểu Nghiệp. Dựa vào Phật pháp mà nói: Những nghiệp này đều là sanh diệt vô thường, trong sát ra đã trở thành quá khứ. Nghiệp đã diệt trong sát ra, đã thành quá khứ, thì còn làm sao chiêu cảm hậu quả được?

**Các pháp nói sâu hay cạn về chiêu cảm quả của Nghiệp Lực.**

***Thuyết Chung Tử*** đối với vấn đề này, trong kinh lấy ví dụ như hạt giống, như nở hoa, kết quả của cây cỏ, tuy có lúc điêu tàn, khô héo, nhưng hạt giống còn nảy mầm được, rồi đâm cành, nảy lá.

***Thuyết Tập Khí.***



Hoặc so sánh với sự huân tập: giống như cát vào tráp một mùi hương quý, dù đã lấy ra rồi, nhưng trong tráp vẫn còn hương thơm.

Do đây học giả đời sau lập thành thuyết Chung Tử, thuyết Huân Tập để nói rõ khả năng của Nghiệp Lực đưa đến chiêu cảm quả báo, nhưng đây là thí dụ có tính chất thông tục mà thôi

- **Dựa vào ý nghĩa sâu xa của Phật pháp mà nói:**

- **Từ hiện thực tồn tại chuyển hóa thành một tư thái riêng biệt.**

Dựa vào ý nghĩa sâu sắc của Phật pháp mà nói: Quá khứ đã qua hoặc là Sát Na đã diệt. Đây hoàn toàn không nói Là Không Có Gì, mà chỉ là Từ Hiện Thực Tồn Tại rồi chuyển hóa thành một tư thái riêng.

- ***Nghiệp lực tàn tạ, giống như vật chất chuyển hóa thành năng lượng tồn tại.***

Có thể nói: Diệt rồi, quá khứ đã qua rồi nhưng không phải không còn tồn tại gì cả. Đương nhiên, với sự tồn tại này đối với hiện tại không giống nhau; giống như vật chất từ chất chuyển hóa thành Năng (lượng); chắc chắn không phải là không có, nhưng không thể lấy khái niệm thể tích, chất ngại để giới hạn nó.

- ***Nhân Duyên hội ngộ giống như Năng Lượng hóa thành Vật Chất.***

Nguyên nhân Nghiệp Lực tồn tại trong Sát Na trở thành quá khứ mà vẫn là một dạng tồn tại (dĩ nhiên không phải tồn tại của hiện tại) mà chỉ là sự hòa hợp của Nhân Duyên hội ngộ thì, tất nhiên, chiêu cảm Quả Báo, như sự chuyển hóa của Năng Lượng trở thành Vật Chất.

- ***Trước khi chưa chiêu cảm Quả, Nghiệp Lực cũng không mất.***

Giả sử Nhân Duyên chưa hòa hợp, Nghiệp vẫn vĩnh cửu tồn tại, bất luận một trăm, một nghìn, mười nghìn kiếp hay vô lượng số kiếp; Nghiệp Lực cũng không mất đi mà vẫn còn sẽ chiêu cảm Quả.

- **Không cắt đứt phiền não thì phải theo Nghiệp Chiêu Cảm Sanh Tử.**

- ***Do phiền não mà có Nghiệp, không ra ngoài ba cõi Sống Chết.***

Chúng sanh chấp trước theo Nghiệp không giống nhau, chiêu quả báo sanh, tử, kéo dài đời này đến đời kia, luôn trôi lặn ở trong sáu đường. Do đây mà phiền não, phát sinh, dẫn dắt, tâm ướp bởi phiền não; vì vậy, dù nghiệp thiện thế nào,

dù cao thượng đến đâu; rốt cùng cũng không ra khỏi ba cõi: Dục, Sắc, Vô Sắc.

Ba cõi là ba khu vực lớn của chúng sanh hoạt động. Trong ba cõi này, vĩnh viễn sống, chết không ngừng.

- **Chỉ tiêu diệt nguyên nhân căn bản của sống, chết thì mới thực hiện được giải thoát.**

Sở dĩ Ba Thừa Phật pháp xuất thế, chính là cần phải tiêu diệt từ nguyên nhân căn bản sanh, tử trên hết, để không bị ràng buộc trở lại và chịu sống chết trong ba cõi. Đây mới là Mục Tiêu thực hiện đạt Giải Thoát của Phật pháp.

Những sai lầm đưa đến ràng buộc trong ba cõi.

### Ba Căn Bản

煩惱貪瞋癡,                      *Phiền não Tham, Sân, Si,*

不善之根本,                      *Bất thiện chi Căn Bản,*

癡如醉如迷,                      *Si như túy như mê,*

瞋重貪過深.                      *Sân trọng tham quá thâm.*

*Phiền não: Tham, Sân, Si,      Là căn bản bất thiện,*

*Si như say như mê,              Sân nặng, Tham quá sâu.*

- **Nói riêng về Phiền não trong Tập Đệ.**

- **Định nghĩa phiền não.**

Lại nói phiền não trong Tập Đế. Đây là nhân tố bất thiện của nội Tâm, là phần tử xấu ác. Bất kể đó là tri thức, tình cảm hay ý chí; tất cả là không chính xác, là không đúng đắn, điều khiển chúng ta, do đây, mà phiền động, não loạn; rồi dẫn đến phát sanh bất an bất định; không hài hòa, không tự tại. Từ đây tạo tác vô số Nghiệp, dẫn đến khổ đau ở đời sau. Đây gọi là quá trình hình thành Phiền não.

○ **Căn bản và Chi mạng phiền não.**

▪ **Ba căn bản Bất Thiện.**

Phiền não rất là phức tạp, trong phiền não, có Tham, Sân, Si là căn bản của tất cả pháp Bất Thiện, cho nên gọi là Tam Bất Thiện Căn.

Căn bản, có ý nghĩa gì?

Có ý nghĩa là: Tất cả phiền não có thể chia ba loại lớn: Tham, Sân, Si.

▪ **Sơ lược chi mạng của ba bất thiện căn này.**

Tất cả phiền não khác là cành nhánh của ba phiền não này.

Xuất phát từ Tham là Ái, Nhiễm, Cầu, Trước, Xan, Siểm, Kiêu, Trạo cử...

Xuất phát từ Sân là Phẫn, Hận, Não, Tật...

Xuất phát từ Si là Kiên, Nghi, Bất Tín, Hôn Trâm, Vọng Niệm, Bất Chánh Trí...

- *Vì tập quán của Phiền Não mà có cá tính của mỗi người không giống nhau.*

Chúng sanh đều có phiền não, nhưng sâu, cạn khác nhau, có khuynh hướng tập quán thường khởi lên một loại phiền não nào thì sẽ tạo thành cá tính không giống nhau. Như người có tính Tham, người có tính Sân, người có tính Si. Nếu người không thiên trọng tính nào thì gọi là người có tính quân bình cả ba loại ấy. Muốn rõ thêm nên xem phân loại về Tình Người có mười chín loại trong kinh tu Hành Đạo Địa.

- **Nói rõ về Ba Bất Thiện Căn.**

Phiền não quá nhiều, ở đây, không thể nói rộng hết được, nên chỉ nói ba Bất Thiện thôi.

- *Bất thiện Căn Si*

Si là ngu si, cũng gọi là Vô Minh. Tên gọi này là do không biết Sự, Lý Chân Thật.

- ***Hình tướng của Si.***

Song không thể nói là chuyện gì cũng không biết, ngược lại, đây là một cách biết sai lầm, điên đảo như cho đúng là sai

của người say rượu hay mê muội. Đây là hình tướng của người ngu si, là phiền não căn bản khó trị nhất.

▪ ***Sai trái của Si.***

Từ “*Không biết*” ấy mà nói là không biết Thiện, Ác; không biết Nhân, Quả; không biết Nghiệp, Báo; không biết Phàm, Thánh; không biết Sự, Lý.

Từ cái Thấy, cái Biết mà nói là : “*Vô thường cho là thường; không lạc cho là lạc; không Tịnh cho là Tịnh; chẳng phải ngã cho là ngã*”.

Sự nghi ngờ đối với Sự, Lý chân thật là không đúng. Đây chính là cái thấy điên đảo đối với Sự, Lý chân thật.

○ ***Bất thiện căn Sân.***

Sân là ý Ác phát sanh do không vừa lòng đối với cảnh giới.

▪ ***Đặc tính trong và ngoài của Sân.***

Nếu cơn giận bùng phát thì đó là phần nộ, tranh giành, hãm hại, phiền não, căm hờn.

Nếu cơn giận còn chứa trong tâm thì đó là oán hờn, căm thù, ghen ghét.

▪ ***Sai trái của Sân.***

Loại sai trái này thì rất là nghiêm trọng. Không những do đây mà làm việc xấu mà có nhiều việc tốt, cũng từ đây,

không thể dung thứ, nhẫn nhịn được. Một niệm sân hận từ tâm khởi đủ sức phá hoại tất cả.

Giữa chúng ta và chúng sanh, từ xưa đến nay, đều có sự quan hệ rất mật thiết, cho nên, phải có Tâm Từ Bi tức Tâm không sân hận, hãm hại mới có thể đem lại lợi ích cho mình mà không làm tổn thương người khác; mới có thể làm cả mình và người an vui. Tuy nhiên, ngay khi phiền não sân hận nổi lên mà có sự phản đối thì đó là nguyên nhân trở thành tội ác cùng cực.

Kinh có nói:

一念瞋心起，Nhất niệm sân tâm khởi，  
百萬障門開，Bách vạn chương môn khai，  
瞋如火一樣，Sân như hỏa nhất dạng，  
焚燒諸善根。Phân thiêu chư thiện căn。

Một niệm sân tâm khởi.

Trăm ngàn cửa chương ngại mở ra.

Sân như ngọn lửa dữ,

Đốt sạch các căn lành.

○ **Bất thiện căn tham.**

Tham là sự đắm nhiễm của chính mình và tất cả những gì có liên quan đến chính mình.

▪ ***Đặc tính của Tham.***

Ham muốn quá khứ, đam mê hiện tại, mong cầu tương lai.

▪ ***Sai trái của tham.***

Tuy không nghiêm trọng như lửa sên nhưng giống như chìm sâu trong nước; sai trái này vô cùng thâm thiết đến tận cùng xương tủy.

✓ Tham ái Tụ Ngã và Ngã Sở.

Tham ái, chủ yếu là quyến luyến Tụ Ngã từ đời này đến đời sau.

Đối với người thì yêu thương cha mẹ của mình; con cái của mình; anh chị em của mình; bạn bè của mình...

Đối với sự vật thì tham đắm tiền của của mình; sự nghiệp của mình; học vấn của mình; danh dự của mình...

✓ Vì ái sanh sân, rồi cho đây là phép tắc của “*Thượng Đế yêu mến thế nhân*”.

Đã có Tâm Sân, tuy có thể làm thành nhiều việc tốt; nhưng do lấy ái nhiễm Tụ Ngã làm gốc, cho nên không được triệt để. Có cơ hội liền chuyển thành Tâm Sân khác vì Sân là mặt



trái của Ái (yêu). Yêu đến cực điểm thì có lúc sân hận cũng đến cực điểm.

Thần giáo nói: “*Thượng đế yêu mến người đời*”, tôi nghĩ Thượng Đế ở trong sự tưởng tượng của người ta. Nói như vậy cũng được. Bởi vì yêu cùng cực cho nên, hận cũng cùng cực; như tai nạn hồng thủy đã làm cho loài người và động vật tuyệt chủng biết cơ hồ nào (xem Sáng Thế Ký). Đây chính là ví dụ về việc thượng đế yêu thương tội bực con người; nhưng vì có Yêu sẽ có Sân, Yêu và Sân không thể tách rời.

✓ Phật nói: Yêu là căn nguyên của Khổ.

Vì vậy, theo Phật pháp mà nói, đây là mặt mũi thật của phàm phu, là tín đồ tâm thường của Thần Giáo; lại có thể tưởng tượng ra một thứ đạo đức chân chánh, phi thường sao? Nhưng mà, đã yêu thương đắm say, đã hoàn toàn chìm đắm, cho nên, một khi biến động tất cả thì Tâm mình cũng bị lôi cuốn, dao động theo mà phát sanh thống khổ. Cho nên, Phật nói: “*Ái sanh thì khổ sanh*”.

### Bốn Phiền Nã

佛攝諸煩惱, *Phật nhiếp chư phiền nã,*

見愛慢無明. *Kiến, Mạn, Ái, Vô Minh.*

我我所攝故, *Ngã, Ngã sở nhiếp cố,*

死生永相續. *Tử, Sanh vĩnh tương tục.*

Phật nêu các phiền não, Kiến, Ái, Mạn, Vô Minh.

Vì gồm Ngã, Ngã Sở, Mãi liên tục Sống, Chết.

- **Nêu lên bốn loại Phiền Não là bao gồm phiền não của chúng sanh trong ba cõi.**

- **Nói chung.**

Có ba loại lớn về phiền não, có thể nói là mặc định về Cõi Dục, cũng chính là mặc định về con người mà nói. Nếu ở Cõi Sắc và Cõi Vô Sắc thì Sân, Giận, Oán, Trách không thể phát sanh. Vì thế Phật xuyên suốt tất cả phiền não có trong chúng sanh, còn chia ra bốn loại riêng: Kiến, Ái, Mạn, Vô Minh.

- **Theo Đại, tiểu Thừa về phân loại bốn phiền não.**

Có nhiều ý nghĩa nên khó đưa đến lý giải giống nhau. Ở đây lược nói ba nghĩa.

- ***Bốn căn Vô Ký của Duy Thức Học thuộc Đại Thừa: Si, Kiến, Mạn, Ái.***

- ✓ **Giải thích**

Cổ đức gọi đây là bốn căn Vô Ký, hoàn toàn chẳng phải là Ác Tính nghiêm trọng, nhưng lại là phiền não nên gọi là Hữu Phú Vô Ký. Nghiên cứu đến phiền não vi tế thì bốn loại này mới được phát hiện. Đặc biệt, trong Duy Thức học thuộc Đại

Thừa, bốn phiền não này được phiền não của Thức thứ bảy tương ứng. Khi chưa chứng được Chân Lý, chưa cắt đứt phiền não thì bốn phiền não này vẫn chưa lìa bỏ được thì trở thành đặc tính phiền não nội tại của chúng sanh.

✓ Đặc tính.

Trong cách giải thích này gọi là Ngã Si, Ngã Kiến, Ngã Mạn, Ngã Ái.

Do hiểu sai về Tự Ngã, từ đây chấp cái Thấy, Biết đó là xác thực nên gọi là Ngã Kiến.

Do chấp có Tự Ngã rồi có vọng Tưởng Tự Tôn nên có Ngã Mạn.

Không những vọng tưởng tự tôn quá lớn, mà còn yêu mến tự ngã này nên gọi là Ngã Ái.

Hoạt động của tất cả chúng sanh lấy Tự Ngã làm trung tâm. Đây chính là một loại đặc tính phiền não nội tại và sẽ khai triển tiếp theo.

- ***Trong kinh A Hàm, thường thấy phân loại, liệt kê như sau: Kiến, Ái, Mạn, Vô Minh.***

✓ Sai lầm chủ yếu của loài người là hai phiền não: Kiến, Ái.

Sai lầm của Nhận Thức gọi là Kiến; ở đây chỉ cần lãnh hội kiên định, chính xác thì cải chánh, sửa sai được.

Sai lầm của Hành Động gọi là Ái; ở đây chỉ dựa vào kiến giải chính xác mọi hành vi của cuộc sống, lúc nào cũng quán chiếu, luyện tập không thôi thì mới sửa đổi chánh xác được. Cho nên có câu nói rằng: 知之匪艱, 行之惟艱 tri chi phi gian, Hành chi duy gian: Biết chẳng phải khó, làm mới thật khó.

✓ Sau khi chứng quả Thánh, mạn và vô minh vẫn còn sót lại.

- Phiền não mạn.

Từ phàm phu đến lúc chứng thánh, đã dứt trừ được một phần phiền não, nhưng chưa rốt ráo, gọi là Dư Mạn Vị Tận: Phiền não Mạn còn sót chưa hết. Mạn là Ngã Hoặc Vi Tế và do đây, phát sanh trung tâm hoạt động của Tự Ngã. Nếu dứt hết hoàn toàn thì đi đến được Giải Thoát.

- **Tập khí của A La Hán và Vô Minh.**

Tuy nhiên, tập khí của bậc A La Hán vẫn chưa hoàn toàn thanh tịnh. Tập khí chính là Vô Minh Vi Tế Nhất, là Bất Nhiễm Ô Vô Tri. Nếu tập khí này dứt hết thì đây là Thanh Tịnh hoàn toàn rốt ráo.

Nếu lấy vô minh làm chủ thì tất cả Kiến, Ái, Mạn... là phiền não.

Si là Vô Minh, là tổng tướng của tất cả phiền não. Từ đây có sự phân biệt.

Thuộc sai lầm của sự hiểu biết thì gọi là Kiến.

Thuộc sai lầm của tình cảm gọi là Ái.

Thuộc sai lầm của ý chí thì gọi là Mạn.

Tất cả phiền não không ngoài những thứ này.

- **Chọn ra phiền não căn bản nào nhất của Sanh Tử.**

- **Vô Minh và Ái.**

Mỗi phiền não đều có hai công Năng: Phát Nghiệp và Nhuận Sanh, cũng là lực lượng Tập Khởi Sanh Tử. Nhưng phiền não căn bản nhất là phiền não gì?

- ***Tứ Đế cho Ái là chính; các kinh, luận khác cho Vô Minh là chính.***

Trong Tứ Đế nói rõ cho Ái là chính; bởi vì Ái là đấng nhiệm và căn bản phát sanh Khổ.

Các kinh, luận khác đều nói: Vô Minh là chính; thấy có Ngã, Ngã là căn bản.

- ***Từ ví dụ trên, nói rõ: Vô Minh là căn bản của Sanh, Tử.***

Đây có thể nêu lên một ví dụ: Nếu người bị rơi vào bụi mây gai um tùm, mắt bị che kín, làm thế nào cũng chẳng thoát ra được. Mắt bị che kín, ví như Vô Minh; sự chướng ngại của bụi mây gai, ví như Ái. Vì vậy trong kinh cũng nói Vô Minh và Ái là cha, mẹ (nhân) của Sanh, Tử.

Nhưng thân rơi vào trong bụi mây gai um tùm như vậy; muốn thoát ra ngoài; việc đầu tiên phải làm là giải quyết đôi mắt bị che kín ấy; cho nên, phải thấu đáo là Vô Minh là Căn Bản của Sanh, Tử, để Giải thoát Sanh Tử, chủ yếu là Lực Lượng của Trí Tuệ.

○ **Luận nói: Vô Minh là căn Bản của Sanh Tử.**

▪ ***Vô Minh là thấy có Ngã, Ngã Sở.***

Vô Minh không phải là cái gì cũng đều không biết mà, ngược lại là cái biết ấy đầy rẫy sai lầm, mê muội.

Trong ấy chủ yếu là không biết không có Ngã, Ngã Sở nên chấp có Tự Ngã, nên chấp có tất cả Ngã Sở. Cho nên Vô Minh chính là “Ngu si đối với Vô Ngã”. Từ chấp kiến mà nói: Đó là cái thấy có Ngã, Ngã Sở.

▪ ***Do Ngã Kiến mà phát khởi Mạn, Ái rồi tạo ra Nghiệp quả sai lầm.***

Ngã có nghĩa là Chủ Tể; Chủ là chính mình làm chủ; Tể là chi phối người khác.

Cho nên, Ngã Kiến và Ngã Sở Kiến lấy Tự Ngã làm Trung Tâm mà sai khiến tất cả những gì thuộc Ngã như : Ngã sở hữu; Ngã sở tri; Ngã sở chi phối; tất cả ý muốn, cho đến quyết định của chính ta nhưng đó chỉ là tướng tượng.

Chúng sanh dù vô tình hay cố ý thì, chắc chắn, những toan tính kiểu này làm thành tất cả hoạt động. Đây là lấy Tự Ngã làm trung tâm để thống nhiếp tất cả (đương nhiên, chính là kẻ độc tài, ngay cả, Thượng Đế nội tại của Phương Tây đều sẽ không thành công hoàn toàn), giống như keo như sơn đục đầu dính đó và làm đơ bản tất cả. Đây, quả thực, là một Lục Hướng Tâm lớn mạnh đã từng ngưng tụ đến giờ.

Hoạt động như thế sẽ trở thành Lục Lượng (Nghệp) để rồi chiêu cảm Sanh, Tử và tạo ra một lực lượng thuộc tự thể của mỗi chúng sanh.

- ***Lấy Ngã Kiến, Ngã Sở Kiến làm gốc khiến cho Sanh, Tử tương tục không ngừng.***

Tự thể của chúng sanh vốn không phải là Tự Thể độc tồn và bất biến như ngoại đạo nói về Thần Ngã, Linh Tánh mà chỉ là sự hoạt động tổng hòa của Thân, Tâm (năm Uẩn, sáu

xứ, sáu giới). Do cú Chấp Thủ cái Ta, cái Thấy Biết của Ta mới sanh ra ngộ nhận về Tự Ngã là thường hằng, tự tại. Do Duyên có từ Ngã, Ngã Sở Kiến tạo thành lực Hướng Tâm, rồi ngưng tụ thành một Tự Thể riêng. Đây là cái từ nghiệp lực chiêu cảm. Nhưng nghiệp lực có tính chất hữu hạn, cục bộ, cho nên trải qua thời gian ít, nhiều (một lần thọ mạng), thì nghiệp hết rồi chết đi (cũng có nguyên nhân: hết phước, chết bất ngờ).

*Kinh tạng A Hàm nói:*

壽 暖 及 與 識,	Thọ noãn cập dĩ thức,
捨 身 時 俱 捨,	Xả thân thời câu xả,
彼 身 棄 塚 間,	Bỉ thân khí trũng gian,
無 心 如 木 石.	Vô tâm như mộc thạch.

Thọ mạng và hơi ấm đi cùng nhau với Thức,  
 Khi bỏ Thân đều bỏ hết,  
 Thân ấy vứt xuống huyết,  
 Không Tâm như gỗ, đá.

Nhưng Ngã, Sở Kiến là Góc của Phiền Não, còn phải phát huy lực ngưng tụ tổng quát của nó; đây mới là phát sanh một quan hệ Nghiệp riêng để mở ra một Sanh mạng mới. Đây chính là cách Sanh Tử, Tử Sanh của chúng sanh và tiếp nối



không ngừng mãi mãi không thôi, thành một dòng sanh tử trôi chảy mênh mang, bất tận.

### Nói theo chiều dọc Duyên Khởi.

#### Tương sanh trước và sau.

苦集相鉤纏, *Khổ, Tập tương câu triền,*  
 死生從緣起, *Tử sanh từ Duyên Khởi,*  
 佛說十二支, *Phật thuyết thập nhị chi,*  
 如城如果樹. *Như thành như quả thọ.*

*Khổ, Tập trói buộc nhau, Tử, sanh từ Duyên Khởi,*  
*Phật nói: mười hai chi, Như tường thành, trái cây.*

#### • Nói rõ về tương sanh giữa Duyên Khởi và Tập, Khổ.

Khổ đế, Tập đế trong Tứ Đế đã nói rõ rồi. giờ nói về Pháp môn Duyên Khởi. Duyên Khởi chính là tương sanh giữa Tập và Khổ nói theo hướng thời gian.

#### ○ Từ khổ, Tập lần lượt làm Nhân, Quả lẫn nhau để sáng tỏ Tử, Sanh, do Duyên Khởi.

Nên biết không chỉ do Tập mà sanh Khổ; Khổ cũng có thể khởi sanh Tập; như chúng sanh, sau khi chiêu cảm, dẫn đến quả báo khổ của cuộc đời. Dựa vào quả khổ Thân Tâm từ Nghiệp cảm này, còn có hoạt động của phiền não và Nghiệp. Nguyên do Khổ và Tập luôn cấu kết nhau, luôn trói buộc

nhau cũng do Nhân, Quả xoay vần. Việc này đã sáng tỏ nên đối với Sanh, Tử từ Duyên mà phát khởi thì đã thấu triệt chỗ then chốt ấy rồi.

○ **Từ Duyên Khởi nói Sanh, Tử từ Vô Thi.**

▪ ***Nói Duyên Khởi dựa vào Nhân, Quả trước sau.***

Cần biết ý nghĩa chính của Duyên Khởi, ấy là:

Tất cả tồn tại đều từ Nhân Duyên mà phát khởi. Nhân Duyên này cũng từ Nhân Duyên mà sanh ra.

Vì vậy, sự tồn tại của mỗi sự vật, nếu nhìn từ quá khứ, đều từ Nhân Duyên mà có. Đây chính là Quả; nếu nhìn từ vị lai, cũng có ảnh hưởng Lực Lượng của vị lai, cho nên, đây cũng là Nhân. Ấy là thuyết Nhân, Quả dựa theo thời gian trước, sau.

▪ ***Phê bình thuyết sáng tạo của Thần Giáo.***

Căn cứ kiến giải này, thuyết sáng tạo của Thần giáo hoàn toàn không có khả năng. Nhân là tất cả do Thần sanh khởi, nhưng Thần lại không từ Nhân mà có. Đây là loại Nhân mà người Sáng Tạo không từ Nhân mà Có (Thần, tác giả). Đó là điều trái lại với hiện thực nên chỉ là sản phẩm của ảo tưởng.

▪ ***Phật nói: Sanh, Tử vô thi là từ trong Chánh Kiến về Duyên Khởi phát hiện ra.***

Nguyên nhân, Phật nói Sanh, Tử Vô Thi. Dựa vào khổ và Tập mà nói: Khổ từ Tập Sanh nhưng Tập lại từ Khổ khởi lên; cứ thế xoay vần không thôi. Giống như từ một giờ đến mười hai giờ, rồi từ mười hai giờ đến một giờ, không thể nói: trước tiên, bắt đầu từ đâu. Vô thi sanh, tử không ngừng, chính là từ trong chánh kiến về Duyên Khởi phát hiện ra.

- **Chủng loại của Duyên Khởi.**

- **Duyên Khởi theo căn cơ không giống nhau nên có rộng, hẹp.**

Phật nói Duyên Khởi vì theo căn cơ nên không giống nhau, cho nên, chỉ dạy cũng không giống nhau.

Thuyết mười hai chi là thuyết khá hoàn chỉnh, đã trở thành thuyết điển hình về Duyên Khởi của Phật giáo. Như nói Tập và Khổ cũng là Duyên Khởi.

- **Có bốn cách tổ hợp về các chi của Duyên Khởi.**

- ***Hẹp có ba chi, rộng có mười hai chi.***

Hoặc nói ba chi: Phiền não, Nghiệp, Khổ. Từ phiền não mà khởi lên Nghiệp, tự Nghiệp cảm quả Khổ. Hay dựa vào quả Khổ rồi phát sanh phiền não.

Hoặc nói năm chi, thường thấy trong kinh A Hàm. Đó là: Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão Bệnh Tử.

Hoặc nói mười chi: Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão Bệnh Tử.

Hoặc nói mười hai chi là Vô Minh duyên Hành, hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Xứ..., Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão Bệnh Tử.

- ***Xem phương pháp thuyết mười hai phần vị Duyên Khởi.***

Phần Duyên Khởi của cổ nhân đã làm sáng tỏ thêm quá trình Sanh, Tử tương tục không ngừng.

Mười hai chi là mười hai phần. Trong quá trình Sanh, Tử bất tận của chúng sanh, quán sát quy luật Nhân Quả tương sanh trước sau rồi chia ra mười hai, cổ nhân gọi đây là Phần Vị Duyên Khởi rất có ý nghĩa. Cũng chỉ quan sát như thế mới có thể sáng tỏ thêm quá trình tiếp nối không dừng của Sanh Tử.

- **Nói mười hai Duyên Khởi bằng ví dụ.**

Phật nói mười hai Duyên Khởi có vô số ví dụ

- ***Ví dụ là tường thành.***

Hoặc nói như tường thành; chúng sanh ở trong quan hệ Nhân, Quả của mười hai Duyên Khởi, giống như trong bốn bức tường thành bao quanh, không có một cửa thoát ra, lại

còn có lính tuần canh giữ, cho nên, có vượt qua cửa cũng không thể ra được.

Chúng sanh ở trong sanh, tử; tuy có thể giải thoát được chón này từ đây, nhưng bị phiền não làm mê mờ, vậy khôn nên không phá nổi mắt xích của sợi dây Duyên Khởi để giải thoát được.

▪ ***Dụ như trái cây.***

Lại nói giống như trái cây: Từ hạt giống nảy mầm, sanh cành là, nở hoa, kết trái; trái lại trở thành hạt giống, rồi lại nảy mầm, sanh lá...Tuy quả và hạt trước không phải quả và hạt sau nhưng lại có quan hệ mật thiết nhân, quả với nhau. Hạt quả tương sanh, liên tục mãi về sau; có thể lấy đây là ví dụ Duyên Khởi Sanh Tử Tương Tục, thật là gần gũi và dễ hiểu.

***Lịch Trình Sanh Tử***

無明之所覆, *Vô Minh chi sở phủ,*

愛結之所繫, *Ái Kết chi sở hệ,*

有識身相續, *Hữu, Thức, Thân tương tục,*

相續而不已. *Tương tục nhi bất dĩ.*

*Bị Vô Minh che khuất, Rồi yêu thương buộc ràng.*

*Thức, thân có liên tục, Mãi mãi không dừng đâu.*

• **Hệ thống Duyên Khởi ba Chi.**

Nói về các Chi của Duyên Khởi, phần nhiều cho là bắt đầu từ Chi THỨC, cho nên kinh nói: *“Khi ta suy tư như vậy đều từ THỨC mà trở đi, không thể vượt qua nó; vì duyên Thức mà còn có Danh Sắc, duyên Sanh Sắc mà có Lục Nhập Xứ, duyên Lục Nhập Xứ mà có Xúc, duyên Xúc mà có Thọ, duyên Thọ mà có Ái, duyên Ái mà có Thủ, duyên Thủ mà có Hữu, duyên Hữu mà có Sanh, duyên Sanh mà có Lão, Bệnh, Tử, Ưu, Bi, Khổ, Nã. Thuận là một Tập Hợp Lớn của Khổ Đau như thế”* (kinh Tạp A Hàm, q12). Tóm lại, đó là:

齊識而還，不能過彼：Tê thức nhi hoàn, bất năng quá bỉ: Từ Thức trở đi, không thể vượt qua nó.

Trước chi Thức còn có hai chi Vô Minh và Hành thêm vào nên thành mười hai chi.

Ở trong kinh A Hàm, còn nói 無明覆，愛結束繫，得此識身：Vô Minh phú, Ái kết thúc hệ, Đắc thủ thức Thân: Vì Vô Minh che khuất, Ái ràng buộc mới có được thức thân này.

Ba chi: Vô Minh, Ái (Hành), Thức có thể xem là hoàn chỉnh, độc lập của thuyết Duyên Khởi. Đến khi kết hợp các

chi sau chi Thức, mới thành mười hai chi. Bây giờ, trước xin nói ý nghĩa của ba chi tự hình thành hệ thống.

- **Nói rõ nội hàm của ba chi Duyên Khởi.**

- **Vô Minh, Ái Kết, Hữu Thức Thân.**

Vô Minh: che khuất. Ái Kết: buộc ràng, ở trên đã cùng ví dụ nói rõ. Sanh, Tử trôi lăn giống như bị rơi vào trong bụi mây gai ngọn, mắt bị che kín không thấy được gì, không thể thoát ra.

- **Vô Minh.**

Là cái biết mà mê lầm, thác loạn, cho nên, nó giống như tấm vải che kính tầm mắt.

Kinh nói: *“Khi chân tâm sanh, nó hay gây chướng ngại, cùng với Hành phân biệt nhiều loại, gọi là Bất Cộng Vô Minh”*.

Vô Minh đối lập với Trí Huệ thấu đạt chân nghĩa, nó có tác dụng che khuất, chướng ngại Trí Huệ.

- **Ái Kết.**

Tác dụng của Ái là ô nhiễm, là vướng mắc, khiến cho con người bị cột chặt trong sanh, tử, cho nên, ví dụ như cái nút.

- **Vì Vô Minh và Ái Kết mà có Hữu Thức Thân.**

Từ phiền não mà nói:

Vô Minh là thuộc về Hiểu Biết (tri), là sự hiểu biết thác loạn, sai trái, đảo điên. Ái thuộc tình cảm, là hành vi vương mắc ô nhiễm. Đã có hai Nhân Duyên lớn này, chúng sanh sẽ chiêu cảm đến cái quả của Thức Thân (hữu Thức Thân). Tự thể của chúng sanh lưu chuyển trong sanh, tử không ngừng. Đây cũng xuất phát từ cha là Vô Minh, mẹ là Tham Ái. Cả hai hòa hợp sanh ra ý nghĩa Sống, Chết của chúng sanh.

Đại thể kinh cũng nói: 諸業愛無明; 因積他世陰唯有一大乘, 清涼八正道: Chư nghiệp Ái, Vô Minh; Nhân tích tha thế Âm; Duy hữu nhất Đại Thừa, Thanh lương Bát Chánh Đạo: Các nghiệp Ái và Vô Minh; là Nhân chứa nhóm thân đời sau; Chỉ có Đại Thừa, Nhờ Bát Chánh Đạo làm trong sạch.

- ***Ba Duyên Khởi là điều kiện chủ yếu của Sanh Tử lưu chuyển.***

Có được Thức Thân là có Kết Sanh liên tiếp của Thủ Thức, là có sự bắt đầu một Sanh Mạng Mới. Như thế Vô Minh, Ái, Thức Thân từ xưa đến nay, từ quá khứ đến hiện tại, từ hiện tại đến vị lai một mạch như thế không ngừng, liên tục không đứt đoạn.



○ **Nói rõ ba chi: Vô Minh, Hành, Thức trong Duyên Khởi.**

▪ **Từ Thức đến Vô Minh; đây là Quả đến Nhân.**

✓ Tương thông giữa ba việc và ba chi Duyên Khởi.

Thông thường, trong mười hai chi Duyên Khởi, chi thứ hai là HÀNH. Hành là tên khác của NGHIỆP.

Hành và Hành Nghiệp không khác nhau, chỉ tương ứng với Ái, là hành vi được Tư Tâm Sở phát động. Vì vậy, nói ba việc: Vô Minh, Ái, Thức với Vô Minh, Hành, Thức trong mười hai chi có mối tương thông.

✓ Quan hệ Nhân, Quả của ba chi.

- Chi thức là bắt đầu của đời sống hiện tại.

Nếu từ lập trường mười hai chi mà nói: Thức là bắt đầu của đời sống hiện tại này. Dựa vào con người mà nói, đó là lúc sự kết hợp của tinh cha, huyết mẹ, có sự hiện khởi trong một sát na của Thức. Nhờ vậy, kết thành sự sống mới có tác dụng của Tâm Thức.

- Chi Thức từ Hành Nghiệp mà đến.

Như vậy, có sự sống mới là có Thức Kết Sanh; từ đâu Thức này đến? Thức này do dẫn dắt từ Nghiệp Chủng của đời trước đến. Nghiệp là chi Hành. Trong giây phút cái chết cuối

cùng của đời trước xảy đến, tuy Thân, Tâm băng hoại, nhưng năng lực của Nghiệp đã tạo ra trước đó, hoàn toàn không tiêu mất; cho đến khi Nhân Duyên hòa hợp, sẽ theo Nghiệp Lực Thiện, Ác không giống nhau mà thể nhận được quả báo hoặc Khổ hoặc Vui, trở thành một cá thể mới, một đời sống mới.

- Hành nghiệp bị Vô Minh dẫn dắt.

Quả chiêu cảm của Hành Nghiệp thì không lìa xa Phát Nghiệp và Nhuận Sanh của Phiền Não. Vô Minh chính là Phiền Não, là tên chung của phiền não của sự nhiếp phục, dẫn dắt là Ngã, Ngã Sở Kiến.

▪ *Từ Vô Minh đến Thức, là lịch trình Sanh Tử từ Nhân đến Quả chiêu cảm.*

Như vậy, từ phiền não Vô Minh của đời quá khứ mà có Nghiệp (Hành) của đời quá khứ; từ Vô Minh và Nghiệp Hành của đời quá khứ, mới có bắt đầu Sanh Mạng (Thức) của đời hiện tại. Từ Vô Minh mà có Hành mà, có Thức là nói rõ lịch trình Sanh Tử từ quá khứ đến hiện tại.

### **Kết sanh tương tục.**

緣識有名色, *Duyên Thức hữu Danh Sắc,*

從是有六處, *Tùng thị hữu Lục Xứ,*

根境相涉觸, *Căn, Cảnh tương thiệp Xúc,*

從觸生於受, *Tùng xúc sanh ư Thọ,*  
 緣受起於愛, *Duyên Thọ khởi ư Ái,*  
 愛增則名取, *Ái tăng tắc danh Thủ,*  
 因是集後有, *Nhân thị tập Hậu, Hữu,*  
 生老死相隨. *Sanh, Lão, Tử tương tùy.*

*Duyên Thức có Danh Sắc, Từ đây có Lục Xứ,  
 Căn, Cảnh tiếp Xúc nhau, Ái tăng gọi là Thủ,  
 Nhờ đây có Hậu Hữu, Sanh, Già, Chết không thôi.*

- **Nói rõ mười chi Duyên Khởi tiếp nối đời này.**
  - **Khởi đầu từ chi THỨC, nói rõ bắt đầu Kết Sanh Sanh Hữu tiếp nối:**

Chi Thức trong mười hai chi Duyên Khởi là khởi đầu của một thời kỳ sanh mạng. Có một số kinh điển nói về chi Thức. Đó là nguyên nhân, hoạt động hiện thực của Thân, Tâm bắt buộc phải tìm tòi, đi đến giai đoạn Kết Sanh tương tục của Thức, và đã đi đến trọng tâm của Thức Nghiệp Báo Sanh Tử. Đời sau, học giả Duy Thức lấy thức A Lại Da Di Thức làm trung tâm để nói rõ tất cả sanh tử tập nhiễm, có thể nói rất hợp với ý của Phật.

- **Thức và Danh Sắc, nói rõ quan hệ của sự duy trì sanh mạng.**

▪ *Duyên Thức có Danh Sắc.*

Duyên thức Kết Sanh này mới có sanh ra chi Danh Sắc.

▪ *Nội hàm của Danh Sắc.*

✓ Định nghĩa Danh, Sắc.

Danh là Tâm Lý; Sắc là Sinh Lý (vật lý).

✓ Quan hệ giữa thức và Danh Sắc rất mật thiết.

- Từ thức mà có Danh Sắc

Từ Kết Sanh Thức; Thân, Tâm mới bắt đầu phát triển.

- Thức và Danh nương tựa nhau tồn tại.

Kinh Tạp A Hàm, quyển mười hai nói: Không những nhờ Thức mà có Danh Sắc mà, cũng nhờ Danh Sắc mà có Thức.

Ý nghĩa này muốn nói rằng: Tất cả hoạt động của Thân, Tâm chúng ta đều dựa vào Thủ Thức (Duy Thức Học gọi là A Đà Na Thức) này mà tồn tại. Ngược lại, cũng nhờ vào sự hoạt động của Thân, Tâm mà Thủ Thức mới tồn tại được.

Tương tự người lãnh tụ mà không có khả năng tổ chức hoạt động của quần chúng; nếu không có quần chúng thì lãnh tụ cũng không tồn tại.

✓ Sự phân chia trong Duyên Khởi, Danh Sắc thuộc giai đoạn Nhục Đoàn (Tinh cha Huyết mẹ hòa hợp).

Trong mười hai Duyên Khởi, quan trọng nhất là **Thức**

**Duyên Danh Sắc**; nên giải thích Danh Sắc là sau khi Tinh cha, Huyết mẹ hòa hợp; là giai đoạn Nhục Đoàn.

Luận Tỳ Bà Sa nói: Danh Sắc là gì? Là đã Kết Sanh (tinh trùng của cha và trứng của mẹ vừa hòa hợp) mà Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi chưa có; giai đoạn này gọi là Yết Lạt Lam (Kalalam: Tụ nhiễm) đến Ngạch Bồ Đàm (Arbudam: Bào) đến Bế Thi (Pezi: Huyết nhục) đến Kiện Nam (Ghanam: Kiên nhục) đến Bát La Xa Khư (Prazakha: Chi tiết); đó là Danh Sắc Vị.

○ **Đã nói rõ quá trình xúc cảnh ràng buộc Tâm của Sáu Xứ, Xúc, Thọ, Ái. Từ đây có sáu Xứ**

▪ ***Từ đây có sáu xứ***

✓ **Quá trình Danh Sắc sanh sáu xứ.**

Từ Danh Sắc này bước thêm một bước thì phát sanh sáu xứ khác nhau: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý.

✓ **Địa vị của sáu xứ.**

Đã đi đến giai đoạn hình thành thân thể con người

▪ ***Căn, cảnh tiếp xúc nhau.***

✓ **Vị trí và định nghĩa của Xúc.**

Trong thai, tuy có các căn: Mắt, Tai... nhưng chưa thể Thấy Sắc, Nghe Tiếng... Đến khi ra khỏi thai; từ đây, sáu căn mới bắt đầu hoạt động, giao tiếp với sáu trần cảnh. Căn, Cảnh

tiếp xúc nhau rồi khởi lên một loại nhận thức gọi là Xúc.

✓ Xúc là bắt đầu của Nhận Thức. Đối Cảnh có ba loại Xúc.

Ba thứ Căn, Cảnh, Thức nhờ tiếp xúc mà có Hòa Hợp, cũng có thể nói nhờ sự hòa hợp của ba thứ này mà có Xúc. Bắt đầu Nhận Thức thì mối quan hệ trọng yếu ngay lúc Xúc đối với cảnh giới, trước hết là phản ứng phát sinh sự hợp ý hay không hợp ý hay chẳng hợp ý, chẳng phải chẳng hợp ý. Đây có thể gọi là Ý Xúc, không thể Ý Xúc, cả hai chẳng phải là Xúc (Yêu, Ghét, Trung Tính).

✓ Xúc là mấu chốt của Tri Kiến.

- Vô Minh tương ứng với Xúc tạo thành Sanh Tử, Luân hồi.

Rất là bất hạnh, nhận thức của chúng sanh không lìa xa sự che khuất của Vô Minh: “*Vô Minh tương ứng với Xúc*”. Vì vậy, sau khi Xúc đối với Cảnh thì dựa vào sự Chấp thủ của trung tâm Tự Ngã; khởi lên vô vàn Tâm Lý phức tạp; tạo ra vô vàn hành vi Thiện, Ác; dẫn đến Sanh Tử, Luân Hồi không sao tránh khỏi.

- Minh tương ứng với Xúc có khả năng phá tan xiềng xích Sanh Tử.

Nguyên nhân Phật răn dạy đệ tử, cốt yếu là “*Giữ gìn các Căn*”. Khi Căn, Cảnh gặp nhau, nếu có Trí huệ quán chiếu thì

gọi là “*Minh Tương Ứng với Xúc*”. Từ đó có thể thấu triệt, phá toang xiềng xích của mười hai Duyên Khởi.

▪ ***Từ Xúc sanh ra Thọ.***

✓ Từ Xúc khởi lên ba thọ.

Từ Xúc vừa ý, không vừa ý, tiếp theo sẽ sanh ra Thọ.

Thọ vừa ý thì sanh khởi vui, mừng. Thọ không vừa ý thì sanh buồn, khổ. Thọ không vừa ý, cũng chẳng phải không vừa ý (Trung Tính) thì sẽ sanh Xả Thọ.

✓ Thọ là mấu chốt của Tình Cảm.

Nếu hiện tiền có Chánh Niệm thì không khởi lên chấp trước (dính mắc); thì không bị rối loạn, sai lầm khổ vui bởi Tình Cảm; thì làm sao có nguy hiểm được.

▪ ***Duyên Thọ khởi lên Ái.***

✓ Từ Thọ sanh yêu chính mình, yêu cảnh giới.

Không có Chánh Niệm, Chánh Tri thì đều dựa vào duyên này mà nếm trải mùi vị Khổ, Vui; đắm chìm trong yêu thương càng sâu nặng: yêu thương chính mình, yêu thương cảnh giới.

✓ Ái sanh khởi, đối với sanh tử, không có cách nào tự thoát ra.

Lúc này, đã không còn tư thế chủ động đối với sinh mạng và trần thế, ngã hẳn về luyến ái, không còn làm chủ được nữa. Từ đây về sau, càng lún sâu vào đó, không cách nào thoát ra được.

Trên từ Kết Sanh Thức, nói rõ quá trình phát triển của Thân, Tâm rồi đưa đến tình huống hoạt động của nội tâm khi đối Cảnh.

Xúc là Nhận Thức. Thọ là Tình Cảm. Ái trở về sau là Ý Chí.

### **Bổ sung.**

Đạo sư Ấn Thuận, trong sách Duy Thức Học Thám Nguyên, có nói:

Dựa vào Thai Sanh học thì cơ sở là Xúc Cảnh liên quan đến Tâm và dựa vào Nhận Thức Luận thì cơ sở là Xúc Cảnh liên quan đến Tâm, thì:

Thức đi vào Thai không có liên quan gì với sáu Thức. Nói sáu Thức là chỉ nhận thức phân biệt của Thức đối với sáu Trần.

Xúc là mở đầu cho nhận thức, chính là Cảm Giác, phát sanh cảm giác cần dựa vào sự hoạt động của cơ cấu cảm giác, cho nên, Xúc lấy Lục Nhập làm Duyên. Tuy nhiên, sự tồn tại



của Lục Nhập hoàn toàn không phải nhờ Nhận Thức sanh khởi mà có, nhưng lục nhập thì chúng ta không thể biết nhiều về Hiện Lương mà chính là dựa vào Danh Sắc của khách quan phản ánh rồi dẫn đến tác dụng của Nhận Thức, mới có thể biết được Tỷ lượng; cho nên, Lục Nhập lấy Danh Sắc làm Duyên. Danh Sắc là sở nhận thức không thể tách rời sáu thức năng nhận thức mà biết được sự tồn tại của nó. Tất cả sở nhận thức của chúng ta, không trải qua nhận thức mà, biết được hình tướng của nó.

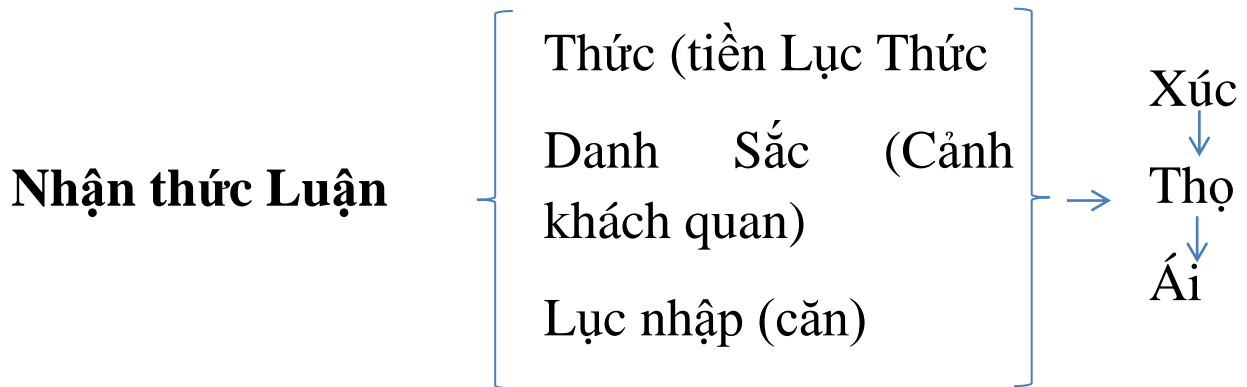
Nói vắn tắt: Là chủ quan nhận thức thì sự tồn tại của khách quan vô ý nghĩa. Nhờ đây, Danh Sắc chính dựa vào Thức làm Duyên. Dựa vào kiến thức của Nhận Thức Luận, lần lượt nói rõ: Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc; bị ràng buộc bởi hình thức nên ý nghĩa không rõ ràng. Nếu dựa vào kiến giải của nhận thức luận Phật giáo rồi quan sát, so sánh một cách tự do thì có thể nói Chi Thức là Thức, Chi Danh Sắc là Cảnh, Chi Lục Nhập là Căn; do sự hòa hợp của ba cái này liền sanh ra Xúc. Từ Chi Xúc về trước thành lập ba Chi: Thức, Danh Sắc, Lục Nhập; không ra ngoài điều kiện cấu thành nhận thức.

**Tâm bị ràng buộc khi tiếp xúc Cảnh.**

**Nhập thai luận:**

Thức (nhập thai Thức) ↔ Danh (Nương vào nhau tồn tại)

Sắc → Lục Nhập → Xúc → Thọ → Ái (Tâm bị ràng buộc thì tiếp xúc Cảnh)



- Nói rõ quá trình trôi nổi vì đuổi theo Vật: Thủ, Hữu, Sanh, Lão Tử.

- **Ái, Tăng thì gọi là Thủ.**

Trong tâm đã có Ái nhiễm, Tâm Ái lớn mạnh, phát triển thì gọi là Thủ.

- ✓ Thủ có bốn loại:

Chấp thủ chính mình gọi là Ngã Ngữ Thủ.

Hầu hết tìm tòi năm Dục gọi là Dục Thủ.

Các nhà Tôn giáo và Triết học không những ôm chặc Kiến Giải với vô số sai lầm, gọi là Kiến Thủ, mà còn ôm chặc Giới Điều, Khổ Hạnh vô nghĩa, gọi là Giới Cẩm Thủ.

- ✓ Từ yêu thương (ái nhiễm) đến bị buộc chặt tạo thành kết cục khổ nạn.

Đây là từ ái nhiệm sanh mạng và trần đời, đi đến ôm chặt tư tưởng hoặc Hành Vi, tạo thành kết cục tất cả Khổ Nạn ở thế gian.

▪ ***Do đó làm nhân cho Hậu Hữu.***

✓ Do Hoặc mà có Nghiệp chủng Hữu, là Chi Hữu

Ái và Thủ, đúng là tất cả hoạt động của Hữu đều dựa vào phiền não. Nhờ hoạt động của phiền não này mà khởi lên, tập thành nghiệp chủng của Hậu Hữu; trong mười hai Nhân Duyên gọi là chi Hữu.

✓ Định nghĩa chi Hữu.

- Hữu là tự thể sanh mạng trong ba cõi.

Hữu có ba: Dục Hữu, Sắc Hữu, Vô Sắc Hữu; chính là mạng sống cả mỗi chúng sanh ở trong ba cõi.

- Chi Hữu là Nghiệp Lực, là sanh mạng tiềm tại ở đời sau.

Những gì đã nói đây không những là hiện thực sinh mạng tồn tại (Hữu), mà còn là Nghiệp Lực phát sinh sinh mạng đời sau, cũng có thể nói là sinh mạng tiềm tại ở vị lai.

▪ ***Sự tùy thuộc lẫn nhau giữa Sanh và Lão Tử.***

✓ Chi Sanh.

Hữu đã ở đây, thế thì sau Sanh Tử hiện tại, thức vị lai lại sẽ kết hợp thành Sinh.

✓ Chi Lão Tử.

Đã sanh rồi thì không thể không Già, không Chết. Sanh, Lão, Tử cứ tiếp nối như vậy; nói đơn giản là Sanh, Tử mãi mãi tiếp nối về sau.

• **Mười hai Duyên Khởi là toàn thể lịch trình của Sanh, Tử liên tục trong ba đời.**

○ **Mười hai chi có thể chia hai lớp Nhân Quả trong ba đời.**

**Nhân quá khứ:** Vô Minh, Hành sanh ra.

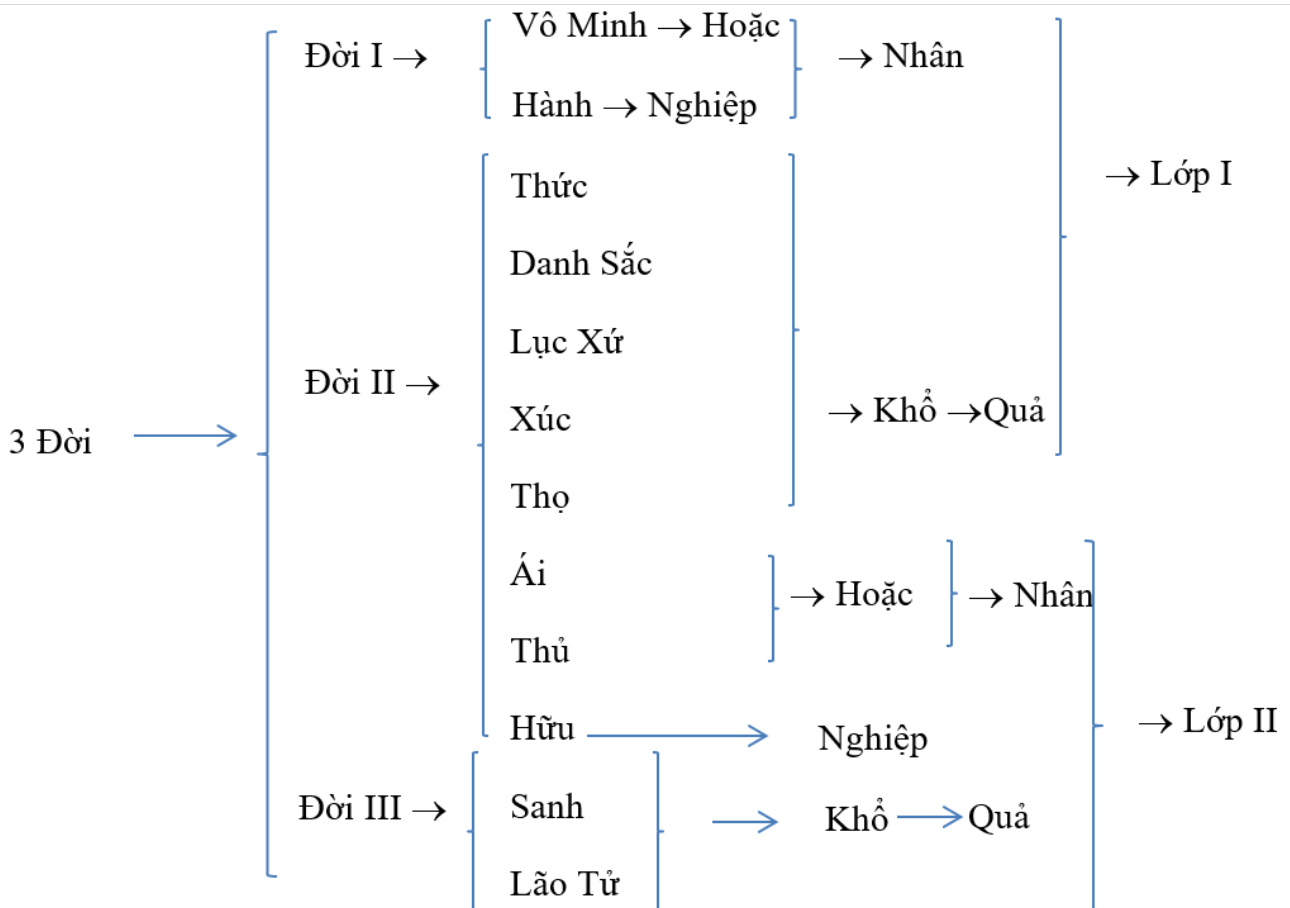
**Quả hiện tại:** Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ.

**Nhân hiện tại:** Ái, Thủ, Hữu sanh ra.

**Quả vị lai:** Sanh, Lão Tử

○ **Tóm lại.**

Hơn nữa, trở về trước có đời trước nữa, trở về đời sau có đời sau nữa (nếu không thoát khỏi Sanh Tử). Nói rõ Nhân Quả tiếp nối ba đời, chính là toàn thể lịch trình tiếp nối vô hạn của Sanh Tử.



**Nội dung các chi của mười hai Duyên Khởi.**

1. Vô Minh: Cái biết sai lầm, thác loạn; cho đó là Ngã, Ngã Sở kiến và là tên chung của phiền não.

2. Hành: Hành vi phát động tương ứng với Ái với Tư Tâm Sở. Là Hành Nghiệp.

3. Thức: Nhập Thai Thức hay Kết Sanh Thức bắt đầu đời sống hiện tại. Là hữu Thủ Thức.

4. Danh Sắc: Sau khi Tinh cha Trứng của mẹ hòa hợp, còn là hình thù viên thệ. Giai đoạn này đã có Thân, Ý.

5. Lục Nhập (xứ): Thêm vào Thân Ý, trong thai mẹ, đã phát sanh: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi. Là giai đoạn hình thành thân

thể bề ngoài của con người.

6.Xúc: Sau khi ra khỏi thai mẹ, lúc Căn, Cảnh gặp nhau thì khởi lên Nhận Thức. Vô Minh tương Xúc; Minh cũng tương ứng Xúc.

7.Thọ: Xúc vừa ý khởi lên Thọ Thiện, Thọ Lạc. Xúc không vừa ý khởi lên Thọ Khổ, Thọ Ưu. Xúc chẳng phải cả hai khởi lên Xã Thọ.

8.Ái: Yêu chính mình, Yêu cảnh giới.

9.Thủ: Ngã ngữ thủ (chấp chặt chính mình); Dục thủ (tìm tòi năm dục); Kiến thủ (ôm chặt kiến giải); Giới cầm thủ (ôm chặt giới điều vô lý).

10.Hữu: Nghiệp lực có khả năng khởi lên Thân Sau (hậu hữu) và tiềm tại Sanh Mạng Vị Lai.

11. Sanh

12. Lão Tử

} Nói tắt về Sanh, Tử tương tục ở vị lai.

*b. Nhân quả Xuất Thế:*

### **Diệt Đế**

滅 應 滅 於 惑,

惑 滅 則 苦 滅,

解 脫 於 癡 愛,

現 證 寂 滅 樂.

*Diệt ưng diệt ở Hoặc,*

*Hoặc diệt tắt Khổ diệt,*

*Giải thoát ở Si Ái,*

*Hiện chứng Tịch Diệt Lạc.*

*Diệt phải diệt từ Hoặc, Hoặc diệt tức Khổ diệt,  
Giải Thoát khỏi Si Ái, Chứng ngay Niết Bàn vui.*

- **Diệt đế**

Giờ nói về Diệt Đế

- **Diệt có Diệt Trừ và Tịch Diệt.**

Diệt trừ nguồn gốc của thống khổ, mới có thể giải thoát khổ Sanh, Tử, thực hiện Niết Bàn vắng lặng.

- **Diệt trừ phiền não.**

Từ diệt trừ mà nói: Chúng sanh ở trong sanh tử luân hồi. Từ khổ sanh ra khổ, khổ ấy không dừng. Đó chính là đối tượng phải diệt trừ.

- ***Phật pháp không từ ngoại giới và sắc thân mà diệt trừ khổ đau sanh, tử.***

Như thế mới giải trừ được khổ đau sanh tử của chúng sanh; Phật pháp càng không xem nặng cải thiện ngoại giới.

Bởi vì cải thiện ngoại vật thì không giải quyết triệt để vấn đề; cũng không từ nỗ lực của sắc thân này, như điều tinh luyện khí của ngoại đạo để mong cầu trường sinh bất tử.

Bởi vì có sanh ắt có diệt, còn trường sanh, bất tử, chẳng qua là, điên đảo mộng tưởng của chúng sanh mà thôi.

- ***Phật pháp từ diệt trừ phiền não đi đến giải trừ khổ đau sanh tử.***

Tuy khổ báo là do chiêu cảm của Nghiệp Lực, nhưng vẫn đề lại nằm ở Phiền não.

Đã có phiền não sẽ có phát sanh Nghiệp, Tái sanh. Nếu dứt hết phiền não thì bao nhiêu hạt giống Nghiệp sẽ khô cạn, không nảy mầm được nữa. Vì vậy, Phật khẳng định: Muốn diệt trừ cái khổ lớn Sanh Tử, cần phải diệt trừ Hoặc hay Phiền Não.

Nếu diệt hết Hoặc thì không tạo Nghiệp nữa; Nghiệp quá khứ cũng khô cạn, vô dụng, không thể nảy mầm. Như vậy, quả khổ Sanh Tử sẽ diệt trừ triệt để.

○ **Chứng Niết Bàn ngay bây giờ.**

- ***Căn bản của diệt trừ phiền não ví như chặt cây.***

Nói đến diệt trừ phiền não, đương nhiên cũng phải bắt đầu từ gốc rễ của phiền não, giống như chặt cây to. Nếu chỉ phạt cành, ngắt lá thì không thể đi đến mục đích.

Nếu chặt đứt rễ cây thì liền ngắt cây ra lá rồi cuối cùng sẽ chết thôi.

- ***Kế tiếp diệt trừ phiền não Si Ái.***

✓ **Vô Minh và Ái làm trở ngại Trí huệ, Thật hành.**



Nói đến căn bản phiền não, chính là Ngu si, Vô Minh.

Chủ yếu của Vô minh là Mê Lắm đối với Vô ngã và còn đắm nhiễm, Tham Ái đối với Cảnh Giới. Một là trở ngại Trí Huệ, một làm trở ngại Thật hành.

✓ Trước đạo đến Vô Ngã, sau diệt trừ Ái Nhiễm.

Theo tu học Phật pháp mà nói: Trước phải thông đạt Vô Ngã, chứng đến Chân Trí Vô Ngã. Sau đó, trong thật hành mỗi ngày, không ngừng tiêu trừ Ái Nhiễm cho đến khi viên mãn. Tất cả những thứ này đều phải giải trừ hết.

Trong kinh hay nói: “*Ly tham dục giả, Tâm giải thoát. Ly vô minh giả, Huệ giải thoát*”: Là tham dục thì Tâm được giải thoát. Là Vô minh thì Huệ được giải thoát. Cho nên hiện giờ nói: 解脫於痴愛: Giải thoát ư Si, Ái: Giải thoát khổ đau bắt đầu từ Si, Ái.

▪ ***Si, Ái dứt hết thì chứng ngay Niết Bàn Vắng Lặng An Vui.***

✓ Nói chung.

Không kể Tri Kiến, không kể Hành Vi đều không bị ràng buộc bởi phiền não, mà còn trừ khử hết phiền não. Như thế mới không thể chứng ngay được an vui vắng lặng của Niết Bàn.

✓ Giải thích riêng.

Hiện chứng là thể nghiệm trực quan vô lậu, là chính mình lãnh hội được ngay bây giờ và tại đây, cũng là sự thân thiết.

Niết Bàn vắng lặng là sự thể nghiệm hiện thực, hoàn toàn không phải chờ đến sau khi chết mới thể nghiệm được. Đây là đặc sắc của Phật pháp. Phiền não ở trong Tâm diệt sạch, trực giác đến Thánh Cảnh tự tại, bình đẳng, bất động, không còn một chút chướng ngại; cho nên gọi là Vắng Lặng. Giống như từ trong nhà lửa, chạy thoát ra ngoài, cảm nhận được sự an toàn, mát mẻ vậy; cũng giống như từ trong trận đấu tranh não loạn với phiền não vừa thoát ra và được hưởng cảnh thanh bình, thoải mái. Trong kinh, luận thường lấy các Tịch, Tĩnh, Diệu, Ly để hình dung về Niết Bàn Tịch Diệt.

Các Vui xa lìa sự trói buộc.

Cái gọi là Vui (lạc) không phải cái cảm giác Vui có tính xung động mà là cái cảm giác Tự Tại có được, khi buông bỏ gánh nặng phiền não xuống. Ấy là cái vui xa lìa sự trói buộc.

**Đạo Đệ.**

能滅苦集者, *Năng diệt Khổ Tập giả,*

唯一乘道, *Duy hữu Nhất Thừa Đạo,*

三學八正道, *Tam học Bát Chánh Đạo,*

能入於涅槃. *Năng nhập ư Niết Bàn.*

*Tiêu diệt được Khổ Tập, Chỉ có Đạo Nhất Thừa.  
Ba Học, Đường Tám Nhánh, Mới vào được Niết Bàn.*

- **Đạo đế.**

Tiêu trừ hết Nguyên Nhân của Đau Khổ (Tập), cái khổ của Sanh Tử cũng từ đây mà kết thúc và đến được Giải Thoát lớn Niết Bàn. Nhưng từ vô thủy đến nay, Khổ và Tập liên tiếp không ngừng; nếu không tu tập theo con đường (Đạo) đối trị thì sẽ không tự động kết thúc được.

Vì vậy, cần phải nói Đạo Đế. Đây là con đường thiết yếu cho đệ tử Phật tu học, giống như có bệnh thì phải mời thầy thuốc đến bốc thuốc, trị bệnh.

- **Con đường diệt khổ là Con Đường Nhất Thừa Ba Học, Tám Nhánh.**

- **Đạo Nhất Thừa là phương pháp duy nhất để ra khỏi sanh tử.**

Đạo diệt được Khổ Tập (nguyên nhân khổ) là cái gì?

Tuy căn tánh của chúng sanh không giống nhau: có thông minh, có ngu dốt; có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát; Phật cũng tùy theo căn cơ mà nói những pháp môn không giống nhau. Nhưng chỉ có một pháp môn chân chánh nhất ra khỏi

được sanh, tử; đó là Đạo Nhất Thừa, cũng gọi là Nhất Thừa, Nhất Đạo.

- ***Từ Thừa và Đạo này đến Pháp Môn và Phương Pháp kia.***

Thừa là đi xe, có thể chở người, vật đi từ chỗ này đến chỗ kia.

Pháp môn Phật dạy, có thể khiến cho chúng sanh từ trong Sanh Tử đi đến Cảnh giới Giải Thoát; cho nên gọi Pháp Môn là Thừa (đi xe, chở bằng xe). Giống như vậy, Đạo là Đường Đi; từ chỗ này đến chỗ kia, bắt buộc phải đi qua con đường này; vì vậy, phương pháp Tu Tập cũng gọi là Đạo.

- ***Pháp Nhất Thừa tức là pháp đồng nhất Giải Thoát Sanh, Tử.***

Chúng ta biết rằng việc sống, chết của chúng sanh đồng dạng; căn nguyên của sống, chết thì đồng dạng với mê chấp. Thể tánh của Khổ và Tập (nguyên nhân của khổ) thì như nhau. Thế thì pháp môn xa lìa cái Khổ Sanh Tử này, bắt đồng ở chỗ nào? Vì vậy trong kinh A Hàm, Phật từng xác định rõ ràng Pháp Nhất Thừa, cũng chính là “*Con đường Duy Nhất Ra Khỏi Sanh Tử, cùng lên bờ Giải Thoát*”.

- ***Ba Học là con đường ra khỏi Sanh Tử.***

Pháp Nhất Thừa ra khỏi Sanh Tử là Pháp Bất Nhị, theo sự chứng ngộ chân lý mà nói thì Không Hai Không Khác: “Cùng đi vào một Pháp Tánh”; theo pháp môn tu hành mà nói thì Đồng Dạng. Thích ứng với Căn Tánh bất đồng của chúng sanh nên Phật nói rất nhiều phương pháp khác nhau. Nhưng ngoại trừ phương tiện dẫn đạo, luận bàn thể tánh ra khỏi Sanh Tử của Đạo, thì hoàn toàn không khác nhau. Nói chung, không ra ngoài Ba Học. Học đây là Học Tập, không phải Học Vấn.

Ba Học nên gọi là Ba Tăng Thượng Học, chính là Tăng Thêm Giới Học, Tăng Thêm Tâm (Định) Học, Tăng Thêm Huệ Học.

Tăng Thượng (tăng thêm) là có Sức, với ý nghĩa làm chỗ dựa cho cái Nhân của Ba Học. Nhân là Ba Học có mối tương quan nương tựa lẫn nhau, là quá trình học tập, không thể thiếu sót, đối với người cầu Giải Thoát. Chắc chắn không có lý nào không Tu Giới mà có thể thành tựu Định, không Tu Định mà có thể thành tựu Huệ, không tu Huệ mà có thể được Giải Thoát.

○ **Bát Chánh Đạo là con đường ra khỏi Sanh Tử.**

Khi Phật nói rõ Đạo Đệ, phân loại nội dung theo cách thông thường nhất; đó là Bát Chánh Đạo. Bát Chánh Đạo nên gọi là Bát Thánh Đạo Phần hay Bát Thánh Đạo Chi.

Đây là con đường chân chánh để thành Thánh, có tám thành phần không thể thiếu. Đó là: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.

- **Ba việc đều là con đường dẫn đến Niết Bàn, Giải Thoát.**
  - **Bát Chánh Đạo chính là Tam Học.**

Chánh **Tri Kiến**, Chánh **Tư Duy** là **Huệ Học**.

Chánh **Ngữ**, Chánh **Nghiệp**, Chánh **Mạng** là **Giới Học**.

Chánh **Niệm**, Chánh **Định** là **Định Học**.

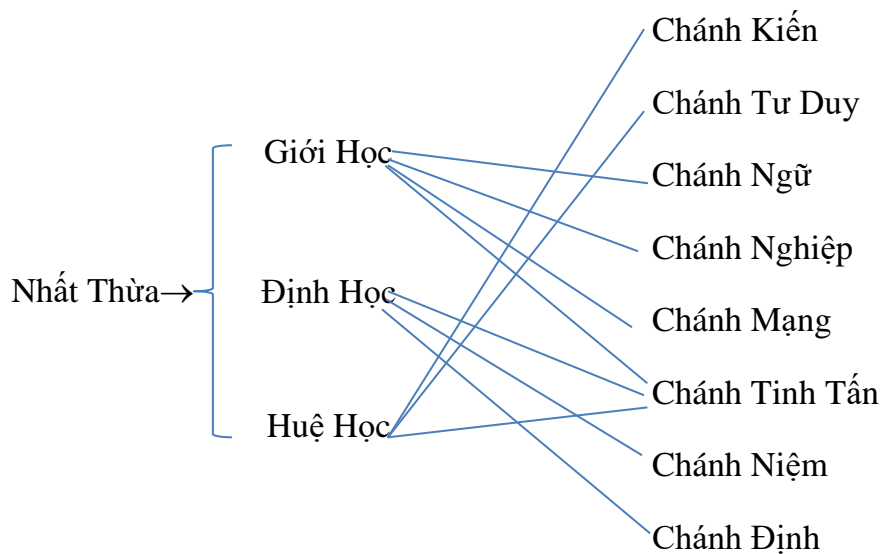
Còn Chánh **Tinh Tấn** thì có mặt khắp trong ba học ấy.

- **Bát Chánh Đạo là Tam Học cũng là Nhất Thừa Đạo.**

Bát Chánh Đạo là Tam Học cũng là Nhất Thừa.

Phật, vì ông Tu Bạt Đà La, nói: Ngoại đạo không có Bát Chánh Đạo, cho nên, không có Thánh Quả, không có Giải Thoát. Trong pháp của Ta có Bát Chánh Đạo, cho nên, có Thánh Quả, có Giải Thoát. Như vậy, có thể thấy Bát Chánh Đạo là Pháp Môn Duy Nhất dẫn đến Niết Bàn. Trong kinh Lăng Già của Đại Thừa, cũng nói như thế: 唯 有 一 大 乘,

清涼八正道: Duy hữu nhất Đại Thừa, Thanh Lương  
Bát Chánh Đạo: Chỉ có một cỗ xe lớn là Tám Chánh Đạo  
Thanh Lương (Thanh Lương là Tam Muội cắt đứt mọi yêu,  
ghét).



## 4.2.2. Phương pháp thực hành.

### 4.2.2.1 Phẩm cảnh.

#### a. Ba Tầng Thượng Học

#### **Giới tăng thượng học.**

#### Nội hàm của thi la (giới).

初 增 上 尸 羅,	<i>Sơ tăng thượng Thi La,</i>
心 地 淨 增 上,	<i>Tâm địa tịnh tăng thượng,</i>
護 心 令 不 犯,	<i>Hộ tâm linh bất phạm,</i>
別 別 得 解 脫.	<i>Biệt biệt đắc giải thoát.</i>

Ban đầu tăng thượng Giới, Đền Tâm tăng thượng trong veo,  
Giúp Tâm dừng vi phạm, Được Giải Thoát từng phần.

- **Trước nói Tam Học, trình bày lại Bát Chánh Đạo.**

Nói rõ ở trong Đạo Đế, sự liên hệ của Bát Chánh Đạo cực kỳ hoàn chỉnh. Song, bây giờ dựa vào Tam Học mà nói, khi nói đến Huệ Học là nói lại Bát Chánh Đạo để làm sáng tỏ tính nhất quán của đạo phẩm mà Phật đã nói.

- **Nói chung về Tăng Thượng Giới Học.**

- **Thi La:**

- *Thi La có nghĩa là yên ổn, mát mẻ.*

Trước nói về Tăng Thượng Thi La; Thi La là tiếng Phạn, dịch ý là Giới, có nghĩa là yên ổn, mát mẻ. Thông thường nghe nói đến Giới thì nghĩ đến Giới Điều, thực ra, đây là quy chế thành văn mà vì thời gian, hoàn cảnh, căn cơ đưa đến bất đồng; cốt yếu là Thật Chất của Giới. Tác dụng của Giới là Chỉ Ác, Hành Thiện: Ngừa Ác, Làm Lành. Dựa vào bốn ý của Phật: Quyết không chuyển đổi từ quy định của pháp chế thành điều lệ trói buộc mà, cốt yếu là đến từ sự thanh lọc của nội tâm.

- ✓ Nghĩa mát mẻ.

Khi nội tâm phiền não, loạn động, nếu không làm ác, thì đây chính là lúc nóng nảy, bực tức, ưu sầu, hối hận.



Nếu tâm giữ Giới thanh tịnh thì sẽ không hối hận; không hối hận thì sẽ được an lạc, cho nên, Giới có nghĩa là mát mẻ.

✓ Nghĩa thanh lọc.

Phiền não còn giống như mặt đất mọc đầy gai góc, chắc chắn ngũ cốc không sống được.

Giới làm cho tâm địa sạch trơn phiền não, giống như mặt đất nhổ bỏ cỏ dại; đây là cơ hội cho lúc công đức sinh sôi, phát triển.

▪ ***Do thâm nhẫn, lạc dục nên phát sanh tác dụng của Giới.***

✓ Từ thâm nhẫn, lạc dục mà có được tâm địa thanh tịnh.

Nhưng tâm địa làm thế nào mới được thanh tịnh? Đây chính là đức tin, là tâm Quy y Tam Bảo.

Từ trong thâm nhẫn (sự lãnh hội sâu sắc), lạc dục (lời thệ nguyện khẩn thiết) mà phát sinh đức tin Tam Bảo, đức tin Tứ Đế. Hiện tiền có tín tâm chân thật thì có được tâm địa thanh tịnh. Vì vậy nói Tín là “*Tánh của Tâm là trong veo, ... giống hạt châu làm trong nước, có thể biến nước đục thành nước trong*”.

✓ Từ tâm trong veo phát sinh công năng giúp đỡ tâm không phạm giới.

Từ trong đức thanh tịnh này phát sinh lực lượng chỉ Ác, hành Thiện. Đây chính là Giới Thể mà thông thường hay nói đến; cho nên nói đến Đắc Giới, bất luận là giới của Phật Tử nam, Phật tử nữ tại gia (thọ tám giới là Phật tử tại gia muốn thọ một phần giới của Phật tử xuất gia để tập tu); Sa di, Sa di ni, Thức xoa ma na giới (Sa di ni thọ một phần giới của Tỳ kheo ni để tập tu); giới Tỳ kheo, Tỳ kheo ni; muốn Đắc Giới, tất cả những vị này, bắt đầu đều phải quy y Tam Bảo. Tự nguyện quy y, tự xưng tôi là Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Sa Di... thì mới gọi là Đắc Giới.

Về sau, việc thọ giới Tỳ kheo, Tỳ kheo ni càng trịnh trọng hơn là phải bạch Tứ Yết Ma mới được Đắc Giới. Nhưng nếu không có tâm tịnh Tín, không bạch Tứ Yết Ma thì không Đắc được Giới.

Vì vậy, giới phải xuất phát từ tâm thanh tịnh với đức tin tha thiết, thế nguyện cũng phải từ tâm thanh tịnh mới phát sanh được Lực Tăng Thượng và Công Năng bảo hộ, giữ gìn tâm mình, khiến cho không phạm, không sai sót giới đã thọ nhận.

○ **Luật nghi.**

- ***Luật nghi là để ngừa Ác là chính.***

Giới cũng gọi là Luật Nghi

Tiếng Phạn là Tam Bạt La, nếu dịch thẳng là Đẳng Hộ, dịch nghĩa là Luật Nghi; có tên gọi như thế là do công năng phòng hộ điều Ác, lỗi lầm.

▪ ***Ba loại Luật nghi (Vô biểu sắc).***

✓ Giải thích tên gọi.

Luật nghi có 3 loại:

- Nếu bằng Chân Trí hiện tiền, dùng Huệ mà xa lìa phiền não thì được Đạo Cộng Luật Nghi.
- Nếu bằng Định Tâm hiện tiền, dùng Định mà xa lìa phiền não thì được Định Cộng Luật Nghi.
- Nếu bằng Tịnh Tín Tam Bảo, Tứ Đế hiện tiền, nguyện tu học ở trong pháp Phật, làm đệ tử tại gia hay đệ tử xuất gia thì được Biệt Giải Thoát Luật Nghi.

✓ Chỗ giống, khác trong ba loại Luật Nghi.

- Từ sự thanh lọc, mát mẻ mà nói, pháp này đều là Giới. Trước hết, đối với giới điều, đây là bản chất của quy luật chế định.
- Biệt Giải Thoát Luật Nghi chỉ dành cho loài người.

Từ quy y, tịnh tín Tam Bảo, Tứ Đế mà có được Biệt Giải Thoát Luật Nghi thuộc về loài người hoặc là nam hoặc là nữ hoặc tại gia hoặc xuất gia hoặc thanh niên hoặc thiếu niên.

Do mỗi quan hệ xã hội, phương thức sinh hoạt, thể lực mạnh yếu không giống nhau, Đức Phật chế định giới đều cũng không giống nhau; như năm giới, tám giới, mười

giới...để cho người học ngừa Ác, làm Lành đối với hành vi Thân, Miệng có chỗ để nương theo. Vì vậy mà gọi là Ba La Đề Mộc Xoa với nghĩa Biệt Giải Thoát Giới. Đây chính là giữ được giới nào thì giải thoát lỗi lầm tương ứng thuộc phần ấy.

- **Đối với việc học giới thiên và Luật, mỗi bên sở đắc một khía cạnh.**

Thông thường trọng Giới Luật, nói chung là coi trọng quy chế; Phật nói sơ lược về Bản Chất của Giới là khả năng thanh tịnh của nội tâm.

Các bậc Thiên Sư xưa, nói Giới Tánh là xem nặng Thanh Tịnh của nội Tâm, đức Tánh nội hàm trong ấy; nhưng lại nặng về Thanh Tịnh Chứng Ngộ mà người bình thường không thể đạt được.

Thật ra, Phật pháp là:

信 爲 能 入

*Tín vi năng nhập,*

智 爲 能 度.

*Trí vi năng độ.*

Tin tưởng thì đi vào Đạo được, Trí Huệ thì vượt qua sanh tử được. Tịnh tín thiết tha, thệ nguyện tu học là căn bản của Giới Học.

**Hai chúng khác nhau.**

***Giới tại gia***

在家五八戒,      *Tại gia ngũ bát giới,*

如前之所說.      *Như tiền chi sở thuyết.*

*Tại gia có năm, tám giới,      Như trước đã nói rồi.*

- **Giới tại gia.**

- **Năm giới và tám giới.**

Trong giới luật thọ trì, đệ tử Tại Gia có Cận Sự Luật Nghi, đó là năm giới Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Còn có Cận Trụ Luật Nghi, đó là tám giới tại gia muốn tu hạnh Xuất Gia trong một ngày đêm hay trong một thời gian ngắn.

- **Như trước đã nói.**

Đây là Ngũ Thừa Cộng Pháp đã nói ở trên.

- **Phân biệt Giới Thế, Xuất Thế.**

Năm giới và Tám Giới vốn là giới của đệ tử Tại Gia Thanh Văn.

Bằng tâm xuất ly để tu học pháp Phật; vì giải thoát sanh tử để thọ trì giới luật; đó là Giới Pháp xuất thế.

Nhưng nếu sanh tâm tăng thượng để mong được an lạc đời này và đời sau mà thọ trì giới luật thì sẽ thành pháp Nhân, Thiên Thừa.

Nếu cho rằng năm Giới chỉ là Pháp Nhân, Thiên Thừa thì không đúng.

## *Giới xuất gia.*

### Các loại giới xuất gia.

#### Nói chung về năm loại giới.

出家戒類五: *Xuất gia giới loại ngũ:*

沙彌沙彌尼, *Sa di, Sa Di Ni,*

比丘比丘尼, *Tỳ kheo, Tỳ Kheo Ni,*

及式叉摩那. *Cập Thức Xoa Ma Na.*

*Giới Xuất Gia có năm: Sa Di, Sa Di Ni,*

*Tỳ kheo, Tỳ Kheo Ni, Và Thức Xoa Ma Na.*

#### • **Các loại giới Xuất Gia.**

Ở trong đệ tử Thanh Văn, giới xuất gia chia ra năm loại:

##### ○ Giới Sa Di, Sa Di Ni.

Đây là những người xuất gia, nhưng về tư cách chưa đầy đủ nên, có thể nói là những người dự bị Xuất Gia.

##### ▪ **Ngũ Nghĩa.**

Sa Di dịch nghĩa là Cẩn Sát: Siêng năng và cố gắng mong cầu giải thoát sanh, tử.

Nam thì gọi là Sa Di, Nữ là Sa Di Ni, ý nghĩa hoàn toàn giống nhau.

##### ▪ **Giới pháp:**

✓ Cùng thọ mười giới, chín giới trước và giới Cận Trụ giống nhau.

Nói về giới pháp thì Sa Di và Sa Di Ni giống nhau, đều thọ mười giới: 1. Không Sát Sanh, 2. Không Trộm Cấp, 3. Không Dâm Dục, 4. Không Nói Dối, 5. Không Uống Rượu, 6. Không Trang Sức Nước Hoa, Kem Phấn, 7. Không Ca Múa và Cổ Ý Xem, 8. Không Nằm Ngồi Giường Cao Rộng Lớn, 9. Không Phi Thời, 10. Không Nắm Giữ Vàng Bạc Của Báu.

✓ Sáu giới giữa tại gia và xuất gia không giống nhau

- Giới thứ 3: Không dâm dục là cấm đoán Dâm dục hoàn toàn.

Sau khi xuất gia, đã thọ mười giới này mới xem là Sa Di hoặc Sa Di Ni. Đây là giới của người xuất gia nên cấm đoán dâm dục hoàn toàn.

- Ba giới thứ 6,7,8 là sống đời đạm bạc: Ít muốn, biết đủ.

Phật dạy: Đời sống người xuất gia theo nguyên tắc: Ít muốn, biết đủ.

- Giới thứ mười: không cất giữ vàng bạc.

Bốn nhu cầu thiết yếu cho đời sống là y phục, thực phẩm, chỗ ở, thuốc thang đều do khát thực, hóa duyên mà có.

Y phục và thức ăn không được cất giữ nhiều để tránh lòng tham dục khởi lên, huống gì giữ gìn vàng bạc, của quý.

- Giới thứ 9: Không ăn phi thời.

Thường thực hành pháp xin ăn, cho nên tuân thủ giới Không Ăn Quá Giờ Ngọ (từ 12 giờ đến 1 giờ trưa).

✓ Dựa vào ba giới nói về đặc tính của người xuất gia.

Hai giới sau, tuy chỉ liên quan đến ẩm thực và tài sản, nhưng ở trong quy chế nhà Phật, đối với Giới Không Dâm Dục là biểu trưng đặc tính của người Xuất Gia, lìa bỏ quan hệ vợ chồng cũng lìa bỏ tài sản tư hữu.

✓ Cuộc sống Tăng Chúng Việt Nam có thay đổi.

Ở nước ta, tuy nói Tăng Chúng đi hóa duyên để sống nhưng thực ra chọn cách thức tự túc tự cấp về kinh tế. Như ăn uống tự mình nấu, thế nên khó giữ giới: Phi thời thực; tài sản thì tự quản lý; phòng ốc cũng tự sửa chữa.

Ngay cả ruộng đất cũng phải tự thuê, mượn, lo toan... Như vậy, càng ngày càng xa với ý nghĩa ban đầu về đời sống của người xuất gia.

Vì vậy, Tăng chúng có đạo hạnh ở nước ta cũng chỉ nghiêm trì giới luật căn bản mà thôi.

Nói một cách nghiêm khắc, Tỳ Kheo Tăng của nước ta, có khi chưa bằng Sa Di đâu!

○ **Giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni.**

Thứ ba: Giới Tỳ Kheo; Thứ tư: Giới Tỳ Kheo Ni.



Đây là đời sống hoàn toàn xa lìa hành động ác độc và dâm dục, đầy đủ tư cách của người Xuất gia, là chủ thể của Tăng Đoàn.

▪ ***Ngũ nghĩa.***

Tỳ Kheo dịch nghĩa là Khất Sĩ, là người tu tập sinh sống bằng xin ăn và hóa duyên; nữ thì gọi là Tỳ Kheo Ni

▪ ***Giới pháp.***

Theo giới pháp mà nói: Giới Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni hoàn toàn giống nhau. Do quan hệ về mặt xã hội, về tâm lý mạnh yếu khác nhau nên, Phật chế giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni không giống nhau. Thông thường nói: Tỳ Kheo có 250 giới, Tỳ Kheo Ni có 500 giới. Đây là nói đại khái, hàm ý giới Tỳ Kheo Ni nghiêm khắc hơn. Thực tế, giới Tỳ Kheo vào khoảng 250 giới, giới Tỳ Kheo Ni vào khoảng 340 giới.

▪ ***Phát triển chế độ của Tăng Già.***

✓ Phát triển hoàn thành chế độ Tăng Già.

Sau khi xuất gia, trước thọ giới Sa Di và Sa Di Ni; rồi mới được thọ giới Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni.

✓ Quá trình phát triển chế độ Tăng Già.

- **Ban đầu, Đức Thế Tôn chỉ nói với đệ tử mới xuất gia: “Thiên lai, Tam Quy” (3 lần), thì đắc giới Cụ Túc ngay; không có chế độ Sa Di.**

Nghiên cứu, tìm hiểu quy chế ban đầu tu học theo Phật giáo trước hết là Tâm hướng về Tam Bảo, rồi tự động phát tâm xuất gia (nếu trưởng thành thì ý muốn của chính mình). Vì vậy, lúc phát tâm xuất gia, Đức Phật nói: 善來比丘, 於我法中快修梵行 Thiện lai Tỳ Kheo! Ưngã pháp trung khoái tu Phạm Hạnh: Lành thay các Tỳ Kheo! Ở trong giáo pháp của Ta, quý thầy thích Tu Phạm Hạnh (hạnh là xa sắc dục) thì liền nhận được giới Tỳ Kheo và trở thành Tỳ Kheo. Hoặc có lúc Phật nói: 歸命三寶已, 我佛隨出家, 即得具足戒: Quy mạng Tam Bảo dĩ, Ngã tùy Phật xuất gia, tức đắc cụ túc giới: Dem cả sinh mạng về nương tựa Tam Bảo rồi, con xuất gia theo Phật, liền được giới cụ túc (Thập Tụng Luật), gọi là Tỳ Kheo. Đây là trường hợp không cần thông qua cấp bậc Sa Di, đương nhiên, cũng không cầu thị giới Sa Di trước.

- Nguyên nhân chế định Sa Di.

Về sau, con trai con gái của tín đồ cha, mẹ chết hết, cô độc không nơi nương tựa, Phật từ bi thu nhận những người này, từ bảy tuổi đến mười tuổi mới cho xuất gia, làm Sa Di, Sa Di Ni, thọ giới Sa Di, tu học một phần giáo pháp của người xuất gia; chờ đến khi đủ hai mươi tuổi mới cho thọ giới Tỳ Kheo.

*Từ đây, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni trong hàng dự tu cao hơn một bậc so với trước. Thậm chí người xuất gia mà tuổi lớn hơn hai mươi hoặc một lý do nào đó làm cho không đầy đủ quy định cũng không được thọ giới Tỳ Kheo và chỉ gọi là Lão Sa Di.*

Nhưng trong quy chế Tăng Đoàn, nếu có người đủ hai mươi tuổi xuất gia, tuy chưa thọ giới Sa Di thì cũng có thể trực tiếp thọ giới Tỳ Kheo và cũng được Giới Thể. Điều này phù hợp với bản ý của Phật; song, nhìn từ phát triển quy chế Tăng đoàn mà nói dường như không được lý tưởng lắm.

○ **Giới thức Xoa Ma Na.**

Thứ 5 là giới Thức xoa Ma Na: Đây là chúng nữ, trên Sa Di một bậc, dưới Tỳ Kheo Ni một bậc.

▪ ***Ngữ nghĩa và giới pháp.***

Thức Xoa Ma Na dịch nghĩa là Học Pháp Nữ, trong vòng hai năm, thọ giới giữ sáu pháp giới. Thực ra, đây là Sa Di Ni (thành phần dự tu thuộc nữ chúng), nhưng lại muốn tu tập một phần giới Tỳ Kheo Ni.

▪ ***Ni chúng là sự phát triển quy chế của Tăng.***

✓ **Từ Tỳ Kheo Ni Tăng thêm thức Xoa Ma Na.**

Quy chế của Phật đối với người nữ xuất gia, ban đầu cũng chỉ có Tỳ Kheo Ni; về sau tăng thêm Sa Di Ni; sau nữa tăng

thêm Thức Xoa Ma Na, thành ba cấp bậc của chúng xuất gia nữ.

✓ Nói về duyên cớ và chế độ của Thức Xoa Ma Na.

- Duyên cớ: Ban đầu là nhằm xét xem có thai hay không mới quyết định.

Nguyên nhân là: Đã từng phụ nữ đã kết hôn, rồi xin xuất gia mà, đã sớm có thai. Sau khi thọ giới Tỳ Kheo Ni, thai càng ngày càng lớn và đã sanh con. Do vậy bị người thế tục hiểu lầm, phỉ báng Tăng đoàn đến mất danh dự. Từ đó, Phật chế định Thức Xoa Ma Na.

Người nữ nào đã từng kết hôn, từ mười tuổi trở lên, vì Ân Độ có tục tảo hôn; hoặc người nữ chưa kết hôn, tuổi từ mười tám trở lên, sau khi thọ giới Sa Di Ni, tiếp theo thọ sáu giới pháp trong hai năm.

Về sau trở thành đây là thời gian bắt buộc. Ban đầu, chỉ là thí nghiệm việc có thai hay không; nhưng về sau, trở thành giai đoạn bắt buộc cho Sa Di Ni trước khi thọ Tỳ Kheo Ni.

Nếu trong tuổi hai mươi mà phạm sáu pháp thì không được thọ giới Tỳ Kheo Ni mà phải thọ lại sáu pháp trong hai năm nữa. Trong hai năm nghiệm trì sáu pháp không phạm thì mới

thọ được giới Tỳ Kheo Ni. Giới này so với giới Sa Di Ni thì nghiêm khắc hơn nhiều.

Tâm tánh của nữ chúng không vững chãi, dễ thoái lui; cho nên, trước hết phải hoàn thành tư cách của Tỳ Kheo Ni, cần thiết có sự kiểm tra nghiêm khắc này. Trong Thiên Chúa giáo khi người nữ đi tu cũng có ba lần phỏng vấn và kiểm tra, so với nam chúng có nhiều nghiêm khắc hơn.

- Chế độ.

+ Pháp tắc này, các bộ luật nói không nhất quán.

Song pháp tắc (hay quy chế) này, Phật giáo trong nước ta thực hành cũng không nhất quán, ở Ấn Độ cũng không mấy coi trọng. Bởi vì, giới Sa Di và giới Sa Di Ni; giới Tỳ Kheo Ni, tuy các bộ có khác nhau ít nhiều nhưng đại khái đều nhất trí. Chỉ có sáu giới pháp thọ trì trong hai năm là các bộ nói không giống nhau.

Có thập tụng Luật của Cựu Hữu Bộ, có Tứ Phần Luật Pháp Tạng Bộ đều nói về sáu pháp nhưng không hoàn toàn giống nhau.

Có Bí Sô Tỳ Nại Da của Tân Hữu Bộ chủ trương hai năm học sáu pháp, sáu tùy hạnh. Đây là hai loại sáu pháp.

Tăng Kỳ Luật của Đại Chúng Bộ chủ trương: mười hai tuổi thực hành theo mười tám việc. Đây là ba loại, mỗi loại sáu pháp.

+ Vì không thực hành nghiêm túc, mới có truyền thuyết không rõ ràng.

Thuyết xưa hai năm sáu pháp đã đi đến nhất trí nhưng nội dung sáu pháp không giống nhau. Điều này cho thấy rằng chế độ xưa về Học Pháp Nữ đã không tuân hành nghiêm khắc từ sớm nên mới có truyền thuyết không rõ ràng.

• **Giới loại tuy bất đồng nhưng Nhân Giới sanh Định, Nhân Định phát Huệ thì giống nhau.**

Đệ tử Phật, tại gia có hai chúng, xuất gia có năm chúng. Luận về giới pháp, tuy có tám loại (thêm giới Cận Trụ nữa); nhưng thanh tịnh Giới Thể có công năng ngăn ngừa sai lầm, gian ác; có công đức sanh trưởng Định, Huệ thì giống hoàn toàn. Vì vậy, đệ tử tại gia cũng tốt, đệ tử xuất gia cũng tốt; chỉ cần tin tưởng khẩn thiết vào Tam Bảo, phát khởi Tịnh Giới thì đều Giải Thoát được Sanh Tử.

*Nói riêng về giới Cụ Túc.*

於中具足戒,      *U trung Cụ Túc giới,*  
戒法之最勝,      *Giới pháp chi tối thắng,*

殷重所受得, Ân trọng sở thọ đắc,

護持莫失壞. Hộ trì mạc thất hoại.

Ở trong giới Cụ Túc, Giới pháp là hơn hết,

Trân trọng được thọ trì, Giữ gìn chớ sai sót.

• **Tăng bảo là ngôi vị Cụ Túc, là chủ thể của Tăng Đoàn.**

○ **Ý nghĩa Cụ Túc.**

Ở trong tám loại giới này, giới mà Tỳ kheo và Tỳ Kheo Ni Thọ, gọi là Giới Cụ Túc. Cụ Túc là cụ dịch, tân dịch là Cận Viên (Viên = Cụ Túc = Đầy Đủ), Cận là Gần Gũi, Viên là Hoàn Toàn Vắng Lặng, là Niết Bàn.

○ **So Sánh giới pháp khác thì giới pháp này cực kỳ thù thắng.**

Tuy mỗi giới pháp Đức Phật chế ra, nếu thọ trì thanh tịnh, đều có thể sanh Trưởng Định, Huệ; giải thoát sanh tử. Song so sánh với giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, thì vượt qua đấm nhiễm, xa lìa năm dục và dâm dục bằng đời sống xuất tục. Trong cuộc đời vật dục cuồng bạo này, so sánh với giới pháp thì nghiêm túc rất mực, thanh tịnh cùng cực, có khả năng to lớn vượt qua tình dục. Vì thế, ở trong giới pháp mà Phật chế ra đây rất là thù thắng. Thọ giới Cụ Túc thì ở ngôi vị Tăng Bảo; là chủ thể của Tăng đoàn; được trời, người cúng dường.

• **Nghi thức thọ giới Cụ Túc hoàn toàn không dễ.**

Trong giới pháp thì giới Cụ Túc là hơn hết, cho nên, thọ giới Cụ Túc cũng không dễ dàng.

○ **Luân về tư cách, điều kiện hơn hẳn các giới khác.**

***Về tuổi tác phải đủ hai mươi tuổi.***

Ngoài sư trưởng cho thọ giới phải có ba thầy: Hòa Thượng, Yết Ma A Xà Lê, Giáo Thọ A Xà Lê; còn phải có bảy thầy chứng minh. Ngay cả nơi biên địa Phật pháp không hưng thịnh, cũng không thể thiếu ba thầy Hòa Thượng, hai Tôn Chứng.

So sánh với ban đầu: Thọ giới tại gia chỉ cần một thầy truyền giới; Thọ giới Sa Di và Sa Di Ni chỉ cần hai thầy truyền giới. Như vậy đã là khó lắm rồi.

Nếu thọ giới Tỳ Kheo Ni, phải thọ sáu pháp trước hai năm, lại còn phải thọ giới từ hai bộ Tăng, Ni. Đây, thực sự, trịnh trọng làm sao!

○ **Trì giới như giữ lấy phao cứu sinh, như bảo hộ con người của mắt mình.**

Lý do phát tâm thọ giới Cụ Túc, phải có ba y, phải có Bôn Sư, phải có Tăng Đoàn cho phép. Đây chính là tâm tình khẩn thiết, trịnh trọng của giới tử; phải có đủ nhân duyên hòa hợp, mới có thể thọ giới Cụ Túc. Được như vậy, không dễ, nên đặc biệt trân quý điều này, giữ gìn thật cẩn trọng; như vượt



qua biên cả phải chăm chút kỹ lưỡng phao cứu sinh; như người bảo hộ con người của mắt mình. Chớ có buông lung cầu thả, bởi hoàn cảnh quỵến rũ, bởi xung động của phiền não; làm hư hao, mất mát giới pháp châu báu vô giá! Nếu không nương tựa được vào giới pháp thù thắng này, để được sanh làm người, trời hay ra khỏi sanh tử mà, ngược lại, còn mất thân người trong chiếc áo cà sa, thật là việc đáng tan lòng xiết bao!

### Giới Pháp.

#### Phạm 4 trọng tội, mất giới thể.

極重戒有四：	<i>Cực trọng giới hữu tứ:</i>
淫行不與取，	<i>Dâm hành bất dĩ thủ,</i>
殺人大妄語，	<i>Sát nhân, Đại Vọng Ngữ,</i>
破失沙門性。	<i>Phá Thất Sa Môn Tánh.</i>

*Có bốn giới Cực Trọng: Dâm dục cùng Trộm Cướp, Giết Người, Đại Vọng Ngữ, Phá mất Tánh Sa Môn.*

#### • **Bốn Giới Trọng trong Giới Cụ Túc.**

Ở trong Giới Cụ Túc, giới Tỳ Kheo có khoảng 250 giới.

#### ○ Phạm bốn giới trọng như mạng sống bị cắt đứt.

Ở trong giới cực trọng này có bốn (trong giới Tỳ Kheo Ni có tám cực trọng). Với giới cực trọng, tuyệt đối không được

phạm; đã phạm rồi giống như cây cối bị cắt đứt rễ, như người bị cắt đứt đầu, cũng tương tự như đánh giặc mà thất bại, đầu hàng, bị đối phương cướp hết tất cả thắng lợi. Người đã phạm trong giới, dù đang ở trong Tăng đoàn, có thể nói, như đã chết rồi.

○ Lược nói về bốn giới Trọng.

▪ **Hành Dâm.**

✓ Đủ Duyên mới thành Trọng.

Đây là giới tuyệt đối nghiêm cấm, không kể quá khứ đã từng quan hệ vợ chồng hoặc giữa người với súc sanh. Khi đã phát sanh tánh hành dâm, cho dù trong thời gian rất ngắn, cũng là phạm trọng giới.

✓ Thiếu Duyên không phạm.

Nhưng Phật pháp không coi trinh tiết xác thịt là quan trọng mà chủ yếu là tâm ham muốn, tâm sanh khoái cảm. Cho nên, gặp cảnh bị cưỡng bức hành dâm mà tâm không hề nghĩ đến dục lạc thì vẫn không phạm.

▪ **Không cho mà lấy.**

✓ Đủ duyên mới phạm.

Không cho mà lấy chính là trộm cướp tiền của, vật chất.

Chưa được chủ đồng ý mà có tâm trộm cướp muốn lấy, dù bằng thủ đoạn gì cũng đều vi phạm.

✓ Điều kiện đê phạm trọng giới.

Dù là giới cực trọng cũng phải có điều kiện. Dựa vào chế độ do Phật quy định: Hễ đã có trộm lấy từ năm tiền trở lên là phạm trọng tội.

Năm tiền này là tiền như thế nào? Về tiền tệ, xưa nay không giống nhau. Tại sao Phật chế giới như vậy?

Vì lúc ấy theo pháp luật của nước Ma Kiệt Đà, hễ ai trộm năm tiền trở lên đều bị xử tử hình. Vì vậy, Phật dựa vào đó, chế ra quy định trên. Như thế, nếu ai phạm giới trộm cướp thì dựa vào luật pháp đương thời của quốc gia, kết án tử hình gọi là phạm trọng giới, cũng hợp với ý của Phật.

▪ ***Sát sanh.***

Giới nặng nhất là Giới Giết Người, bao gồm tự tay giết, hoặc bảo người khác giết, cho đến việc phá bỏ thai nhi... Ở trong năm giới, mười giới cũng đều cấm chỉ.

▪ ***Đại vọng ngữ.***

Trong giới Cấm Vọng Ngữ thì Đại vọng ngữ là nghiêm trọng nhất. Nếu không chứng ngộ mà tự xưng là chứng ngộ, không có thần thông mà tự xưng là có thần thông hay là nói

thấy Thần, thấy Quỷ đề dụ dỗ, lừa dối mọi người. Hoặc là khoe khoang với nhau là Hiền là Thánh; hoặc cố ý biểu hiện thần bí khiến người khác lầm tưởng là thần thánh. Tất cả việc này đều là phá hoại Chánh pháp của Phật, không có chút chân thành tu học, là Ác Hành cực kỳ nghiêm trọng.

○ **Phạm bốn trọng giới làm mất Thê Tánh Sa Môn.**

Đã phạm bốn trọng giới này là phá hoại, làm mất đi Thê Tánh của Sa Môn, cũng đã làm mất đi tư cách Xuất Gia của bậc Sa Môn.

Sa Môn là tiếng Phạm dịch nghĩa là Cần Túc; Cần là siêng năng tu tập theo đạo pháp; Túc bài trừ bỏ những hành động Ác.

Nếu đã phạm bốn giới trọng, tuy là xuất gia mà, hoàn toàn mất hết tư cách của người xuất gia.

● **Trong bốn giới trọng chỉ giới Dâm đã phạm mà quyết ăn năn thì cho phép làm Sa Di.**

Trong Tăng đoàn, Phật quy định, nếu có người phạm trọng giới, liền trục xuất khỏi tăng Đoàn, cởi bỏ tư cách Xuất Gia của người ấy. Không những không còn là Tỳ Kheo mà cả Sa Di cũng thế. Đã phạm trọng giới tức là đọa lạc. Nhưng nếu phạm giới Dâm mà phát giác ngay với Tâm sanh vô cùng xấu hổ với mình với người, tha thiết không rời khỏi Tăng đoàn thì

được phép làm Sa Di mà vẫn thọ trì giới Tỳ Kheo. Song bất luận thế nào, đời này cũng không thể đắc Đạo, chứng Thánh quả được.

*Giới còn lại, nếu phạm phải thông qua Sám Hối.*

餘戒輕或重, *Dư giới khinh hoặc trọng,*

犯者勿覆藏, *Phạm giả vật phú tàng,*

出罪還清淨, *Xuất tội hoàn thanh tịnh,*

不悔得安樂. *Bất hối đắc an lạc.*

*Các giới Nặng, Nhẹ khác, Người phạm chớ che giấu,*

*Sám hối được thanh tịnh, Sửa tội được an lạc.*

- **Phạm các giới Nặng, nhẹ khác phải sám hối như pháp quy định.**

- ***Phạm các giới khác phải sám hối đúng pháp.***

Ngoại trừ bốn giới cực trọng thì không cho phép sám hối (không chấp nhận ở lại trong Tăng đoàn dù có sám hối); phạm những giới còn lại hoặc nặng hoặc nhẹ đều phải sám hối đúng pháp. Nặng và Nhẹ cũng có nhiều loại.

- Nhẹ nhất thì chỉ cần chính mình sanh tâm tâm quý chính mình tự trách những sai phạm ấy, là được.
- Có giới khi vi phạm phải đối diện với một vị Tỳ Kheo nói rõ những lỗi lầm mới được thanh tịnh.

- Phạm giới nghiêm trọng thì cần ở trước hai mươi vị Tỷ Kheo thanh tịnh để sám hối, mới được giải tội.

Tóm lại, những giới, nếu vi phạm, có thể sám hối thì phải sám hối.

- **Phạm giới không được che giấu, không được trốn tránh.**

Có một điểm yếu với người phạm giới là không được che giấu tội lỗi của chính mình.

- ***Sám hối là trình bày những lỗi lầm.***

Sám hối là cầu xin sự tha thứ và chấp nhận, đem lỗi lầm chính mình phạm phải trình bày ra hết.

- ***Che giấu lỗi lầm tăng thêm sai trái.***

Nếu phạm giới mà còn sợ người biết, trong tâm cố ý che giấu; như thế thì không còn có cách nào để thanh tịnh.

Dựa vào pháp Phật mà nói: Ai không mắc lỗi lầm? Hoặc nặng hoặc nhẹ; mọi người đều không tránh khỏi sai lầm. Cốt yếu là có sanh tâm hối hận hay không, quyết sám hối là tốt rồi. Đây chính là ý mà nhà Nho nói: 過則勿憚改: Quá tác vật đạn cải: Phạm lỗi lầm chớ có sợ sửa sai.

Đã phạm giới mà còn che giấu thì lỗi lầm càng ngày càng nặng. Hầu hết mọi người, ban đầu phạm tội nhỏ mà không

sám hối, tiếp tục vi phạm thêm lên; lâu dần không còn biết hổ thẹn, dẫn đến phạm giới cực trọng.

Xin nêu ví dụ: Nếu giấu vật dơ bẩn, độc hại trong cái vò, rồi đem cái vò ấy đổ hết ra và phơi dưới ánh nắng mặt trời; cái vò sẽ sạch sẽ hoàn toàn. Ngược lại, nếu đậy nắp kín lại, sợ khí độc, dơ bẩn bay ra ngoài. Như thế vò không thể sạch được mà còn, mỗi ngày mỗi hôi thối thêm.

Nguyên nhân Phật chế ra giới luật, đối với việc phạm trọng giới mà còn che giấu thì tội người ấy càng nặng hơn.

- ***Nêu tội thích đáng để bảo trì sự thanh tịnh của Tăng Đoàn.***

Đồng thời, hễ có Tỳ Kheo có tâm hổ thẹn, có tâm từ bi thấy được bạn đồng học, sư trưởng, đệ tử phạm tội nên khuyên nhủ họ sám hối. Nếu không nghe theo thì hãy công khai tội lỗi của họ ra trước đại chúng (nhưng cũng cần phải có thời gian thích hợp). Được vậy mới giúp người ấy hướng thiện, mới giữ được sự thanh tịnh của Tăng đoàn. Ở trong Tăng đoàn, không được che giấu tội lỗi cho nhau, rồi làm tướng đó là sự đoàn kết đáng trân trọng.

- **Sám hối được thanh tịnh, sửa tội được an lạc.**
  - **Sám hối được thanh tịnh.**

Phật chế sám hối là phương pháp duy nhất. Nếu dựa vào pháp mà sám hối thì gọi là Xuất Tội, giống như đã mãn tội hình vậy. Đã ra khỏi tội thì giới thể trở lại thanh tịnh, phục hồi Tăng cách thanh tịnh. Một khi sám hối tội lỗi đã được thanh tịnh rồi, huynh đệ cùng tu không được nhắc lại những sai phạm cũ của người đó để châm chọc, đã kích. Nếu điều ấy xảy ra thì đã phạm giới luật.

○ **Bàn về ý nghĩa Sám hối được thanh tịnh.**

Liên quan đến Sám hối được thanh tịnh, có hai ý nghĩa.

▪ ***Quy chế của Tăng đoàn nói Sám là Tịnh.***

Hễ vi phạm quy chế của Tăng đoàn, nói chung là giới nhẹ, chỉ cần thẳng thắn bộc bạch, thừa nhận lỗi lầm thì coi như không có việc gì xảy ra.

▪ ***Bốn giới trọng đã nêu, tuy sám hối trở lại thanh tịnh nhưng tội nghiệp vẫn còn.***

Nếu vi phạm bốn trọng giới: Sát, Đạo, Dâm, Vọng không được nói sám hối xong không còn tội nghiệp.

✓ **Phạm giới trọng thành tội, làm chướng ngại phát sanh điều thiện.**

Phải biết rằng hành vi phạm trọng giới là rất nặng, không những ảnh hưởng đến đời sau từ hậu quả chiêu cảm mà, ở đời này, cũng chịu sức ảnh hưởng đó, làm cho sức mạnh của tâm



thiện bị chướng ngại. Giống như người rơi vào xã hội đen thì phải chịu không chế những luật lệ do nó đặt ra, không dễ thoát ra được.

✓ Sử dụng sức sám hối.

- Sám hối chân thành từ tâm thì không chướng ngại cho việc làm lành ở đời này mà còn huân tu được Định, Huệ.

Chân thành sám hối, tiêu trừ được tội nghiệp, có ảnh hưởng trong đời này, dường như hôm qua chết, hôm nay sống lại. Từ đây, tội ác quá khứ không trở lại làm trở ngại việc làm lành, không trở ngại cho việc huân tu Định, Huệ và có thể chứng ngộ, giải thoát; giống như mới sanh ra, cho nên gọi là thanh tịnh (trong veo: không còn tí vẩn đục), trở lại tư cách thanh tịnh của Tăng Sĩ.

- Không biết sám hối, ác nghiệp làm chướng ngại cho việc Tu tập và Làm Lành.

Nếu không biết sám hối, sự ảnh hưởng ác nghiệp ấy như vết thương rỉ máu trong lòng. Đêm khuya tự suy tư, khi lương tâm thức giấc, làm sao tránh khỏi sự cắn rứt ở trong lòng với vô cùng hối hận và nỗi thống khổ càng tăng thêm. Tất cả tâm trạng ấy trở thành chướng ngại trên bước đường tu tập và làm lành.

- Một khi đã sám hối rồi thì mới có sức mạnh và dũng cảm làm việc lành.

Vì vậy một khi đã sám hối thì có thể nói hết tâm tư của mình với mọi người, đương nhiên, tâm này sẽ thanh thản, không còn bị tội ác làm cho buồn lo, hối hận và tự nhiên, tâm cũng được an vui.

Nhà Nho nói: 君子有過，則人皆見之: Quân tử hữu quá, tắc nhân giai kiến chi: Người quân tử có lỗi làm thì ai ai cũng đều thấy. Còn nói: 君子坦蕩蕩: Quân tử thản đãng đãng: Tâm người quân tử yên bình rộng rãi. Đây là tâm không chứa tội, biểu hiện tâm thái an vui, sức mạnh, dũng cảm thực hành việc thiện lương.

- ***Giới của người xuất gia rất vi tế, người học phải*** nghiên cứu, tìm tòi rộng rãi về Luật, mới thấu rõ pháp môn: Khai, Giá, Trì, Phạm, Hoàn Xuất, Hoàn Tịnh.

### ***Nương theo Giới, Hướng đến Định.***

#### ***An trụ trong Tịnh Giới.***

能持於淨戒,      *Năng trì ư tịnh giới,*

三業咸清淨.      *Tam nghiệp hàm thanh tịnh.*

*Giữ gìn giới trong sạch,      Ba nghiệp đều thanh tịnh.*

- **Hành trì giới Luật là phương tiện trước khi tu Định.**

Hai câu kệ tụng trên, bàn về ý nghĩa cũng là điều mà Phật tử tại gia nên học tập; nhưng theo sự tương mà nói thì đặc biệt, Phật nói vì đệ tử xuất gia. Đây là tư lương cần thiết cho con đường xuất thế; ly dục (Tu: giúp đỡ. Lương là lương thực. Thức ăn phước trí giúp đỡ người tu hành trên đường đạo). Chú trọng ở Giới Hạnh làm phương tiện để tu Thiên Định.

- **Giữ giới khiến cho ba nghiệp thanh tịnh để phát sanh các pháp lành.**

- *Giữ giới thanh tịnh là gốc của các công đức Lành.*

Có bảy chúng đệ tử Tại gia và Xuất gia tu học ở trong đạo Xuất thế. Trước hết, phải an trú trong Tịnh Giới, lấy Tịnh Giới làm căn bản. Đối với Giới đã giữ được thanh tịnh thì ba nghiệp Thân, Khẩu, Ý đều được thanh tịnh. Nhờ vậy mới có thể phát sanh chứng được tất cả công đức Thế và Xuất thế gian.

Như kinh Di Giáo nói:

若能人持淨戒，是則能有善法；若無淨戒，諸善功德皆不得生：Nhược nhân năng trì tịnh giới, thị tắc năng hữu thiện pháp: Nhược vô Tịnh giới, chư thiện công đức giai bất đắc sanh: Nếu ai giữ giới thanh tịnh

thì người ấy có được pháp lành; Nếu không giữ giới thanh tịnh thì các công đức lành không thể sanh được.

- **Sinh hoạt hàng ngày, dù giới khinh hay trọng đều phải gìn giữ nghiêm ngặt.**

Nếu theo giới Cụ Túc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni mà nói thì cần phải:

- Giới biệt giải thoát đã thọ phải giữ gìn kỹ lưỡng; nếu đã phạm, không được che giấu, phải sanh tâm hối hận, sám hối đúng như pháp.
- Đối với những quy tắc Phật chế định thì Đi, Đứng, Nằm, Ngồi phải đúng Oai Nghi; ăn; mặc phải giữ đúng quy định; tôn trọng sư Trưởng; giúp đỡ người bệnh; nghe pháp; tu Thiền Định; tất cả hạnh lành. Những quy chế này đều phải học tập đúng pháp, làm đúng theo những quy định của Giới Luật; còn phải phù hợp với thế gian thì mới tránh khỏi những bậc chánh nhân, quân tử trong xã hội hay những bậc cao Tăng, đại đức trong Tăng đoàn quở trách.
- Không nên đến những nơi ca múa, hát xướng, mại dâm, ăn nhậu, cơ quan chính trị; vì những nơi này dễ sanh Tâm Hành bất tịnh.

- Đây là những tội nhỏ cũng không nên xem thường mà phải gìn giữ cẩn trọng.

Giữ gìn, học tập được như vậy thì an trú được ở trong Tịnh Giới, phát sanh tất cả công đức Lành.

### *Pháp tu có bốn điều.*

密護於根門,	<i>Mật hộ u căn môn,</i>
飲食知節量,	<i>Ẩm thực tri tiết lượng,</i>
勤修寤瑜伽,	<i>Cần tu ngụ Du Già,</i>
依正知而住.	<i>Y chánh tri nhi trụ,</i>

<i>Giữ chặt các căn môn,</i>	<i>Ăn, uống biết điều độ,</i>
<i>Siêng tu tỉnh Du Già,</i>	<i>Nương chánh tri mà trụ.</i>

- **Bốn điều pháp tu trong sanh hoạt hàng ngày.**

Ở đây tổng hợp có bốn điều pháp tu.

- **Nêu lên bốn điều.**

- **Giữ gìn kỹ các căn.**

Giữ chặt các căn môn chính là Chế phục Tâm và năm căn ở trong Kinh Di Giáo.

- ***Ý nghĩa căn môn.***

Sáu căn: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý. Đó là cửa ngõ nhận thức, cũng là sáu thức, nơi giặc đi vào cướp mất công đức, cho nên gọi là Căn Môn. Năm Căn thì Thấy Sắc, Nghe

Tiếng, Ngửi Mùi, Xúc Giác. Ý căn thì biết tất cả Pháp, trong sáu căn, nó là chủ yếu.

▪ ***Phương pháp giữ gìn các căn.***

✓ Giữ chặt các căn như người giữ cửa.

Trong sanh hoạt hàng ngày của chúng ta, không ngoài việc thấy Sắc, nghe Tiếng... biết Pháp từ các căn. Nhưng căn này cần phải giữ gìn nghiêm ngặt, giống như người giữ cửa. Khi thấy gà, chó xông vào, kẻ trộm lén vô, lập tức ngăn chặn lại hoặc đuổi ra ngay.

✓ Thủ tướng (mắc vào Tướng) liền chạy theo phiền não.

Hầu hết mọi người, khi thấy Sắc, Nghe Tiếng... đều mắc vào Tướng. Nếu vừa ý thì sẽ mắc vào Tướng, phát sanh Tham Dục...; không vừa ý thì cũng mắc vào tướng, phát sanh Sân Hận... thì không thể không chế Tự Tâm, rồi trôi lăn theo Phiền Não, rồi tạo nghiệp, rồi đọa lạc; giống như trâu hoang giẫm đạp, phá nát lúa mạ còn non.

✓ Với Chánh Tri, Chánh Niệm thì không bị phiền não xoay chuyển.

Nguyên nhân hiện giờ thấy Sắc, nghe Tiếng, cốt là giữ chặt các căn. Đây hoàn toàn không phải là không thấy Sắc, không nghe tiếng; nhưng mà, ngay khi Thấy, Nghe sắc tiếng ấy phải

giữ được Tâm không chạy theo sự xoay chuyển của Phiền Nã; như thấy sắc đẹp mà không khởi lên ý dục vọng; như thấy tiền của mà không sanh tâm muốn chiếm đoạt. Đây chính là nhờ có Chánh Tri, Chánh Niệm mới được.

- Ý nghĩa Chánh Tri, Chánh Niệm.

Đối với cảnh giới ngoại tại hoặc cảnh giới nội tâm, phải nhận thức chính xác tánh nguy hiểm của nó là tốt, là xấu thì gọi là Chánh Tri.

Đối với Chánh Tri luôn luôn cảnh giác, luôn luôn lưu ý thì gọi là Chánh Niệm.

- Sai trái là do không có Chánh Tri, Chánh Niệm.

Nếu không có Chánh Tri, đối với ngoại cảnh trước mắt, Tâm xoay chuyển theo phiền nã, nhận giấc làm cha, niềm nở đón tiếp thì làm sao chế phục được giấc cướp mất công đức đây?

Nếu không có Chánh Niệm thì luôn luôn thiếu sót, lỗi lầm, giống như kẻ trộm vào nhà, khiên đi tủ lớn, tủ nhỏ; còn mình vẫn ngủ say, không biết gì. Thế thì làm sao chế phục được Phiền Nã?

Phải cẩn thận, giữ chặt các căn thì mới ngăn chặn được Ác, chế phục được Ác dần dần; và Công Đức tăng trưởng từng ngày.

Nói về tu hành, mọi việc trong ngày, phải nỗ lực hết sức từ chỗ này, ở đây.

○ **Ăn, Uống biết điều độ.**

▪ ***Tánh quan trọng của việc Ăn, Uống.***

Đối với chúng xuất gia, dựa vào thí chủ, dựa vào khát thực để sinh hoạt. Đây là điều đặc biệt quan trọng. Sống ở đời bị giới hạn bởi sinh lý nên ăn, uống là điều tất yếu, không còn cách nào khác. Vì vậy trong kinh Phật có nói: 一切眾生皆依食住: Nhất thiết chúng sanh giai y thực trụ: Tất cả chúng sanh nhờ ăn mà sống còn.

▪ ***Đối với Ăn, Uống cần có suy nghĩ.***

Nhưng nhờ vào thí chủ mà sống còn nên khi ăn uống nên suy nghĩ thấu đáo.

Ăn, uống là để duy trì sự sống, đó là điều cần thiết không thể vì ngon miệng mà đắm đuối. Khi thức ăn rơi xuống khỏi yết hầu, thì còn gì là ngon?

Người tu tại gia, vì tìm tài, thủ đắc, bảo tồn vật chất nên phát sanh vô vàn khổ nạn (nguyên nhân chiến tranh, hơn nữa, từ đây mà ra). Hiện tại, thí chủ vì phước đức mà bố thí, Tăng sĩ lại không cố gắng tu hành cho hoàn hảo để báo đền ân đức cho thí chủ sao?



▪ ***Mục đích của ăn uống.***

Vì vậy, ăn, uống không phải vì tham đắm, cũng không phải vì béo tốt, tráng kiện, mà chính là nhu yếu duy trì dinh dưỡng; không để cho đói khát, khô sở vì bệnh tật. Thân, Tâm có sức khỏe, mới tu hành được, hầu ra khỏi sanh, tử.

▪ ***Sai lầm là ăn, uống không biết độ lượng.***

Nếu ăn, uống không biết độ lượng, tham cầu không chán; không những chỉ muốn quần áo đẹp đẽ, muốn thức ăn ngon lành; đối với thí chủ làm cho họ sanh tâm điên đảo, tâm ganh ghét, bực tức và phần nhiều sanh phiền não, sanh nghiệp ác. Người tại gia, đối với sinh hoạt kinh tế còn phải biết tiết kiệm; hà hưởng đời sống của người xuất gia hoàn toàn dựa vào thí chủ

○ ***Siêng năng tỉnh Tu Du Già.***

▪ ***Phương pháp tu có liên quan đến ngủ nghỉ.***

✓ **Ngủ nghỉ có tính tất yếu.**

Vì sức khỏe nên thân tâm nghỉ ngơi, bổ dưỡng; nên phải bảo trì thân tâm; và nghỉ ngơi (ngủ nghỉ) là tất yếu.

✓ **Chia thời gian trong đêm để nghỉ ngơi:**

- Đầu đêm, sau đêm thì kinh hành và tĩnh tọa.

Dựa vào quy chế của Phật.

Đầu đêm (lấy 6 thời trong một ngày đêm. Chia đêm ra 12 giờ; Đầu Đêm từ 6 giờ chiều đến 10 giờ).

Cuối đêm (từ 2 giờ Đêm đến 6 giờ), đệ tử Xuất gia đều thực tập Kinh Hành và Tĩnh Tọa.

- Giữa đêm siêng năng tu tĩnh giác Du Già.

Giữa đêm từ (từ 10 giờ đêm đến 2 giờ sáng) lúc nên ngủ nghỉ nhưng siêng năng tu tĩnh giác Du Già.

Nói cách khác, ngay trong lúc ngủ nghỉ cũng tu tập pháp lành.

+ Ban đầu thân nằm nghiêng bên tay phải.

Đến giờ ngủ, trước rửa chân, sau nằm đúng pháp. Thân nằm nghiêng bên phải, chân trái đặt trên chân phải. Đây gọi nằm như sư tử, rất có lợi cho thân, tâm.

+ Kế tiếp nên để tư tưởng sáng suốt.

Khi ngủ nghỉ nên để tư tưởng sáng suốt; tu tập thuần thực; ngay cả trong giấc mơ cũng vậy, tựa như một vàng trắng vàng vạc. Như thế, trong giấc ngủ mới tránh khỏi hôn trầm; không những tỉnh giác dễ dàng, mà còn không mộng寐; dù có mộng cũng không phát sanh phiền não mà vẫn nhớ niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

+ Có ngủ lâu thì cũng tiến tu Thiện Pháp.

Trong khi chờ giấc ngủ đến cũng cần giữ gìn tỉnh giác, ngay cả trong giấc ngủ mơ vẫn cố gắng tiến tu pháp lành.

Thói quen ngủ nghỉ như thế thì bồi bổ, thư giãn cho thân, tâm rất hữu hiện. Chẳng những không gặp phải loạn động, mộng ảo, điên đảo; mà còn không lười biếng, đắm say trong ngủ nghỉ.

▪ ***Nghỉ ngơi lúc nửa đêm.***

✓ Nêu lên lý thuyết khác nhau nửa đêm: Ngủ nghỉ và Tung kinh.

- Phật dạy nửa đêm nên ngủ nghỉ, tu hạnh Đầu Đà cũng không ngoại lệ.

Phật dạy: Nửa đêm nên ngủ nghỉ để thân, tâm được nghỉ ngơi. Người tu hạnh Đầu Đà thường ngồi, không nằm mà thông thường nói là: 不倒單: Bất đảo đơn: Không ngã lưng xuống giường. Thật ra là không Nằm, chứ không phải là không Ngủ, mà chỉ là, cố gắng gìn giữ sự Tỉnh Giác thôi.

- Trong kinh Di Giáo nói: Nửa đêm tung kinh:

夜誦經以自消息，無以睡眠因緣，令一生空過： Trung dạ tụng kinh dĩ tự tiêu tức, vô dĩ thù miên nhân duyên, linh nhất sanh không quá: Nửa đêm tụng kinh chính là nghỉ ngơi, chớ có ngủ nghỉ, để cho một đời vô ích luống công.

✓ Dựa vào kinh luận: Nửa đêm ngủ nghỉ để thư giãn.

Dựa vào sự hướng dẫn của tất cả kinh luận thì nửa đêm nên ngủ nghỉ để thư giãn.

Lúc nửa đêm, Tịnh Tọa, nếu có hiện tượng hôn trầm (buồn ngủ), thì nên đứng lên, đi kinh hành. Nếu còn buồn ngủ thì phải dùng nước lạnh rửa mặt cho tỉnh táo; rồi tụng kinh hay đọc sách. Vì vậy, chớ hiểu lầm rằng: Nửa đêm đều phải tụng kinh, suốt đêm không cần ngủ nghỉ.

✓ Chọn lựa ý nghĩa trong kinh văn.

Đây cũng có thể là văn dịch quá vắn tắt là cho câu văn tối nghĩa; đưa việc tụng kinh ở đầu đêm (hay cuối đêm), thành dịch kinh ở nửa đêm.

Hoặc là tụng kinh để được nghỉ ngơi, chính là lúc ngủ mà Văn, Tư, Tu thuận thực lo Chánh Niệm không quên ý nghĩa của ba pháp này.

○ **Dựa vào Chánh Tri để an trú.**

Thường thì trong đời sống của người xuất gia, không kể là đi hay đến; vô ý nhìn thấy hay cố ý ngược xem; cho đến chi tiết co tay hay duỗi tay; đối với việc thọ trì, giữ gìn y bát; ăn uống, đi đứng, nằm ngồi, ngủ thức, nói năng, im lặng, giải lao, ngủ nghỉ... đều phải giữ gìn Chánh Tri.

Trong từng sanh hoạt, động tác, nên biết mình đang làm gì, đáng làm hay không, lúc nào đáng làm, lúc nào không, làm có tốt hay không. Nói chung, trong từng tình huống đều phải biết rõ thì sẽ không bị rơi vào sai lầm đáng tiếc.

### *Cốt yếu của việc Tu Học.*

知足心遠離 *Tri túc tâm viễn ly,*

順於解脫乘 *Thuận ư giải thoát thừa.*

*Tâm biết đủ, xa lìa, Thuận theo thừa Giải thoát.*

#### • **Đối với vật dụng nên Biết đủ.**

Tu học Đạo Xuất Thế, nên có sức Tùy hoàn cảnh để an ổn. Không nên mong nhiều, muốn nhiều, tục ngữ cũng nói: 人到無求品自高: Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao: Người đạt đến Vô Cầu, phẩm hạnh tự cao.

Đối với y phục, ăn uống, thuốc men, vật dụng hàng ngày, có hay không tùy duyên. Đó là Biết Đủ.

Không những có nhiều, tâm ý mới thỏa mãn mà có ít hoặc là có những thứ không vừa ý cũng nên Biết Đủ.

Đây là cách tu hành làm cho phiền não giảm thiểu dần, tâm cũng dần an lạc.

#### • **Đối với nhân sự nên xa lánh.**

○ *Không thể xa lánh thì tăng thêm Ái Nhiễm.*

Con người không thể tách rời cộng đồng, có cộng đồng mới có sự liên quan với con người (nhân sự). Nếu vui vẻ chuyện trò, ưa thích làm việc, và giao tiếp với nhiều người thì sẽ khó khăn cho việc xa lánh.

Có người suốt ngày chỉ biết quay cuồng với công việc. Có người tụ họp nói chuyện tán gẫu với người khác, “*Nói chuyện vô bổ*”, suốt ngày nói những việc như: vua chúa, trộm cướp, ăn uống, quần là áo lượt, gái làng chơi, các quốc gia, người nổi tiếng, chuyện thế gian, chuyện nhiều như sóng biển.

Tóm lại, những việc này đều làm cho tăng thêm ái nhiễm, chẳng thể xa lìa phiền tạp, hướng ngoại để ở yên một chỗ tu hành.

○ **Không chỉ Thân xa lánh, cần phải Tâm xa lánh.**

Vì vậy cần có Tâm xa lánh, không ưa thích bàn luận việc đời, sự nghiệp thế gian, mới chuyên Tâm vào Phật pháp được.

Nói đến Viên Ly (Xa Lánh) thông thường cho là xa lánh quần chúng, ở nơi vắng vẻ; hoặc là ở một mình (Độc Trú), giống như cách sống bé quan, không tiếp xúc với bất cứ ai.

Nhưng quan trọng là ở Tâm Xa Lánh; tâm không xa lánh được, dù có ở lều tranh, cửa đóng then cài cũng đều vô ích.

Ngày xưa ở Trung Quốc cũng như Việt Nam ta thấy có cách tu bế quan, ở một mình; có chút ít tinh thần khác lạ; có người mượn cơ vì bệnh duyên, nữa đường dang dở. Những người này đều do Tâm không viễn ly, nên không đủ sức vượt qua được đời sống tu hành vắng vẻ. Như thế thì làm sao giải thoát sanh tử đây?

- **Biết đủ, xa lánh năm dục để hướng đến Giải Thoát.**

Nguyên nhân, đối với vật dục, cần Biết Đủ, đối với việc đời nên Tâm xa lánh. Được như vậy mới mong thuận theo pháp môn Tam Thừa Giải Thoát, hướng về Đạo quả Xuất thế Giải thoát.

*Kết luận phần trước, mở ý phần sau.*

此能淨尸羅 *Thử năng tịnh Thi La*

亦是定方便 *Diệc thị Định phương tiện.*

*Thanh tịnh Thi La này, Là phương tiện để Định.*

- **Nương Giới sanh Định.**

Đây là kết luận phần trước, mở ý phần sau; hiện tại phải nương vào Giới tăng trưởng học. Tăng trưởng học chính là Định Học tăng trưởng.

○ **Sáu loại pháp Tu làm cho Giới Học thanh tịnh.**

Trên đã nói: Giữ kỹ các Căn, Ăn uống điều độ, Ngủ thức theo Du Già, Chánh Tri để an trụ, tri túc, viên ly đều có thể làm cho Thi La thanh tịnh. Hành trì được như vậy thì Giới Học thanh tịnh đúng như pháp.

○ **Chớ xem thường quy tắc sinh hoạt hàng ngày.**

Tuy Giới lấy Sát, Đạo, Dâm, Vọng làm gốc; nhưng trong sanh hoạt hàng ngày nếu mà tham cầu Ăn uống, đắm say trong Ngủ nghỉ, không thể giữ gìn các Căn, không biết mình đã làm gì; đối với Vật Dục chưa bao giờ biết đủ; đối với Nhân Sự chẳng có ý Xa Lánh. Như thế; chắc chắn Phiền Nã sẽ nhiều thêm, dẫn đến phạm Giới, làm Ác. Cho nên Phật chế Giới Luật, không những nghiêm trì Giới Tánh, mà còn, ứng dụng vào sanh hoạt hàng ngày, vào quy tắc của đoàn thể, vào oai nghi trong từng cử chỉ. Tất cả sinh hoạt đều áp dụng quy tắc đúng như Pháp mà Phật đã định. Như vậy, nguyên nhân phạm giới sẽ giảm thiểu hay tức thì cảnh giác, phòng hộ nếu xảy ra ở hiện tại. Được thế, tự nhiên có thể đạt đến thanh tịnh về Giới pháp. Vì vậy, nói đến Giới học, chớ có xem thường sanh hoạt hàng ngày như ăn, uống..., đừng cho rằng không có quan hệ gì!

• **Giới thanh tịnh thì có khả năng tu Định.**



○ **Giới học thanh tịnh là phương tiện của Định học.**

Với giới học thanh tịnh này cũng là phương tiện của Định học.

Đây là cơ sở đầy đủ cho việc tu Định, cũng có thể nói đây là công tác chuẩn bị cho việc tu Định.

▪ ***Dẫn kinh chứng minh.***

Kinh có nói: 戒淨便得無(熱惱追)悔; 無悔故歡; 歡故生喜; 由心喜故, 身得輕安; 身輕安故, 便受勝樂; 樂故心定. Giới tịnh tiện đắc vô (nhiệt não truy) hối; Vô hối cố hoan; Hoan cố sanh hỷ; Do tâm hỷ cố; Thân đắc khinh an; Thân khinh an cố; Tiện thọ thắng lạc; Lạc cố tâm định: Giữ Giới thanh tịnh thì được không Hối Hận (sự truy đuổi của nóng nảy, não phiền); Không hối hận nên Mừng (Hoan); Mừng nên sanh Vui (Hỷ); Do Tâm vui nên Thân được Nhẹ nhàng, An Ổn (Khinh An) thân khinh an nên liền được Niềm Vui vượt trội (Thắng Lạc); Có niềm Vui Thì Thắng vì Tâm Định.

Đây chính là Trì Giới Thanh Tịnh thì, chắc chắn, Tâm An, Thấu Lý; tự nhiên tùy thuận được với mọi hoàn cảnh và hướng về Định Học.

▪ ***Giải nghĩa.***

Nếu theo sinh hoạt hàng ngày đúng như pháp thì nói rằng không nên mong muốn cao lương, mỹ vị; ăn uống quá độ; không nên đắm say ngủ nghỉ; mơ màng suốt ngày; lúc nào cũng giữ gìn các Căn; hiểu đúng hành động. Đây là cách trừ khử những chướng ngại cho việc Tu Định.

Cho nên khi Giới Thanh Tịnh thì: “*Ngủ an lạc, Thức an lạc, lìa xa tất cả não nhiệt trong Tâm*”; “*Không còn sợ hãi, Tâm lìa hoảng hốt*”. Thân, Tâm hoàn toàn ở trong an lạc, vắng lặng, càng giúp thêm cho việc Tu Định Học, tự nhiên hợp với Lý Tánh rõ ràng nên dễ Tu dễ Chứng.

○ **Giới không thanh tịnh, Ý không đúng đắn thì thành Tà Định.**

Hầu hết mọi người chỉ ưa thích công đức Thiên Định, đâu biết rằng công đức từ Giới sanh ra. Không biết rằng Thân, Tâm của chính mình chỉ ở trong phiền não loạn động, giống như cuồng phong, sóng dữ; muốn ngồi kiết già, nhắm mắt, đếm hơi thở... cố áp chế nó xuống, nhưng có dễ gì đạt được Định. Dù cho có được Định Lực, nhưng do Giữ Giới Bất Tịnh, Ý muốn Bất Chánh, thì cũng thành Tà Định thôi; kết quả là bị tà ma, phi nhân quấy nhiễu.

**Tặng thượng Định Học.**

## *Trước hết Tu Định*

進修於定學 *Tiến tu ư Định Học*

離五欲五蓋 *Ly ngũ Dục ngũ Cái.*

*Tiến tu bằng Định Học, Xa Năm Dục, Năm Cái.*

- **Dựa vào Tịnh Giới mà tiến tu bằng Định Học.**

Vì tu Định mà giữ Giới, gọi là Tăng Thượng Giới Học. Giới học thanh tịnh như thế, đương nhiên, phải dựa vào giới để tiến tu Định Học.

- **Tu Định phải xa lìa pháp bất thiện ở cõi Ác Dục.**

Trước hết nên khẳng định nhận thức: Nếu tu Định mà muốn được thành tựu thì, nhất định “*Phải xa lìa pháp Bất Thiện Dục và Ác*”

Bởi vì Định thuộc thiện pháp của cõi Sắc và Vô Sắc. Nếu Tâm cứ lưu chuyển trong dục lạc, không xa lìa pháp bất thiện của cõi Dục. Thế thì không vào được thiện pháp của Cõi Sắc.

- **Không xa lìa Dục mà muốn được Định là cực điên đảo.**

Ở điểm này, có một số người xem nhẹ. Luôn luôn nhớ đến Ăn, Uống; Nam Nữ; ham muốn ngũ Dục; đối nhân hành sự không lìa làm ác; mà lại muốn đạt được Định, muốn phát sanh Thần thông; thật là điên đảo cùng cực.

- ***Pháp điên đảo tưởng đã chen vào trong pháp Phật.***

Trong Đạo giáo có cái điên đảo cực kỳ, trong Ấn Độ giáo cũng có; nghe nói cũng đã từng trà trộn vào trong Phật giáo.

Đây chính là muốn Tu Định mà lại xuất phát từ trong khoái lạc dâm dục nam nữ; sao lại nói: Tánh, Mạng song tu ư; Thân, Tâm song tu ư! Đây không chỉ là lừa dối người ngu mà, đặc biệt là dụ hoặc những người có tiền, có quyền mà thân, tâm rệu rã, già nua dần theo từng ngày; vẫn muốn hưởng thụ thỏa lòng.

▪ ***Từ Ấn Độ giáo trà trộn Tà Thuyết vào Phật Giáo.***

✓ Đạo giáo cũng phê bình nghiêm khắc.

Thật ra, tín đồ của Đạo giáo cũng không quen với phong cách tà vậy này, mà còn đã kích thẳng thắn.

✓ Từ Ấn Độ giáo bàn về Tam Ma Bát Đề.

Tín đồ Đạo giáo hiểu biết cạn cợt mà còn biết đạo nào tà, chánh; những người có Chánh Tri Kiến của pháp Phật, lại sai lầm sao?

Tam Ma Bát Đề có nghĩa là Đẳng Chí, Bình Đẳng Năng Chí.

Xuất phát từ Tam Ma Bát Đề của Ấn Độ, nói về Tâm, Cảnh của Thiên Định.

Ăn Độ lấy Tánh Giao Hợp Nam Nữ làm Tam Ma Bát Đê; Thư; Hùng Đẳng Chí (trông, mái cùng đến).

Chỉ có người Ăn Độ mới gọi Tánh Giao Hợp của Nam, Nữ là Tam Ma Bát Đê: Thư Hùng Đẳng Chí; vì trong lúc ấy Tâm, Cảnh Tập Trung; niềm vui Dục Lạc bao trùm khắp thân xác, giống như hiện tượng Định Tâm. Đây chính là hiện pháp Niết Bàn của Ngoại Đạo (Niết Bàn hiện tiền của Ngoại Đạo); vỗ bụng ăn no, kêu bình bịch và nói rằng Đây Chính là Niết Bàn, giống như hết khổ thì An Vui.

Không buông bỏ dục lạc, mà đi vào pháp Phật, mới là trà trộn, hỗn tạp.

Muốn có Định Lực, mà lại, không buông bỏ được Dục Lạc; từ trong ý nghĩa từ: Tam Ma Đát Đê phát sanh lộn xộn cố ý hay vô tình thuật Tu Tinh, Luyện Khí và dụng công dâm dục ngay trên sắc thân này mà, không biết, đang đi sai đường.

- **Lìa năm Dục, năm Cái.**

Ở trong pháp Bất Thiện nên lìa bỏ Dục và Ác. Dục là năm Dục; Ác là năm Cái.

- **Năm Dục**

- ***Giải thích ý nghĩa.***

Năm Dục: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc là những tướng sắc số, dụ hoặc. Đây là những thứ dụ dỗ; làm mê hoặc Tâm Người, là vật dục làm cho Tâm ta tham đắm, tìm tòi.

▪ ***Vì vị, Tai họa nên quán sát xa lìa năm Dục.***

Việc cần thiết của Tu Định là Nhiếp Tâm Hương Nội, cho nên, phải lìa bỏ năm Dục.

Đối với Cảnh Giới năm Dục, thiết yếu, là không nếm vị. Đừng vì khoái cảm nhất thời mà mê hoặc, Loạn Tâm. Ngược lại, phải nhìn thấy cái tướng sai lầm, tai họa của nó mà, loại bỏ, dựa vào lý luận, sự thật để chán ghét nó.

Xem năm Dục là: Tên côn đồ giả nhân giả nghĩa; là thuốc bọc đường; như chút mật ngọt dính trên lưỡi dao bén.

Được vậy mới có thể không dính mắc vào cái Tướng khêu gợi, hấp dẫn một cách tinh tế của năm Dục và không sanh Tâm đắm đuối. Tâm ô nhiễm, đắm đuối không khởi lên, gọi là Ly Dục.

▪ ***Riêng nói chủ yếu của Xúc Dục là Dục giữa Nam và Nữ.***

Ở trong năm Dục thì Dục giữa Nam, Nữ là quan trọng nhất. Đây là lấy Xúc Dục làm chủ yếu, thu tóm các Dục Hành: Sắc, Thanh, Hương.

Sự ràng buộc giữa Nam, Nữ bằng Ân, Ái; thật khó mà ra khỏi. Đã bao nhiêu người vì yêu thương nam, nữ dẫn đến tội ác không cùng, dẫn đến khổ đau không xiết. Trong kinh hình dung là: Giống như dây thừng siết chặt; trói buộc người ta đến rách da, nát thịt, bong gân, gãy xương cũng không thể lìa bỏ nhau được.

Đây là tương đối nghịch với việc Tu Định; cho nên dù là đệ tử tại gia, nếu muốn tu tập Thiên Định mà không tiết chế Dâm Dục, thì cũng không thể.

○ **Năm Cái.**

▪ ***Giải thích ý nghĩa.***

Năm Cái (che phủ) là: Tham Dục che phủ; Giận Hờn che phủ; Tội Tăm Ngủ Nghỉ che phủ; Lãng Xăng làm Ác che phủ; Nghi Ngờ che phủ Tánh Giác.

Năm thứ này che phủ Thiện pháp, Tâm Tính (tức là Tánh Giác) không để phát sanh; đối với việc tu tập Định, Huệ là sự trở ngại quá lớn; nên gọi là Che Phủ (cái).

▪ ***Nói riêng nhân duyên sanh ra Năm Cái.***

Dục Tham (ham muốn): từ tướng vi tế, hấp dẫn cực độ của năm Dục khởi lên.

Sân Nhuê (Giận Hờn): Từ cảnh ghen ghét khởi lên.

Hôn trầm (Tối Tăm): Tâm thức mê muội, yếu đuối, ưa ngủ nghỉ; đây là từ Tướng Tối Tăm khởi lên.

Trạo Cử (Lãng Xăng): Trạo cử và Hôn Trầm tương phản. Đây là sự hưng phấn, loạn động cực độ của Tâm Tánh. Hối hận do làm ác: do nhớ đến bà con, tổ quốc, bất tử; cho đến sự tình ở quá khứ; hoặc loạn tưởng về ba đời nên phát sanh.

Nghi: Từ ba đời phát sanh; không thể suy nghĩ đúng về các pháp Hữu Vi do Nhân Duyên sanh lưu chuyển trong ba đời nên, chấp chặc vào Ngã và Ngã Sở rồi, suy luận về Cái Ta trong đời quá khứ là gì,... Đây là một loại nghi ngờ.

▪ ***Phương pháp đối trị năm Cái.***

Ở đây phải tu quán Bất Tịnh để đối trị Tham Dục; tu quán từ Bi để đối trị Giận Hờn; tu quán Duyên Khởi để đối trị Nghi Ngờ; tu quán Quang Minh (quán sát ý nghĩa các pháp) để đối trị Hôn Trầm, Trạo cử; Miên; tu quán Hơi Thở để đối trị Trạo Cử, Ác Tác. Năm Cái này trừ hết thì Thiên Định cũng Thành Tựu.

***Pháp môn an trụ Tâm.***

不淨及持息

*Bất Tịnh cập Trì Tức,*

是名二甘露

*Thị danh Nhị Cam Lộ.*

*Bất Tịnh và Trì Tức,*

*Là hai cửa ngõ vào Niết Bàn.*



- **Pháp môn Trụ Tâm để tu Định**

Vì tu tập để phát sanh Chân Huệ nên phải tập tu Thiền Định, gọi là Tâm (Định) Tăng Thượng Học; đó là pháp môn Trụ Tâm.

- **Khai triển pháp môn Trụ Tâm.**

- **Hai cửa Cam Lộ: Bất Tịnh; Trì tức.**

Phật thường dạy Quán Bất Tịnh và Niệm Hơi Thở để cho đệ tử, theo đây, thực hành, tu định là để phát sanh Chân Huệ. Thời xưa gọi là Hai Cửa Ngõ đi vào Niết Bàn (Nhị Cam Lộ Môn).

Cam lộ là tiếng Ấn Độ, theo truyền thuyết Trung Quốc tương tự Tiên Đơn (thuốc Tiên), thuốc Bất Tử. Phật pháp lấy đây làm ví dụ cho Niết Bàn không sanh diệt. Tu tập hai pháp môn này thì giải thoát được Sanh, Tử nên gọi là Cửa Vào Niết Bàn.

- **Luận sư đời sau lấy Giới chia ra thành Tam Độ Môn (ba cửa vượt qua).**

Sau này, luận sư đời sau lấy Giới chia ra thành Tam Độ Môn (ba cửa vượt qua).

Sau này, luận sư thuộc A Tì Đạt Ma thêm vào Giới phân Biệt, gọi là Tam Độ Môn: Bất Tịnh Quán, Sở tức quán, giới phân biệt quán (Đất, Nước, Lửa, Gió, Không, Thức).

○ **Tổ sư tóm lại thành Ngũ Đình Tâm.**

Phật chỉ dạy Thiền quán là dựa vào phiền não khác nhau của chúng sanh, đưa ra phương pháp tu tập để đối trị các phiền não ấy cũng không giống nhau; cốt làm cho Tâm dần dần trở về với an định vắng lặng.

Và các bậc tổ sư đã tổng hợp thành Ngũ Đình Tâm (Huyền Trang dịch là Ngũ Chứng Tịnh Hạnh). Đây chính là lấy Bất Tịnh Quán đối trị Tham Dục; Từ Bi Quán đối trị Giận Hờn; Duyên Khởi Quán đối trị Ngu Si; Giới Phân Biệt đối trị Ngã Mạn; Trì Túc Niệm đối trị Suy Tư Tán Loạn. Đây là cách nhắm vào một loại phiền não đặc biệt nào đó để sử dụng phương pháp đối trị khác nhau.

● **Phần nhiều, Phật dùng hai cách để dạy.**

○ **Bất tịnh quán.**

Trước tiên dùng tướng bất tịnh của tử thi mà quán; có chín cách quán: 1. Thân phình tím ngất; 2. Mủ căng thối rữa; 3. Tan rã đổi dạng; 4. Trương sinh; 5. Dòi bọ đục khoét; 6. Máu chảy ràn rụa; 7. Tan rã nhày nhụa; 8. Trơ bộ xương trắng; 9. Thi thể tiêu tan. Chín pháp quán này để đối trị Sắc Dục, Dâm Dục, sức mạnh đắm say thân thể.

○ **Niệm trì tức.**

Thường gọi là Quán Sổ Tức, là tâm nhớ thở ra, hít vô để tu tập Thiền Định. Đây là Lục Diệu Pháp Môn (sáu cách vi diệu tu Định): Sổ (đếm hơi thở vô, ra); Tùy (tâm theo hơi thở vô, ra); Chỉ (tâm ngưng lại, không theo hơi thở); Quán (phân tích, quán sát cái tâm thật rõ ràng); Hoàn (hướng tâm vào trong để soi rõ tâm năng quán hư dối và trí vô lậu sanh); Tịnh (tâm vô chấp, vọng động không sanh khởi).

Còn có mười sáu phương pháp tu quán niệm hơi thở.

### ***Bảy Định phát sanh Huệ.***

依此而攝心, *Y thử nhi nhiếp Tâm,*

攝心得正定, *Nhiếp Tâm đắc Chánh Định.*

能發真慧者, *Năng phát chân Huệ giả,*

佛說有七依. *Phật thuyết hữu thất y.*

*Nương đây mà nhiếp Tâm, Nhiếp Tâm được Chánh Định.*

*Phát sanh chân Trí Huệ, Phật dạy nương bảy thứ.*

#### • **Nhiếp Tâm không loạn là Tu Định.**

Nương vào pháp môn đã nói ở trên, đó là: quán Bất Tịnh; nhớ giữ Hơi Thở mà tu tập Nhiếp Tâm, không để tán loạn. Đó chính là Tu Định.

#### ○ **Khác nhau giữa Tu Định và Tu Quán.**

- ***Tu Định và Tu Quán đều có tướng Sở Duyên.***

Không luận là Tu Định hoặc là Tu Quán Huệ, bắt đầu đều có Tướng của Cảnh Sở Duyên.

Như lấy Tướng Bất Tịnh thân phình tím ngắt làm Cảnh hoặc lấy hơi thở ra, vô làm Cảnh.

- ***Quán sát, tư duy là Tu Quán; nhiếp tâm không tán loạn là Tu Định.***

Đối với Cảnh Tướng Sở Duyên thì có thể nương vào nhiều loại Tướng Sở Duyên mà Nhiếp Tâm. Nhưng theo đối trị làm chướng ngại Định thì chủ yếu là: Tham Dục và Tán loạn. Để phát sanh Chánh Định mà nói thì không thể không nói Hai Pháp Quán này là hữu hiệu nhất, là vững chắc nhất! Trong quá trình tu tập Nhiếp Tâm, nếu đạt đến xa lìa năm Dục, dứt trừ năm Cái; thế là Tâm an tịnh, sáng suốt; sẽ phát sanh công đức và thành tựu rất nhanh; vì vậy nói Nhiếp Tâm thì được Chánh Định.

#### ○ **Giải thích Chánh Định.**

Nói Thiền Định theo thông thường, thì không phải là Tà Định, Vị Định mà là Chánh Định. Nói Thiền Định theo pháp xuất thế thì Định Vô Lậu mới là Chánh Định.

- **Chỉ có bảy Định mới phát sanh được Trí Huệ.**

Đệ tử thuộc hàng Hiền, Thánh của Tam Thừa, vì phát sanh Trí chân thật mà tu Định.

○ **Định Cảnh từ cạn vào sâu, nhưng không ra ngoài Tứ Thiên, Bát Định.**

Định Cảnh từ cạn vào sâu, cấp bậc khác nhau; cuối cùng, Thiên Định nào có thể dựa vào đó để tu phát sanh Chân Huệ?

Thâu tóm tất cả phương pháp Định để tu tập, phát triển, không ngoài những cấp bậc lớn này: Tứ Thiên, Bát Định (còn không có Diệt Thọ, Tướng Định, đây là chỗ tu chứng của bậc Thánh); khoan, chưa nói đến.

▪ ***Tứ Thiên, Tứ Vô Sắc Định.***

Tứ Thiên là: Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên.

Bát định là: Không Vô Biên Xứ Định, Thức Vô Biên Xứ Định, Vô Sở Hữu Xứ Định, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định.

▪ ***Quá trình từ Tán Tâm đến Định Cảnh.***

✓ **Nói tóm tắt ba loại Định: Cận Phần Định, Trung Gian Định, Căn Bản Định.**

- Vị Đáo Định là Cận Phần Định của Sơ Thiên.

Nếu từ Tán Tâm thông thường, tu từ từ khi đi vào Định cảnh. Bước vào thứ nhất là Vị Đáo Định (chưa đến Định), đây là trước khi vào Căn Bản Định của Sơ Thiên, là tầng Thiên Sắp Đến Sơ Thiên mà chưa phải là Cận Phần Định của

Sơ Thiên. Giống như sắp đến thành thị thì trước đi đến vùng ngoại ô, cũng có một số cửa hàng buôn bán.

- Sơ thiên là Căn Bản Định.

Còn tiền thêm một bước nữa là tu đến Sơ Thiên.

- Ở giữa Sơ Thiên, Nhị Thiên có Định Trung Gian và Định Cận Phần.

Ở giữa Sơ và Nhị Thiên có Thiên gọi là Trung Gian.

Khi sắp đến Nhị Thiên mà vẫn chưa đến thì có Thiên Cận Phần của Nhị Thiên.

✓ Nhị Thiên trở lên, mỗi một Định đều có ba loại.

Từ đây trở lên, mỗi một Định đều có một Định Trung Gian, Định Cận Phần và Định Căn Bản.

✓ Tiểu kết.

Nhưng nói chung là Tứ Thiên, Bát Định; hay là ở Căn Bản Sơ Thiên trở về trước, thêm vào một Vị Đáo Định là được.

○ **Giải thích bảy Định phát sanh được Trí Huệ.**

▪ **Định Phi Tưởng Phi Phi Tưởng không thể phát sanh Trí Huệ.**

Ở trong Tứ Thiên, Bát Định này thì Định cuối là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng có Tâm Định rất vi tế nên Tâm Lực không đủ mạnh mẽ, không thể dựa vào nó (Tâm) mà tu tập, phát sanh Trí Huệ chân thật.

▪ ***Định Vị Đáo thuộc Sơ Thiên và Thất Định.***

Vì vậy, có đủ khả năng phát sanh Chân Huệ, Phật nói: Chỉ có Thất Y Định (chỉ có bảy Định dựa vào tu tập mới phát sanh được Chân Huệ). Đó là: Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ.

Nhưng Định Vị Đáo ở bắt đầu cũng có thể phát sanh Huệ. Đây là Cận Phần Định của Sơ Thiên, cho nên thu vào Sơ Thiên. Liên quan đến tu tập Định Học; chính là pháp tu Nhiếp Tâm khiến cho Tâm An Trụ. Ở dưới sẽ nói rõ hơn.

**Huệ Tăng Thượng Học.**

增上慧學者                      *Tăng thượng Huệ học giả,*

即出世正見                      *Tức xuất thế Chánh Kiến.*

*Người Tăng Thượng Huệ Học, Là Chánh Kiến xuất thế.*

• **Tăng thượng Huệ Học là Chánh Kiến xuất thế.**

Đạo Đế là Tam Học, Bát Chánh Đạo Giới Học, Định Học đã nói rồi. Bây giờ nói đến Huệ Học.

Huệ Học là Chánh Kiến trong Bát Chánh Đạo, còn có Chánh Tư Duy.

Vì vậy nói chung là Tăng Thượng Huệ Học, chính là chánh kiến xuất thế.

○ **Tăng Thượng Huệ Học là cứu cánh của Huệ Chân Thật.**

Thế nào là Tăng Thượng Huệ Học? Vì làm nơi nương tựa của sự Giải Thoát để Tu Huệ. Gọi là Tăng Thượng Huệ.

Đây, đương nhiên, không phải là Tục Tri, Tục Kiến (Cái Biết, Thấy thông thường), mà là Huệ rốt ráo chân thật.

○ **Giải thích hai loại Chánh Kiến: Thế và Xuất Thế Gian.**

▪ ***Chánh kiến thế gian.***

Như trên đã nói: Biết thiện, ác; Biết nghiệp báo; Biết kiếp trước, đời sau; Biết phàm, thánh đều còn là Chánh Kiến pháp Phật thuộc thế gian.

▪ ***Chánh kiến xuất thế gian.***

Đề ngộ được Chân Lý, dứt được Phiền Não và được giải thoát nên phải có Chánh Kiến Xuất Thế.

Thế nào gọi là Xuất Thế? Đó là pháp siêu việt, vượt hẳn ý nghĩa thông thường của thế gian (hay phàm phu). Hay là Chánh Kiến thấu rõ Chân Lý. Hay là Chánh Kiến Vô Lậu khi lìa xa phiền não, đều gọi là Chánh Kiến Xuất Thế.

Ở trong thuyết minh này, hiện rất chú trọng vào thẳng nghĩa (nghĩa vượt trội hơn hết): Nghĩa Trì Kiến Chân Thật.

• **Huệ là Bát Nhã không bắt đầu không kết thúc.**

Huệ, tiếng Phạn gọi là Bát Nhã.



○ **Bát Nhã là cứu cánh, là căn bản.**

Ở trong tất cả công đức có được do tu tập Phật pháp thì, Bát Nhã là rốt ráo nhất, có được Bát Nhã, có thể nói, là về đến nhà rồi.

Thế ngộ chân lý, việc lớn là giải thoát Sanh Tử cũng đã làm xong; cửa thành lớn Niết Bàn đã mở toang.

Nếu không có Bát Nhã, dù thực tập pháp môn gì đi nữa, cũng đều không thể Giải Thoát Sanh Tử.

Bát Nhã còn là căn bản nhất; Bát Nhã là người lãnh đạo mở lối, dẫn đường tiến tu tất cả công đức, tương ứng với tất cả công đức.

○ **Ở trong Tam Học và Bát Chánh Đạo thì Bát Nhã là vô thỉ vô chung.**

Trong Tam Học, Huệ Học là tối hậu, là chỗ nương tựa tu tập để được Giải Thoát; Nếu ở trong Bát Chánh Đạo thì lấy Chánh Kiến làm đầu.

Đã nói rõ địa vị của Bát Nhã trong Phật pháp là vô thỉ vô chung; Nó là người lãnh đạo cũng là người hoàn thành.

● **Huệ là tên khác của Bát Nhã.**

Trong kinh điển của Tam Thừa Cộng Pháp, Huệ có rất nhiều tên gọi, như Huệ, Kiến, Minh, Quán, Nhãn, Trí, Giác; Chỉ Quán, Chánh Kiến, Chánh Tri; Chánh Tư Duy; Như Thật

Quán, Như Thật Trí, Như Thật Kiến; Như Thật Tri Kiến,  
Như Thật Tư Duy; Trạch Pháp...

*b. Tám Loại Chánh Đạo.*

**Văn, Tư, Huệ.**

**Chánh Kiến.**

***Chánh Kiến Duyên Khởi.***

**Dựa và Nhân Lưu Chuyển**

佛 為 阿 難 說:

*Phật Vị An Nan thuyết:*

緣 起 義 甚 深,

*Duyên Khởi nghĩa thậm thâm*

此 有 故 彼 有,

*Thử hữu cố bỉ hữu.*

此 生 故 彼 生,

*Thử sanh cố bỉ sanh,*

無 常 空 無 我,

*Vô thường, không Vô Ngã,*

惟 世 俗 假 有.

*Duy thế tục giả hữu.*

*Phật vì A Nan nói:*

*Nghĩa Duyên Khởi rất sâu*

*Đây có nên kia có,*

*Đây sanh nên kia sanh,*

*Vô thường, Không,*

*Vô Ngã, Chỉ thế tục là giả*

- **Huệ học về Duyên Khởi là Chánh Kiến từ Thế đến Xuất Thế.**

Xuất thế là pháp môn giải thoát, không ra ngoài hai cương lĩnh Tứ Đế và Duyên Khởi, cho nên nói đến Huệ Học Xuất

Thế cũng là nói thấu đáo Huệ Học Duyên Khởi và liễu tri Tứ Đế. Bây giờ, trước từ Chánh Kiến mà nói.

○ *Từ sự tương của Nhân Quả ngộ giải Lý Tánh của Duyên Khởi.*

- *Duyên Khởi của Nhân Quả Tương Sanh, chẳng phải là Nghĩa Duyên Khởi sâu tột.*

Ở trên đã nói mười hai Duyên Khởi, trong hiểu biết của người bình thường, đây chẳng qua là Nghiệp Cảm Duyên Khởi, nói rõ về quá khứ của nghiệp Cảm Duyên Khởi, nói rõ về quả khổ của nghiệp cảm. Nói rõ về sự miên tục, vô hạn của Sanh, Tử mà, chẳng phải do Thần tạo ra; do Chính Mình. Đây là một bộ phận học giả phân biệt Pháp Tướng của Phật. Nếu dùng như vậy, thì cũng chỉ là Thế gian Chánh Kiến về Duyên Khởi, làm sao có thể Giải Thoát Sanh Tử đây?

Thầy A Nan đã từng đại biểu cho cái Tri Kiến này nên cho rằng Duyên Khởi rất dễ hiểu. “*Nhân đây, Đức Phật dạy thầy A Nan: Pháp do các Duyên Sanh, nghĩa ấy cực sâu thẳm*”; nghĩa của Duyên Khởi thì sâu thẳm vô cùng như biển lớn, khó đo đến đáy được. Nên biết rằng Duyên Khởi là Pháp mà, Đức Phật đã Chứng Ngộ được cội cây Bồ Đề; không cần đề cập đến người mà, cho đến Trời, Ma Vương, Phạm Thiên cũng đều không thể thông đạt được Lý Duyên Khởi.

Đây là chỗ Phật pháp siêu việt thế gian, là căn nguyên vượt trội ra khỏi thế gian, đương nhiên, *“Pháp này sâu thẳm vô cùng, khó thông đạt biết bao”*

- ***Tất nhiên, Lý Tánh Nhân Quả tương sanh là giai đoạn bắt đầu của thân nghĩa về Duyên Khởi.***

Nếu nhân quả tương sanh của mười hai chi Duyên Khởi nói rõ sự vô hạn, mãi mãi của Sanh Tử. Điều này thôi đã rất sâu thẳm!.

Còn quán sát về sanh tử của chúng sanh, từ bắt đầu đến kết thúc cũng như vậy, đều dựa vào tình hình lưu chuyển của mười hai chi Duyên Khởi.

Đã là chúng sanh thì phải có sanh tử và không thể vượt qua thứ tự của mười hai chi Duyên Khởi.

Vì thế, mười hai chi là thứ tự nhân quả của sanh tử, có tánh tất nhiên và phổ biến.

Từ sự thật không giống nhau về nhân quả mà hiểu rõ được lý tánh tất nhiên của tất cả chúng sanh cộng đồng, tín giải kiên định; đây mới là bước đầu đến sự thành công; còn phải vào sâu hơn nữa mới giác ngộ cùng tột nghĩa chân thật uyên thâm hơn.

- ***Phương pháp Duyên Khởi là tường tận chi này nên tường tận chi kia.***

- *Dựa vào thứ tự của Duyên Khởi mà đi vào pháp tắc của Duyên Khởi.*

Việc chỉ bày Duyên Khởi của Phật, nói chung là:

此有故彼有、*Thử hữu cố bỉ hữu,*

此生故彼生、*Thử sanh cố bỉ sanh,*

謂無明緣行、*Vị Vô Minh duyên Hành,*

行緣識…生緣老死。 *Hành duyên Thức… Sanh duyên Lão Tử.*

*Nhờ có đây, kia có, Đây sanh nên kia sanh.*

*Nghĩa là Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức… Sanh duyên Lão Tử.*

Nên biết rằng:

Vô Minh, Hành… Lão Tử là Nhân Quả tương sanh của mười hai chi, là thực sự Duyên Khởi hay là trật tự của Duyên Khởi; nhưng “*Đây có vì kia có, Đây sanh vì kia sanh*” mới là pháp tắc của Duyên Khởi.

Lý do Nhân Quả trở thành Nhân Quả, lý do Sanh Tử trở thành Sanh Tử là cả hai đều không rời được định luật: Thử hữu cố bỉ hữu, thử sanh cố bỉ sanh. Như thế là tiến đến Lý Tánh thông thường của Duyên Khởi sự vật.

▪ ***Pháp tác: “Cái này có nên cái kia có” đã thu tóm hết tất cả sự vật và Sanh Tử.***

✓ Nhân quả Có và Sanh đều dựa vào Nhân Duyên.

Thử hỏi: Nhân quả đến cùng có ý nghĩa gì? Vì sao tụ hợp mới thành Nhân Quả? Nói Duyên Khởi dựa theo lời Phật dạy:

- Hữu là hiện hữu, tồn tại; Sanh là hiện khởi.

Đây không phải là Tụ Có, là tồn tại vĩnh hằng, mà là sự tồn tại trong sanh diệt; cho nên còn nói là Sanh. Sanh có nghĩa là Hiện Khởi; Hữu có nghĩa là Tồn Tại.

Theo ý nghĩa triết đề mà nói: Tồn tại chính là Hiện Khởi; Hiện Khởi chính là tồn tại.

- Tồn Tại và Hiện Khởi đều không lìa khỏi Nhân Duyên.

Vì sao có thể Tồn Tại? Vì sao có thể Hiện Khởi? Vì hai hiện tượng này không lìa khỏi Nhân Duyên.

Dựa vào sự quan hệ của Nhân Duyên mới có được Tồn Tại, mới có được Hiện Khởi.

Nhân Duyên ấy là gì? Mà cũng tồn tại, Hiện Khởi như thế. Nếu nó không Tồn Tại và Hiện Khởi thì không thể trở thành Nhân Duyên cho sự tồn tại của Quả Pháp và Sanh Khởi! Tự thân của Nhân Duyên ấy đã tồn tại, hiện khởi; đương nhiên,

nó cũng phải dựa vào một Nhân Duyên khác. Cái nhân duyên này, đương nhiên, cũng không thể không tồn tại và hiện khởi.

✓ Dựa vào Nhân Duyên, tất cả được thành lập trong pháp tất: “Cái này có nên cái kia có”.

Quán sát được sâu sắc như vậy thì hết thấy sự vật trong thế gian, sanh tử của hết thấy chúng sanh đều phải dựa vào Nguyên Lý này mới thành lập được; nhờ (Hữu) tồn tại cho nên Quả tồn tại, nhờ (Sanh) hiện khởi cho nên Quả hiện khởi. Tất cả đều dựa vào Nhân Duyên, cũng không lìa khỏi Nhân Duyên; Lìa khỏi Nhân Duyên thì không thể Tồn Tại.

▪ ***Dựa vào pháp tất: Thử Cố Bỉ thấu đạt được ý nghĩa sâu thẳm của Chánh Kiến Duyên Khởi.***

Dựa vào định luật này: “Cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh” mà quán sát thấu đáo thì hết thấy đều không Tự Có, Hằng Hữu được; tất cả thế gian, tất cả sanh tử, bất cứ trước, sau hay đồng thời; hết thấy đều chuyển biến trong tương quan, nhờ cậy lẫn nhau mà tồn tại tương quan lẫn nhau mà biến chuyển, nhờ cậy lẫn nhau mà tồn tại mới thành Nhân Quả được. Cho nên, theo định luật Nhân Quả: “Thử hữu cố bỉ hữu, thử sanh cố bỉ sanh” mà Đức Phật đã chứng ngộ thì hiểu ý nghĩa sâu sắc của Chánh Kiến Nhân Quả. Nếu

không như thế thì chỉ là sự quán sát Nhân Quả một cách tầm thường!

• **Từ Duyên Khởi “Thử Cố Bĩ” tiến lên quán sát: vô thường, Vô Ngã, Thế Tục giả có.**

Căn cứ vào quán sâu sắc Nhân Quả này đi đến cái nhìn đúng đắn tất cả thì có thể hiểu chính xác rằng:

Tất cả là Vô Thường, là Không, Vô Ngã

○ **Quán duyên khởi Vô Thường.**

▪ ***Tất cả pháp đều là vô thường.***

Tất cả pháp tồn tại và sanh khởi đều là vô thường.

Bạn xem! Thế giới thành rồi sẽ hoại, quốc gia hưng rồi sẽ suy vong, chúng sanh sống rồi sẽ già chết.

Nhất kỳ vô thường: Tồn tại trong một thời gian rồi tiêu hoại, suy vong, già chết.

Sát ra vô thường: Trong từng sát na, tất cả đều sanh, diệt không ngừng, vừa sanh thì liền tiêu diệt, không tồn tại dù trong thời gian ngắn nhất.

▪ ***Sanh, diệt, vô thường, tất nhiên đi đến diệt tận.***

Tất cả những hiện tượng này, vì sao lại sanh, diệt, vô thường? Đó là vì Duyên Khởi!

Từ Nhân Duyên mà Có, không thể không dựa vào Nhân Duyên, duyên không Thật Có thì cũng trở về với Không.



Đó là từ Nhân Duyên mà Sanh Khởi, đương nhiên, cũng dựa vào Duyên mà Diệt.

Tất cả dựa vào Duyên mà Tồn Tại và Sanh Khởi, tất nhiên, sẽ sanh, diệt, vô thường.

Trong kinh nói đến Vô Thường, vì vô thường, không vĩnh hằng, không thể tin được, không an ổn...; Tất cả đã được kinh nói rõ. Tất cả pháp vốn, do Nhân Duyên sanh; dựa vào tự thể của chúng sanh mà nói: Không có gì trường tồn hay vĩnh cửu; không có gì có thể nương tựa, cuối cùng đều trở về tiêu tan, diệt tận.

○ **Quán duyên khởi Vô Ngã.**

Nói đến Không và Vô Ngã có thể có nhiều cách giải thích khác nhau, hiện tại cứ dựa Vô Ngã mà nói.

▪ ***Quan niệm Hữu Ngã thông thường là chấp có Chủ Thể.***

Ngã có nghĩa là Chủ Thể. Chủ là so với cái khác, không dính líu gì, tự cho mình làm Chủ; Thể là do riêng Ta chi phối. Tóm lại Ngã là: Tự do, Tự tại, Tự chủ.

Mọi người đều biết Có Ngã; tôn giáo thường hay nói chúng sanh (hoặc chỉ nói Nhân Loại) có một Cái Ngã (hay Linh Hồn).

Nhưng Ngã ở đâu? Nó ra làm sao? Hầu hết, con người không suy xét về những điều này; đến tay các nhà tôn giáo và triết học mới trải qua một phen suy cứu. Ở đây có nhiều vấn đề, ý kiến khác nhau; nhưng tóm lại, hiểu ra không thể không có Thường Trụ, Bất Biến, Tự Do, Tự Tại làm chủ thể sanh mạng của con người, chúng sanh; mà còn hiểu ra cái Thường Trụ, Tự Tại này cũng chính là An Lạc. Cái này, trong tương lai, mới là Cái trở về Nước Trời hay trở về với Giải Thoát để hưởng thọ Tự Do vĩnh viễn.

▪ ***Quan niệm Vô Ngã của Phật Giáo là Duyên Khởi, Vô Thường.***

Nhưng trong Chánh Quán của Đức Phật thì Ngã hoàn toàn không tồn tại; Chúng Sanh chẳng là cái gì riêng biệt, mà chỉ là năm Uẩn, 6 Xứ, 6 Giới; chỉ là Hiện tượng Nhân Quả của Thân, Tâm tồn tại và sanh khởi.

Tất cả dữ kiện này lưu chuyển không dừng. Trong đó có Cái Ngã thường còn, Bất Biến sao?

Đó là sự Tồn Tại nương tựa lẫn nhau. Trong ấy có Cái Ngã Độc Lập sao?

Không thường Còn, không Tồn Tại Độc Lập. Trong ấy có Cái Ngã Tự Chủ, Tự Dao sao?

Chánh Quán về Vô Thường, Vô Ngã, như Phật thường nói rằng:

色等一切法無常，無常即苦不安穩，不自由；苦即非我。非我者亦非我所。如是觀者。名真實正觀。 *Sắc đẳng nhất thiết pháp vô thường; Vô thường tức khổ bất an ổn, bất tự do. Khổ tức phi Ngã; Phi Ngã giả diệc Phi Ngã Sở. Như thị quán giả, danh kỳ thật Chánh Quán.*

Tất cả pháp, như sắc..., Vô Thường; Vô Thường là khổ, không an ổn, không tự do.

Khổ là Chảnh Phải Ngã; Chảnh Phải Ngã cũng Chảnh Phải Ngã Sở. Quán Sát như thế, gọi là Chân Thật Chánh Quán.

### • Quán Duyên Khởi Giả Hữu.

#### ○ Tất cả thế gian, chỉ có thế tục là giả có.

Như thế, thế giới cũng tốt, chúng sanh cũng tốt, tất cả mọi thứ cũng tốt; chỉ có thế tục là Giả Có. Trừ Giả Có của Thế Tục ra, cái gì cũng không thể có.

#### ○ Nói rõ về Giả Có của Thế Tục.

Vì sao gọi là Thế Tục? Vì sao gọi là Giả Có?

#### ▪ **Thế Tục.**

Thế tục có nghĩa là trôi nổi, hư ảo không thật.

Theo sự trải nghiệm của chúng ta thì tất cả Tâm Phân Biệt, Hư vọng của chúng sanh mà tất cả đã phát hiện để biết được cái này là cái gì, cái kia là cái gì; trong Tâm biết được cái đó, hiểu được rằng tại sao gọi tên nó như vậy.

Tất cả nhận thức tầm thường về Thể Chất, Hình Thái, Tác Dụng, tất cả đều là Thể Tục.

▪ ***Giả Hữu.***

Thể tục chính là Giả Hữu. Giả Hữu không phải nói Bất Cứ Cái Gì Đều Không Có, đây là giả lập Ý Nghĩa của Có nên, cũng gọi là Giả Danh. Đây chính là dựa vào Nhân Duyên mà Tồn Tại, mà Hiện Khởi. Tuy vậy, Nhân Quả, Pháp Tác này rõ ràng thứ lớp, không rối loạn. Đây chỉ là Giả Lập mà Có thôi.

▪ ***Dựa vào Kinh Thắng Nghĩa không để làm sáng tỏ Thể Tục Giả Hữu.***

- Tất cả pháp Nhân Quả về Vô Thường, Vô Ngã là Thể Tục Giả Có.

Trong kinh Thắng Nghĩa không của Tạp A Hàm, Phật nói Vô Thường, Không, Vô Ngã, “trừ Tục Số Pháp. Tục Số Pháp là: 此有故彼有, 此起故彼起...” : *Thử hữu cố bỉ hữu, thử khởi cố bỉ khởi*”.

Vì vậy, tất cả pháp Nhân Quả về Vô Thường, Vô Ngã; Phật gọi đó là Cái Giả Có của Thế Tục.

- Lấy nhãn căn thấy sắc làm ví dụ cho Thế Tục Giả Hữu.

Ví dụ: Con người là sáu căn nắm giữ Cảnh Giới, đưa đến phát sanh hoạt động tổng hợp của sáu Thức.

Song, nếu nhãn căn thấy được sắc; nhờ thấy được sắc, cho nên mới xác định có nhãn căn.

Nhưng, cuối cùng, cái gì là nhãn căn?

“眼不實而生，生已盡滅：也就是眼生時無有來處，滅時無有去處。” : *Nhãn bất thật thị sanh, sanh dĩ tận diệt, đã tận thị, nhãn sanh thời vô hữu lai xứ, diệt thời vô hữu khứ xứ*”: Nhãn không thật mà sanh, sanh rồi diệt hết, cũng chính là: Khi nhãn sanh không có chỗ đến, khi diệt không có chỗ đi.

Nguyên nhân của nhãn căn vì có Duyên Khởi sanh ra; anh không thể tưởng tượng là có một nhãn căn chân thật, từ trong đó sanh ra. Nói thất sắc cũng không phải có một thực thể tồn tại độc lập, rồi một mình nó đủ khả năng sanh ra tác dụng kiến sắc. Kiến sắc có nhiều yếu tố quan hệ mới thành tựu được; cho nên, cũng không thể nói có một tự thể nhãn căn chân thật đủ để thấy được sắc.

Vì thế, nhãn căn mới sanh liền diệt; anh cũng không thể tưởng tượng được có một nhãn căn tự thể chân thật, diệt đến chỗ đó, rồi mất.

Kinh Thắng Nghĩa không nói khá rõ ràng: Tất cả sự vật trong thế gian, như: Thế giới, Chúng sanh, Sắc, Tâm đều là Giả Có của Thế Tục, Tồn Tại do Duyên Khởi.

○ **Chúng sanh ở trong Sanh Tử với Vô Thường, Vô Ngã, Duyên Khởi, giả Hợp tương tục không ngừng.**

Đây là những hiện tượng Vô Thường, Vô Ngã nhưng trong trạng thái tương quan chuyển biến, nương tựa lẫn nhau. Chúng sanh tồn tại trong hòa hợp và tương tục, trôi nổi không ngừng ở trong biển lớn sanh tử. Sanh tử tiếp nối không ngừng, cũng chính là Luân Hồi không ngừng, khổ đau không ngừng.

**Dựa vào Nhân trở lại Diệt Trừ.**

此無故彼無, *Thử Vô cố bỉ Vô,*

此滅故彼滅, *Thử Diệt cố bỉ Diệt;*

緣起空寂性, *Duyên khởi không Tịch Tánh,*

義倍復甚深. *Nghĩa bội phục thậm thâm.*

Đây Có nên kia Có,

Đây Diệt nên kia Diệt,

Duyên Khởi Tánh vắng lặng, Nghĩa sâu thăm bội phần.

• **Từ Duyên Khởi: Đây không, kia không thấy được pháp Giải Thoát Sanh Tử.**

○ *Sanh tử vì đây có, kia có; do Đây Không, Kia Không mà hoàn diệt (trở lại diệt trừ).*

▪ *Sanh tử và Giải thoát đều từ Duyên Khởi.*

Sinh Tử thuộc Vô Thường, Vô Ngã; từ Phiền Nã khởi Sanh Nghiệp; từ Nghiệp sanh khởi Quả Khổ, lại từ Quả Khổ sanh Hoặc Nghiệp.

Đây là Sanh Tử của Duyên Khởi. Đây có phải là dòng Sanh Tử trôi chảy mãi mãi, không ngừng không? Không! Sanh, Tử có thể Giải Thoát được.

Vì sao có thể Giải Thoát Sanh Tử? Bởi vì nó Duyên có của Pháp Duyên Khởi.

▪ *Nói riêng về Luật Hoàn Diệt của Duyên Khởi.*

Sau khi Phật dạy xong Sanh tử lưu chuyển của Duyên Khởi; tiếp theo Phật dạy Sanh tử Hoàn Diệt như sau: 此 無 故 彼 無, 此 滅 故 彼 滅... 純 大 苦 聚 滅。 *Thử vô cố bỉ Vô, Thử Diệt cố bỉ Diệt; vị Vô Minh Diệt cố Hành Diệt, Hành Diệt cố Thức Diệt... Thuần đại Khổ Tụ Diệt:* Cái này không nên Cái kia Không, Cái này Diệt nên Cái Kia Diệt; nghĩa là: Vô Minh Diệt nên Hành Diệt, Hành Diệt nên Thức Diệt... Đại khổ tụ hoàn toàn Diệt.

✓ Đặc tính của Duyên Khởi sanh rồi diệt.

Pháp Duyên Khởi tồn tại dựa vào Nhân Duyên.

Đã là Tồn Tại và Sanh Khởi dựa vào Nhân Duyên thì không thể thường Hằng, Bất Biến.

Tồn tại sẽ trở về Bất Tồn Tại, Sanh Khởi cuối cùng trở về Diệt Tận.

✓ Sự tương tục và đình chỉ của Quả Khổ Sanh Tử.

Pháp Sanh tử, tuy xưa nay, vốn vừa Sanh liền Diệt.

- Cái Nhân là hoặc Nghiệp không dứt thì Quả Khổ cũng tương tục.

Bởi vì Nghiệp Phiền Não tiếp nối mà không dứt nên Diệt rồi lại Sanh; cho nên, Quả khổ cũng tương tục, không dứt được.

- Cái Nhân hoặc Nghiệp không sanh khởi thì Sanh Tử cũng dừng lại.

Nếu làm chủ được hoàn toàn Phiền Não, tức Vô Minh, Ái... không sanh khởi thì Nghiệp Lực ấy cũng tiêu trừ, Sanh Tử cũng ngưng lại.

- Nêu ví dụ làm sáng tỏ quá trình này.

Như gió, tuy trong thoáng chốc cũng không ngừng, nước nổi lên sóng to, từng lớp phập phồng, chìm nổi không dừng.



Gió dừng thì biển cả yên lặng, sông ngưng.

Vì vậy, Sanh tử có thể giải thoát, bởi vì Sanh tử là do giả danh của Duyên Khởi mà có.

○ **Dưa vào pháp Duyên Khởi như ảo mà đạt được Cảnh giới Niết Bàn.**

▪ ***Trong pháp Duyên Khởi không có một pháp, thật có thể được.***

Trong kinh A Hàm, Phật từng nói như vậy: 不見一法可取而無罪過者: *Bất kiến nhất pháp khả thủ (trước) nhi vô tội quá giả: Không thấy Pháp nào có thể chấp trước mà không có sai lầm.*

Vì thế, nếu chấp trước có Pháp Thật, mà còn nói: không, là sai lầm.

**Cái Có Chân Thật thì không thể thành Không có.**

Nếu nói Cái Thật có mà trở thành Không Có thì tư tưởng này đã phạm phải lỗi lầm quá lớn.

Phật không nói như thế, mà chỉ nói: Pháp Sanh Tử là Duyên Khởi, là Giả Hữu, cho nên không thể Chấp Trước.

Sanh vốn không Chân Thật, Diệt cũng không phải là pháp Chân Thật.

▪ ***Chánh quán Vô Thường, Vô Ngã thuộc Duyên khởi thì đạt đến cảnh giới Niết Bàn.***

Từ trong pháp Duyên Khởi như huyền mà, thấy được Tánh Khả Năng (có thể), Giải Thoát Sanh Tử; cũng do đây mà đạt đến Cảnh Giới giải thoát Sanh tử.

Làm sao có thể đạt đến đây?

✓ Vô Minh làm mê mờ Chân Tướng nên Sanh Tử nổi trôi.

Tất cả pháp là Giả Danh của Duyên Khởi nên là Giả Pháp, Giả Ngã; là huyền hóa, là Vô Thường, Không, Vô Ngã.

Mà Vô Minh là tất cả phiền não: Ngã Si, Ngã Kiến, Ngã Mạn, Ngã Ái... lại làm mê mờ Chân Tướng của tất cả Pháp; chúng sanh lại cho là Chân Thật; tưởng tượng ra Cái Ngã Vĩnh Hằng, Tự Tại.

Tất cả hoạt động đều xuất phát từ trung tâm cái Tự Ngã, do đó, dẫn đến Chấp Trước rồi, tạo ra các Nghiệp Thiện, Ác nên lưu chuyển trong sáu đường.

✓ Chánh quán Vô Thường, Vô Ngã, Tâm là Ngã Mạn thì chúng được Niết Bàn.

Nếu chánh quán Duyên Khởi thì thông đạt Vô Thường, Vô Ngã thị vọng chấp trung tâm về Tự Ngã mất hẳn đối tượng, phiền não cũng không khởi nữa. Phiền não cũng là sự sanh, diệt của Duyên Khởi và Sanh Tử cũng được Giải Thoát.

Vì vậy, Phật nói như thế này: 無常想者能建立無我想, 聖弟子住無我想, 心離我慢, 順得涅槃。

Vô thường tướng giả, năng kiến lập vô ngã tướng. Thánh đệ tử trụ Vô Ngã Tướng, Tâm Ly Ngã Mạn, thuận đắc Niết Bàn: Người hiểu rõ Vô Thường, có thể hình thành nhận thức Vô Ngã; bậc Thánh đệ tử đã nhận thức vững chắc Vô Ngã, Tâm lìa Ngã Mạn, chứng được Niết Bàn.

- **Từ chánh quán Duyên Khởi mà chứng được Pháp Tánh Không Tịch.**

- *Duyên Khởi và Tánh Không Tịch.*

Vô Thường, Vô Ngã là nội dung của Chánh quán Duyên Khởi, lìa phiền não thì giải thoát sanh tử, gọi là chứng được Niết Bàn.

Niết Bàn, cuối cùng, là như thế nào? Đó là vấn đề sâu thẳm và càng thẳm sâu.

- ***Hữu Vi Duyên Khởi và Tánh Không Tịch Vô Vi.***

Phật thầy A Nan nói: có pháp Hữu Vi và Vô Vi, cũng chính là Duyên Khởi và Tánh Không Tịch của Duyên Khởi, muốn nói là Nghĩa lý vô cùng sâu sắc. Như nói: 此甚深

處, 所謂緣起有爲; 倍復甚深難見, 所謂一切取離、愛盡、無欲、寂滅、涅槃。

Thử thậm thâm xứ, sở vị Duyên Khởi Hữu Vi. Bội phục thậm thâm nan kiến, sở vị nhất thiết thủ ly, ái tận vô dục, tịch diệt Niết Bàn: Chỗ sâu thăm này, gọi là Duyên Khởi Hữu Vi. Vô cùng sâu thăm khó thấy, gọi là lìa tất cả chấp trước, Ái hết, Dục không còn, Niết Bàn vắng lặng.

- ***Đại thừa lấy biển cả làm ví dụ Sanh tử Duyên Khởi và Pháp Tánh sâu thăm.***

Đây là lý do trong kinh Đại Thừa hay lấy biển cả để ví dụ cho sự sâu rộng, khó lường của Duyên Khởi Sanh Tử; còn lấy đáy sâu thăm của biển cả để hình dung Pháp Tánh cực kỳ uyên bác.

- ***Duyên Khởi là Giả Danh của tương đối và cùng với Không Tịch tương ưng.***

**Duyên Khởi là Giả Danh của Tương Đối.**

Chúng sanh bị Vô Minh che mờ, không thấy bản Tánh Không Tịch của Duyên Khởi, cũng không biết Duyên Khởi chỉ là Nghiệp Quả tiếp nối của Vô Thường, Vô Ngã.

Nếu chánh quán Duyên Khởi một cách chân thật, không vương mắc, dứt hết phiền não thì Sanh, Tử vĩnh viễn không

còn; đây là thể chứng được trạng thái Tịch Diệt của Pháp Tánh Duyên Khởi. Giống y như gió ngừng thì biển lặng, sóng hiện thể hiện.

Dựa vào lý thông thường mà nói, đệ tử Thanh Văn thì chứng ngộ theo cấp bậc; từ Vô Thường rồi đi đến Vô Ngã; từ thông đạt Vô Ngã, lìa xa Thấy Có Cái Ngã, Yêu Cái Ngã và khế hợp, đi vào Niết Bàn. Nhưng đây là từ Chánh quán Duyên Khởi mà có; Duyên Khởi thì cũng tương ứng với Không Tịch, như kinh A Hàm nói: 如來所說修多羅, 甚深明照, 難見難覺, 不可思量, 微密決定, 明智所知: 空相應, 隨順緣起法:

Như Lai sở thuyết Tu Đa La, Thâm thâm minh chiếu, Nan kiến nan giác, Bất khả tư lượng.

Vi mật quyết định minh trí sở tri: Không tương ứng tùy thuận Duyên Khởi Pháp:

Trong khế Kinh, Như Lai đã nói: Soi sáng sâu thẳm, khó thấy khó hiểu, không thể suy lường; vi diệu, bí mật là cái biết chắc chắn của Trí sáng suốt: Không Tương Ứng, Không Tùy Thuận Pháp Duyên Khởi (Tập A Hàm 1258 kinh quyển 47, Đại Chánh 2,345b)

○ **Niết Bàn siêu việt Giả Danh nên không thể nói.**

- ***Siêu việt số lượng.***

Điều này chỉ chứng ngộ mới biết: “*Sâu thăm, to lớn; vô lượng, vô số; vĩnh diệt*”.

Nói cách khác, điều này không có giới hạn có thể nói đến; đó là siêu việt lãnh vực Tương Đối của Giả Danh và không thể dùng số lượng để nói.

- ***Siêu việt không gian.***

Cũng không thể lấy tướng tượng là ở chỗ này, ở chỗ kia, nếu nói:

“*Ở đời vị lai cũng không khởi lên lại, nếu đến Đông, Tây, Nam, Bắc phương thì không đúng với ý nghĩa: Sâu thăm, to lớn, vô lượng, vô số, vĩnh diệt*”.

- ***Siêu việt Hữu, Vô.***

Điều đó không phải là không có ư? Không thể nói là Có; cũng không thể nói là không, nếu nói:

Lìa Dục, diệt sinh mạng không phải đã hết; Có cũng không nên nói, không cũng không nên nói, Vừa Có Vừa Không nên nói, Chẳng Phải Có Chẳng Phải Không cũng không nên nói...Lìa những Giả Dối, vào được Niết Bàn. Đây là lời Phật dạy (Tập A Hàm, kinh 249, quyển 9, Đại Chánh 2,60a).

- ***Siêu việt Tương Đối và khế hợp Tuyệt Đối.***

Tóm lại, mặt này siêu việt lãnh vực Tương đối (Duyên Khởi) Giả Danh nhưng khế hợp với cảnh giới Tuyệt Đối. Như thế nào đi nữa cũng không thể nói; dù có nói cũng không đúng. Nhưng, mặt này từ Không Tịch của Chánh Quán Duyên Khởi mới Chứng Ngộ, Thể nhập được; cũng chính là Thật Chứng Pháp Tánh của Duyên Khởi.

### ***Chánh quán Trung Đạo.***

此是佛所說, *Thử thị Phật sở thuyết,*  
 緣起中道義, *Duyên Khởi Trung Đạo nghĩa*  
 不著有無見, *Bất trước Hữu, Vô Kiến,*  
 正見得解脫. *Chánh Kiến đắc Giải Thoát.*

*Đây là điều Phật nói, Nghĩa Trung Đạo Duyên Khởi,  
 Chớ chấp thấy Có, Không, Chánh kiến được Giải Thoát.*

- **Duyên Khởi Trung Đạo là Chánh Kiến, không vào hai bên.**

Trên đã nói những gì Phật đã nói trong kinh A Hàm..., gọi là Nghĩa của Duyên Khởi Trung Đạo.

#### ○ **Định nghĩa Trung Đạo.**

Trung đạo là Chính Xác, là Thích Hợp, là không thiên lệch, là không rơi vào Tà Kiến Hai Bên (thường, đoạn). Quán Trung Đạo của pháp Phật là từ trong Chánh Quán của pháp

Duyên Khởi mà xuất hiện. Đó là lập trường căn bản của Phật thuyết pháp. Vì vậy, Chánh quán cũng gọi là Trung Quán, Chánh pháp cũng gọi là Trung Pháp.

○ **Sơ lược nêu lên ba loại ý nghĩa Trung Đạo Duyên Khởi không rơi vào hai bên cực đoan.**

Nói đến không rơi vào hai bên, trong các kinh Phật đều dựa vào Tự Thể của Chúng Sanh mà nói.

Chúng sanh là Sanh, Diệt của Duyên Khởi. Duyên Khởi là không rơi vào hai bên cực đoan, không giống như những gì tưởng tượng của Chúng sanh chấp một bên.

▪ ***Không phải Một, không phải khác.***

Đây là dựa vào lời Phật dạy mà thành lập, như nói: “*Nếu thấy nói Mạng Sống chính là Ta, người tu học Phật không như thế, nếu lại thấy nói Mạng Sống khác, ta khác, người tu học Phật không như thế.*”

Đối với hai bên này, Tâm không bị lôi cuốn mà, một mực hướng thẳng Trung Đạo... nghĩa là Duyên Sanh nên có Già Chết,... Duyên Vô Minh nên có Hành”.

Đây là Trung Đạo Duyên Khởi không một không khác.

▪ ***Không Thường, Không đoạn.***

Lại nói như:



*“Tự tác tự giác (thọ) thì rơi vào thường kiến; cái khác tác động, cái khoái cảm nhận thì rơi vào Đoạn Kiến.”*

*Nói đúng nghĩa, đúng pháp lìa xa hai cực đoạn này, ở Trung Đạo mà nói pháp, đó là: Cái này có nên cái kia có...”*

Lại như nói:

*“Nếu từ xưa có Ngã thì là Thường Kiến; hiện giờ dứt hẳn thì là Đoạn Kiến.”*

*Đối với hai cực đoạn, Như Lai lìa bỏ, ở Giữa nói pháp, đó là Việc này có nên việc kia có...”*

Đây là Không Thường, Không Đoạn Trung Đạo.

▪ **Chẳng Có chẳng Không.**

Phật nói Trung Đạo đều dựa vào Duyên Khởi mà lập luận. Quan trọng nhất, phải kể đến Duyên Khởi Trung Đạo Chẳng Có Chẳng Không.

• **Dựa vào Chánh Kiến Trung Đạo của Duyên Khởi Chẳng có Chẳng Không mà được Giải Thoát.**

Phật, vì thầy Sàṅgā Sāriputta, đã nói Duyên Khởi Trung Đạo: Không rơi vào hai bên Có, Không.

Thầy này không chấp tất cả Tướng, còn đi sao vào Thiên Thắng Nghĩa của các Bậc Đại Sư (từ A La Hán trở lên).

Luận Đại Thừa Trung Quán của Bồ Tát Long Thọ, luận Du Đà của Bồ Tát Di Lặc đều dẫn chứng lời Phật dạy trong kinh

A Hàm để nói Tướng Chân Thật của các Pháp một cách rõ ràng; cho nên, lời dạy này đã chọn lựa, trích ra ở trong Duyên Khởi Chánh Kiến của Pháp Phật, quan trọng vô cùng không có gì so sánh được.

○ **Dẫn kinh**

Phật nhắm vào Ca Chiên Diên mà nói: “*Người đời điên đảo, dựa vào hai bên hoặc Có hoặc Không*”.

Thánh đệ tử của Phật thì sao?

“*Người Chánh Quán Tập Khởi của Thế gian thì không sanh Cái Thấy không của Thế gian. Nếu, thật sự, Chánh Quán Cái Diệt của thế gian thì không sanh Cái Thấy Có của Thế gian.*”

*Ca Chiên Diên! Như Lai là cả hai bên mà nói về Trung Đạo, ấy là: Cái Này Có nên Cái Kia Có, Cái Này Sanh nên Cái Kia Sanh... Cái Này Không nên Cái Kia Không, Cái Này Diệt nên Cái Kia Diệt...*” (Tạp A Hàm, kinh 262, quyển 10. Đại chánh 2, 660-67a).

○ **Giải thích ý nghĩa.**

Nói cách khác, người đời không biết ý nghĩa Duyên Khởi nên chấp chặt sai lầm, điên đảo, không thể ra khỏi hai bên, kẹt vào khuôn sáo Thấy Có và Thấy Không.

Đệ tử của Phật dựa vào pháp Chánh Quán Duyên Khởi, nhờ vậy, không phát sanh Thấy Có và Thấy Không.

Ví dụ nói:

- ***Người đời đối với Sanh Tử Lưu Chuyển, Hoàn Diệt đều chấp là Thật.***

Người thế gian thấy người sanh ra, bèn chấp là Thật Có rồi khởi lên cái Thấy Có.

Đến lúc Chết rồi, hầu hết đều chấp là Thật không, bèn khởi lên Cái Thấy Không.

Nếu còn ở trong Sanh Tử Lưu Chuyển, người bình thường thì chấp là có Thật Có.

Nghe, thấy Chết, vào Niết Bàn thì chấp chắc là Không.

Nhờ vậy, mới nhận ra người đời, hầu hết, đều sợ Không Có Ngã, Sợ Không, Sợ Niết Bàn.

- ***Đệ tử Phật dựa vào Trung Đạo Duyên Khởi, tất cả đều là Huyền Có, Giả Có.***

Nhưng mà, đệ tử Phật khi dựa vào Trung Đạo Duyên Khởi để quán sát.

- ✓ Tập, Diệt như huyễn.

Như thật, Chánh quán thế gian Diệt thì không sanh Cái Thấy Có về Thế Gian.

- Nếu thấy được Thế Gian Diệt cũng chính là Giải Thoát.

Sanh Tử thì sẽ không khởi lên Cái Thấy Có. Bởi vì Tánh Tương Đối của Duyên Khởi là như huyễn, ở trong Niết Bàn vắng lặng thì không thể thiết lập được.

Hơn nữa, đã có thể Diệt thì khi sanh khởi cũng chắc chắn Chẳng Có Thật; Thật Có thì không dựa theo Duyên Khởi mà Diệt.

- Người Chánh Quán Tập Khởi của Thế Gian, thì không sanh ra Cái Thấy Không về thế gian.

Nếu thấy được Tập Khởi của Sanh Tử thế gian sẽ không khởi lên Cái Thấy Không. Bởi vì Giả Có như huyễn của Duyên Khởi, không phải cái gì cũng đều Không Có.

Hơn nữa, đã có thể Sanh thì lúc Diệt cũng, chắc chắn, không phải là Thật Không.

✓ Lưu chuyển, Hoàn Diệt cũng như huyễn.

Còn có, hiểu rõ: Cái này Có Cái kia có, Cái này Sanh, cái kia Sanh của Duyên Khởi. Đó là Tập Khởi Thế gian, cho nên, khi sự sanh khởi diễn ra trước mắt phải biết đó là sự lưu chuyển không dừng của Duyên Khởi; chớ nhận thức rằng Một khi Chết Rồi thì Không Còn Gì nữa.

Hiểu rõ Duyên Khởi: Cái này Không cái kia Không, cái này Diệt Cái kia Diệt, đúng là lúc Giải Thoát Sanh Tử, cũng chớ Chấp có Cái Ngã Thật được Giải Thoát,

- ✓ Tất cả đều là Duyên Khởi không thật thì không phát khởi Cái Thấy Có, Không.

Tóm lại, tất cả là Duyên Khởi, chỉ là Tập và Diệt của Duyên Khởi, hoàn toàn Không Có Ngã Thật, Pháp Thật, cho nên, không sanh khởi Cái Thấy Có.

Ngã Thật, Pháp Thật không có, cho nên, cũng không Khởi lên Cái Thấy Không. Duy nhất, Chánh quán Duyên Khởi thì sẽ không chấp trước vào “Cái Thấy Có, Thấy Không” Dựa vào Trung Đạo Chánh Quán thì được “*Giải Thoát*”.

- **Quán Duyên Khởi Trung Đạo thì không mắc kẹt vào Có, Không, phá được Vô Minh, dứt hẳn Sanh Tử.**

Tăng Thượng Huệ Học trong Tam Học thì Chánh Kiến về Bát Nhã sâu thẳm, Bát Chánh Đạo đều là Quán Trung Đạo của Duyên Khởi. Vì thế, đệ tử Phật không chấp vào Cái Ta thường Có; không rơi vào Đoạn, Thường; Một khác; Có Không; phá tâm Vô Minh, thoát khỏi Sanh Tử.

### ***Chánh quán Tứ Đế***

又復正見者, *Hựu phục Chánh Kiến giả,*

即是四諦慧, *Tức thị Tứ Đế, Huệ;*  
 如實知四諦, *Như thật tri Tứ Đế,*  
 應斷及應修, *Ung đoạn cập ưng tu,*  
 惑苦滅應證, *Hoặc khổ Diệt ưng chứng,*  
 由滅得涅槃. *Do Diệt đắc Niết Bàn.*

*Nhắc lại về Chánh Kiến,            Là Trí Huệ Tứ Đế;*  
*Biết Tứ Đế như thật,            Nên đoạn và nên tu,*  
*Nên chứng Hoặc, Khổ, Diệt,    Do Diệt có Niết Bàn.*

- **Chánh kiến Tứ Đế là Huệ Học Xuất Thế.**

Đạo Giải Thoát là ra khỏi thế gian thì lấy Duyên Khởi và Tứ Đế làm giềng mối chính. Cho nên, nói đến Chánh Kiến, ngoại trừ, thấy rõ Tập, Diệt của Duyên Khởi, còn phải có Chánh Kiến Tứ Đế, đều này trong Kinh Phật, đặc biệt xem trọng.

- **Chánh kiến về Duyên Khởi**

Chánh kiến về pháp Duyên Khởi có hai: Lưu Chuyển và Hoàn Diệt, đó là Chánh Kiến dựa Nhân mà Sanh, dựa Nhân mà Diệt, nhưng đây không phải là sự quán sát Nhân Quả của Không Trở (rỗng không), quán sát về Có, Không; mà là, dựa vào Duyên của Vô Minh duyên hành... mà Có; dựa vào Duyên của Vô Minh diệt thì Hành diệt mà Không. Tánh tất

nhiên của Nhân Quả nương tựa nhau, từ trong lập trường Trung Đạo, từ trong Quán Duyên Khởi như huyền, giả hữu. Thế hội Chánh Kiến này một cách chính xác, thâm nhập vào Thánh Cảnh, lìa lậu hoặc, chứng Chân Thật Nghĩa.

○ **Chánh kiến và Tứ Đế.**

Tứ Đế cũng là Nhân Quả: Khổ do Tập mà sanh, Diệt dựa vào Đạo mà chứng. Đạo có hai lớp Nhân Quả Thế Gian và Xuất Thế Gian. Quán sát đối tượng còn là hiện thực đời người khổ đau, bức bách.

Từ khổ quán sát đến Tập, giống như từ Lão tử quán sát đến Ái Thủ là Duyên, đến Vô Minh là Duyên.

Sau đó, giác ngộ đến Diệt Đế là Tập Diệt là khổ Diệt. Giống như biết Vô Minh diệt thì Hành diệt... Lão tử diệt cũng vậy.

Nhưng làm sao có thể đoạn Tập để chứng Diệt? Đây chính là phải Tu Đạo. Đạo là Nhân để Chứng Diệt, cũng là đối trị Tập, Khổ, Diệt thành công.

○ **Chánh Kiến Duyên khởi là biết được Huệ của Tứ Đế.**

Như thế, biết Tứ Đế và biết Duyên Khởi hoàn toàn tương quan nhau. Mười hai Duyên Khởi cũng có thể thấy làm pháp quán Tứ Đế. Như Lão Tử, Lão Tử Tập, Lão Tử Diệt, Đạo Diệt Lão Tử; trong nói có đến bốn mươi bốn Trí. Vì vậy,

chánh kiến Duyên Khởi cũng chính là biết Trí Huệ của Tứ Đế.

Tuy nhiên, ở trên đã nói: Pháp môn Duyên Khởi chú trọng nói rõ theo chiều dọc (thời gian), Tứ Đế chú trọng ở phân tích theo chiều ngang (không gian).

- **Tu học pháp môn Tứ Đế theo thứ tự.**

- **Lần lượt đi sâu vào ba lần chuyển Tứ Đế, mười hai Hành Tướng.**

Khi Phật ở vườn Nai, ban đầu vì năm vị Tỳ Kheo mà Chuyển Đại Pháp Luân, chính là pháp môn Tứ Đế, cũng gọi là Xoay Bánh Xe Pháp ba lần, mười hai Hành Tướng, biểu thị rõ ràng lần lượt thâm nhập đối với Tứ Đế.

- ***Thị Chuyển.***

Lúc ấy, trước Phật chỉ bảo rằng Những cái đó khổ, Những cái đó là Tập, Thế nào là Diệt Khổ, thế nào là Con Đường diệt Khổ. Đây là Chỉ Thị cần phải phân biệt rõ ràng.

Không những phải biết Những cái đó là Khổ. Những cái đó là Tập Nhân của Khổ; Khổ ắt từ Tập sanh, có Tập là sẽ có Khổ... kể cả Sự và Lý.

Hơn nữa, còn phải biết: Những cái Khổ đó là Cái Khổ chân thật; chắc chắn, Tánh tất nhiên của Khổ không thể nào khác.



Đây là Chuyển lần thứ nhất (bốn Hành), lời dạy bảo khiến cho pháp này hiểu thấu đáo, tin sâu sắc.

▪ **Khuyến chuyển.**

Tiếp đến, Phật còn nói:

- ✓ Khổ thì nên biết, cần phải thể nhận tha thiết và tận cùng; tin tưởng, thấu hiểu Tánh bức bách của Khổ ở thế gian, mới phát sanh chán nản, lìa bỏ thế gian, mong được giải thoát.
- ✓ Tập nên đoạn trừ, không đoạn trừ, liền sanh quả khổ, không thể ra ngoài Sanh Tử.
- ✓ Diệt nên chứng được, đây mới thực hiện được Giải Thoát.
- ✓ Đạo nên Tu Tập, không tu tập Đạo thì không thể dứt trừ Tập và không chứng được Diệt Đê.

Đây là Chuyển lần thứ hai (Bốn Hành), khuyên mọi người nên: 知 苦, 斷 集, 証 滅, 修 道: Tri khổ, Đoạn Tập, Chứng Diệt, Tu Đạo: Từ tri đưa đến Hành, từ Hành đi đến Thật Chứng.

▪ **Chứng Chuyển.**

Tiếp theo, Phật lại lấy kinh nghiệm của chính mình để dạy các đệ tử:

Khổ, Ta đã biết rõt ráo; Tập, Ta đã dứt hết; Diệt, Ta đã chứng được; Đạo, Ta đã tu xong.

Cũng còn nói: Ta đã từ trong Tri Kiến, Đoạn Trừ, Chứng Đắc, Tu Tập của Tứ Đế mà hoàn thành Giải Thoát Sanh Tử, thể hiện Đại Sự Niết Bàn; các bạn vì sao không nương theo đó để thành tựu hoàn toàn ư?

Đây là chuyện lần thứ ba (Bốn Hành) là lấy kinh nghiệm của chính mình để chứng minh, để tăng cường quyết tâm Tín giải, Tu Hành của các đệ tử.

○ **Ba chuyện, mười hai Hành Tướng chính là thứ tự tu học của Tri, Hành, Chứng.**

Phật nói pháp môn Tứ Đế, không ngoài pháp luân ba Chuyện, mười hai Hành Tướng. Khi đệ tử tu tập pháp môn Tứ Đế phải:

▪ ***Biết Tứ Đế như thật.***

Trước hết, “*biết Tứ Đế như thật*”.

Từ sự tướng của Tứ đế, trong Tứ Đế có tánh quan hệ lẫn nhau, tánh chân thật của nó. Ví dụ: Khổ thật sự là khổ; Tập, Diệt, Đạo cũng vậy.

Từ Quán Sát Duyên Khởi Tập Đế có Nhân có Duyên thế gian (tức là Tập của Khổ); Diệt Đế có Nhân có Duyên Thế gian (đây chính là Đạo của Diệt) để biết Vô Thường, Vô Ngã và Lưu Chuyển, Hoàn Diệt, chứng được Tánh Chân Thật sâu thẳm.

- ***Dựa vào Tri phát sanh Hành Động đúng.***

Cũng giống như Biết như thật cũng biết Tập nên dứt trừ; Đạo nên tu; Hoặc, Khổ, Diệt nên chứng.

- ***Dựa vào Tri, Hành chứng được Niết Bàn.***

Nương vào Chánh Tri Kiến mà phát sanh Chánh Hành, cuối cùng mới có thể đến nơi. Vị Vô Học là đã Biết, đã Đoạn, đã Diệt, Đã Tu. Từ Khổ, Tập, Diệt mà chứng được Niết Bàn.

- **Luận về vấn đề Kiến để Đắc Đạo (thấy Tứ Đế, chứng được Đạo Quả).**

Đối với sự thấy biết như thật về Tứ Đế đưa đến vấn đề Kiến Đế, Đắc Đạo.

- **Có hai phái Đốn, Tiệm.**

Trong Tứ Đế, nhìn thấu, thể nghiệm như thế nào mới được cho là Chứng Đắc?.

Do căn tánh của người học, phương pháp tu trì truyền thừa khác nhau, chia ra hai phái Đốn, Tiệm.

- ***Phái tiệm kiến: Thấy Tứ Đế thì đắc Đạo.***

Quán mười sáu Hành tướng của Tứ Đế; lấy mười sáu (hoặc năm) Tâm Kiến Đạo, Phái này là chủ trương của học phái ở Tây Bắc Ấn Độ.

Mười sáu hành tướng:

- ✓ Khổ Đế: Vô thường, Khổ, Không, Vô Ngã;
- ✓ Tập Đế: Nhân, Tập, Sanh, Duyên;

✓ Diệt Đế: Diệt, Tĩnh, Diệu, Ly;

✓ Đạo Đế: Đạo, Như, Hành, Xuất.

▪ ***Phái đốn kiến: Thấy Diệt Đế thì Đắc Đạo.***

Ngược lại, học phái ở Trung, Nam Ấn Độ thì chủ trương Đốn Kiến là Thấy Diệt thì đắc Đạo hay Thấy Không đắc Đạo.

○ **Dựa vào giáo thuyết hiện có để tham khảo thì có chỗ giống và khác nhau của hai phái.**

Đúng rồi, đây là công án rất xưa đã, cách đây, hàng một trăm, một nghìn năm, kém khó mà phán đoán. Dựa vào giáo thuyết hiện có để tham khảo, chứng minh; từ nhận thức ý vị cội nguồn của Phật pháp mà nói: Thấy bốn Đế mới chỉ là Tiệm Nhập; nhưng kiến giải này với ngộ nhập Tánh Duyên Khởi Không Tịch cũng là thấy Diệt Đế thì Đắc Đạo nên, nhất định, không mâu thuẫn.

▪ ***Từ từ hiện quán Tứ Đế (tiệm quán Tứ Đế).***

✓ **Hiện quán Tứ Đế là từ từ vào, từ từ chứng.**

Kinh nói: Không có hiện quán ba Đế Trước (Hiện quán là trực giác, thể nghiệm) thì không thể hiện quán Đạo Đế. Tứ Đế là Tiệm Nhập, giống như bậc thang, đó đều là sự xác chứng của việc tu, chứng từ từ.

✓ **Hiện quán Tứ Đế là xác nhận giá trị của Tứ Đế.**

Nhưng nhận thức, tín nhận sâu sắc về hiện quán Tứ Đế cũng gọi là Chứng Tín, không phải là chứng nhập bốn loại lý thể chân thật.

Đế có nghĩa là thâm định, không thể đảo lộn, cho nên, nêu lên sự xác nhận của bốn giá trị này.

- Giá trị của việc Thấy Khổ Đế.

Đây là những sanh, tử hữu vi, là Vô Thường, Bất ổn, là Vô Ngã, không Tự Tại. Đây là Tánh Bức Bách thuộc về loại thực sự Sanh Tử này, đủ sức Tri nhận, Tin Tưởng sâu sắc thì, tất nhiên, không nghi và liền thấy được Khổ Đế.

- Giá trị của việc Thấy Tập Đế.

Nghiệp Thiện, Ác của phiền não và dẫn sanh thì có khả năng phát khởi Sanh, Tử; nguyên nhân chân chánh khiến cho Sanh, Tử không ngừng khởi lên; cũng chính là Tánh chiêu cảm của Hoặc, Nghiệp; hiểu thấu, tin sâu tất nhiên không Nghi thì liền Thấy được Tập Đế.

- Giá trị của việc Thấy Diệt Đế.

Dứt hẳn phiền não, không phát khởi Sanh, Tử, tính siêu việt của hai loại tịch tĩnh này là vi diệu, xuất ly; là tính tự tại không trói buộc và hệ lụy; hiểu thấu, tin sâu và không trở lại nghi ngờ gì nữa thì liền Thấy được Diệt Đế.

- Giá trị của việc Thấy được Đạo Đệ.

Bát Chánh Đạo đã hoàn tất rồi xuất ly Sanh Tử; nếu không thì chắc chắn không thể.

Có khả năng hướng đến Niết Bàn là đó tính hiệu quả của tu tập Bát Chánh Đạo, hiểu thấu, tin sâu được thì không trở lại nghi ngờ, gọi là Thấy được Đạo Đệ.

▪ ***Nhanh chóng hiện quán Tứ Đế (đốn quán Tứ Đế).***

✓ Ấn định giá trị Tứ Đế trước và sau là Thể nhận mà không trở ngại Diệt Đế.

Tin tưởng chân xác, không nghi ngờ về Khổ, Tập, Diệt, Đạo là hiểu thấu, tin sâu bốn loại giá trị, đương nhiên, trước và sau sanh khởi. Nhưng đây là sự không trở ngại đối với Tính Duyên Khởi Vắng Lặng, tức là thể nhận mà thấy được Diệt Đế.

✓ Thấy Diệt Đế là tự thân thể nhận thấy được Tính Tịch Diệt.

- Tính Duyên Khởi Không Tịch siêu việt Tính Duyên Khởi, Tính Tương Đối.

Tánh Duyên Khởi không Tịch siêu việt Tính Duyên Khởi, Tính Tương Đối.

Tính Duyên Khởi Không Tịch chính là Tính sâu sắc, to lớn, vô lượng, vô biên, vĩnh hằng, bất diệt. Đây là Chánh

Pháp siêu việt Tính Duyên Khởi, Tính Tương Đối. Xưa nay như thế, tất nhiên như thế, phổ biến như thế nên gọi là Pháp Tánh, Pháp Trụ, Pháp Giới.

- Thể nghiệm thấy được Tánh Tịch Diệt thì có thể nói là Bình Đẳng tuyệt đối.

Thấy được Diệt Đế, không phải là giá trị xác tín như trên đã nói, mà là tự thân thể nghiệm thấy được Tánh Tịch Diệt siêu việt Tương Đối Tánh.

Đây là Bình Đẳng Bất Nhị, không có Thứ Bậc có thể nói. Người học ở trong Chánh Quán Tập Diệt Duyên Khởi, đến được Ly Ái, Vô Dục mà tự thân thấy được Tánh Tịch Diệt; đó là Chứng được Đạo, đương nhiên, cũng Chứng được Tứ Đế.

▪ ***Tánh khác nhau giữa Đôn Nhập và Tiệm Nhập Tứ Đế.***  
Nhưng ở Trí Thấy Biết còn có thứ tự ý nghĩa Dẫn Khởi.

Như vừa phát hiện được kho báu, còn kiểm điểm, thu gom từng vật. Đây là điều người xưa nói: Gieo hạt giống Giải Thoát.

Đôn Nhập, Tiệm Nhập nói chung, cũng như thế.

Thấy được Tịch Diệt thì Chứng Đạo, thời xưa, vô số học giả đã Tu, đã Chứng. Đó là sự thật, không chút hoài nghi. Gọi

đó là Tự Thân thấy được Diệt Đế, là Thể Kiến tự thân Tánh Tịch Diệt cùng với cái thấy Tứ Đế. Xác nhận bốn loại giá trị không giống nhau.

### ***Nương Tục khế hợp Chân***

先得法住智,	<i>Tiên đắc Pháp Trụ Trí,</i>
後得涅槃智,	<i>Hậu đắc Niết Bàn Trí,</i>
依俗契真實,	<i>Y Tục khế Chân Thật,</i>
正觀法如是.	<i>Chánh quán pháp như thị.</i>

*Trước được Trí Pháp Trụ, Sau được Trí Niết Bàn;*

*Nương Tục thấu hiểu Chân, Pháp Chánh Quán như thế.*

#### • **Trình tự rõ ràng của Chánh Kiến Trung Đạo.**

##### ○ **Trước được Trí Pháp Trụ, sau được Trí Niết Bàn.**

Ở trong Chánh Kiến Trung Đạo, chắc chắn phải có trình tự, chủ yếu là; “*Trước được Trí Pháp Trụ, sau được Trí Niết Bàn*”.

Phật thiên Thập Ma nói: “*Không hỏi Ông biết hay không biết, tự mình biết trước an trụ nơi Pháp, sau biết Niết Bàn*”.

Đây là điều, tất nhiên, khẳng định.

##### ○ **Thấu rõ Trí Pháp Trụ và Trí Niết Bàn.**

Trí Pháp Trụ là thế nào? Trí Niết Bàn là thế nào?

##### ▪ ***Trí Pháp Trụ.***



Dựa vào kinh Bảy mươi Bảy nói: Sanh Tử Duyên khởi của tất cả chúng sanh, hiện tại như thế; quá khứ, vị lai cũng như thế. Hết thấy đều có Nhân này (như Vô Minh) mà sau có Quả kia (như Hành). Nhất định không là Nhân này mà có Quả kia được. Đây chính là Trí Pháp Trụ, vì vậy, Trí Pháp Trụ là đối với Trí Quyết Định của Nhân Quả Duyên Khởi. Đây tuy là Tục Số Pháp của Duyên Khởi như huyễn (như không thể hiểu Tánh Thế Tục Tương đối, Tánh Giả Danh đặt ra của Duyên Khởi, mà chỉ là Tin, hiểu Thiện, Ác, Nghiệp báo ba đời... Đây là Chánh Kiến Thế Gian gọi là Trí). Nhưng lại là Tri Kiến đã được đầy đủ do Chánh Kiến đặc đạo.

▪ ***Trí Niết Bàn.***

Kinh A Hàm nói: Nếu dựa vào đây, tùy Duyên mà Sanh, tùy Duyên mà Diệt của pháp quán Duyên Khởi thì đó là tận diệt tướng, tan hoại tướng, viên ly tướng, đoạn diệt tướng và gọi là Trí Niết Bàn.

Đây là theo quán Vô Thường của Duyên Khởi, quán tất cả pháp như đá lửa, tia điện vừa sanh liền diệt; sanh không biết từ đâu đến, diệt không biết đi đâu mà lại, phù hợp với Pháp Tánh Vắng Lặng.

Đây chính là:

諸行無常,	<i>Chư Hành vô thường,</i>
是生滅法,	<i>Thị Sanh Diệt Pháp,</i>
生滅亦已,	<i>Sanh Diệt diệt dĩ,</i>
寂滅為樂.	<i>Tịch Diệt vi lạc.</i>

<i>Các Hành vô thường,</i>	<i>Là Pháp Sanh Diệt,</i>
<i>Sanh Diệt không còn,</i>	<i>Tịch Diệt là vui.</i>

Từ vô thường đi vào Vô Ngã rồi khế hợp với Tịch Diệt; là pháp môn Giải Thoát chủ yếu ở trong Tam Thừa Cộng Pháp; còn là từ Không vào Vô Tướng rồi khế hợp với Quán Môn.

▪ ***Tánh quan hệ trước, sau của Trí Pháp Trụ và Trí Niết Bàn.***

Bởi vì Trí Pháp Trụ biết Lưu Chuyển, biết Nhân Quả; đó là Tánh Tất Nhiên của trí này. Trí Niết Bàn biết Hoàn Diệt, biết Nhân Quả; đó là Tánh Tịch Diệt của Trí này.

Trí Pháp Trụ biết Sanh Diệt; Trí Niết Bàn biết không Sanh Diệt.

Trí Pháp Trụ biết Thế Tục Hữu Vi; Trí Niết Bàn biết Thắng Nghĩa Vô Vi.

Nhân quả Duyên Khởi dựa vào Tục Đế, rồi sau mới đi vào Chân Thật Duyên Khởi. Trong đạo giải thoát đây là lịch trình

tất nhiên của Pháp Chánh Quán; nhất định là như vậy, không có trường hợp ngoại lệ.

- **Sai lầm không cầu Trí Pháp Trụ mà chỉ cầu Trí Niết Bàn.**

Nói đến đây, mới hiểu trong Phật Giáo, mỗi người tu học có một khuynh hướng sai lầm; chính là không cầu Trí Pháp Trụ mà, chỉ cầu Trí Niết Bàn.

- **Chỉ biết nói Tâm, nói Tánh mà không biết thứ lớp.**

Đặc biệt là người có trí thức đầy đủ thông thường ở gian tuổi cao mà mong cầu pháp Phật.

- **Không cầu Tứ Đế, Duyên Khởi; chỉ cầu mong Kiến Tánh Giác Ngộ.**

Đối với Tánh tất nhiên của Nhân Quả, Duyên Khởi, giá trị chắc thật của Tứ Đế, thường không chút mong cầu.

Có người cho rằng điều này đã biết mà không biết rằng đang mộng, đâu biết mình đang mộng; lại cho rằng vì nhu yếu Khai Ngộ, Minh Tâm, Kiến Tánh. Đâu biết không tu học thành công Trí Pháp Trụ, Trí Niết Bàn thì những mong cầu ấy không biểu hiện được.

- **Ngã về Chứng Ngộ, quên mất Ngộ Nhập. Đây là quá trình tất yếu.**

Vì có khuynh hướng Chứng Ngộ, khiến cho mở miệng, nói toàn là nào Hạ Thủ, nào Tâm, nào Tánh, nào Tu, chứng,

dường như không nói là không được. Vì thế, e rằng quên mất quá trình, tất yếu, là Ngô Nhập; chỉ nói suông về Tâm Tánh, không Hữu, Sự Lý làm cho nội dung và hình thức cũng phân biệt được.

○ **Coi trọng tinh thần Thử Ngô tuyệt đối.**

Những bậc đại đức ngày xưa đã có nhận thức sai lầm vì định kiến mà cho rằng chỗ không, Nhan vui; Minh minh đức trong sách Đại Học; Trí lương tri của Mạnh Tử chính là Đại y Tổ Sư Tây Lai. Vì thế, có người đã cao giọng rằng: 東方有聖人此心焉, 西方聖人此心焉: Đông phương hữu thánh nhân thử tâm yên, Tây phương thánh nhân thử tâm yên: Tâm này của thánh nhân Đông Phương, Tâm này cũng của thánh nhân Tây Phương; dường như Nho, Phật dung thông nhau.

▪ ***Các bậc đại sư nhà Nho không có Trí Pháp Trụ về Nhân Quả quyết định trong ba đời.***

Thật ra, các bậc đại sư nhà Nho, mặc dù, có xem qua Ngũ Lục, có để tâm công phu tu dưỡng.

Chỉ một điểm này mà xác nhận Nhân Quả Ba Đời ư?

Chỉ một điểm này mà theo Lưu Chuyển, Hoàn Diệt của Duyên Khởi để cầu Chánh Kiến ư?

Chỉ có một điểm này mà thể hiện tất cả chúng sanh bình đẳng ư?

Căn bản đã không có Trí Pháp Trụ của Nhân Quả quyết định Ba đời; đương nhiên, đó là sự trôi nổi bên ngoài của Phật.

- ***Không có Trí Pháp Trụ của Duyên Khởi Chánh Kiến là bài xích Phật pháp.***

Các bậc thầy về Lý Học đều không thể tán đồng Phật pháp mà, còn lấy thái độ của Dương, Mặc để chê bai Phật, Lão. Vì sao vậy?

Chính là không có Chánh Kiến đối với Phật pháp; không biết Trí Niết Bàn của Phật pháp là dựa vào Trí Pháp Trụ của Duyên Khởi Nhân Quả mà tiến tu có được.

**Do đó**, nếu chỉ Luận Tâm, Bàn Tánh hoặc là nói về tinh thần Tuyệt Đối nào đó; rồi cho đây là Phật pháp cao tột thì đúng là đã đi lạc đường và tự mình, cam chịu, trầm luân!.

### **Chánh Tư Duy**

正 思 向 於 厭,            *Chánh tư hướng ư yếm,*

向 離 欲 及 滅.            *Hướng ly Dục cập Diệt.*

*Chánh Tư Duy chán đời,    Muốn lìa Dục đến Niết Bàn.*

- **Tuần tự tu học Bát Chánh Đạo giải thoát.**

Tám nhánh Chánh Đạo cùng lúc thành tựu, nhưng trong quá trình tu tập phải có thứ tự phát sanh.

○ **Chánh kiến, Chánh Tư Duy đều thuộc Huệ Học.**

Phát sanh theo trước, sau:

Sau Chánh Kiến là Chánh Tư Duy, là cái Thấy của Chánh kiến giúp cho càng thâm nhập vào Tư Duy chính xác.

Chánh Kiến có thể nói từ Văn (Phật, đệ tử Phật kinh điển) đi đến Huệ Học.

Chánh Tư Duy là từ suy nghĩa thấu đáo, rõ ràng đi đến Huệ Học.

○ **Chánh Tư Duy là hướng về Tâm ra khỏi, giải thoát ba cõi.**

Có Chánh Kiến, nhất định thành tựu Chánh Tín; có niềm tin, nhất định có ý hướng Thật Hành. Vì vậy, từ Chánh Kiến đi đến Chánh Tư Duy thì dẫn phát mong cầu chân thật hướng về giải thoát. Cũng từ đây, xưa dịch Chánh Tư Duy là Chánh Chỉ hay Chánh Dục.

▪ ***Chánh Tư Duy Vô Thường rồi hướng đến chán nản Sanh, Tử.***

Từ Chánh Kiến Vô Thường phát sanh Chánh Tư Duy rồi hướng đến Chán nản Sanh Tử.

Đối với tự ngã và thế giới thì chúng sanh mê đắm vô cùng; Chánh Tư Duy có khuynh hướng chán nản Sanh Tử, chính là đã thấy được Tất Cả là Vô Thường, là Khổ nên; đối với danh lợi, quyền thế, ân oán... buông xuống một cách dễ dàng. Đây là từ tin sâu Nhân Quả, dẫn đến chán nản cuộc đời, mạnh mẽ làm Lành, quyết tìm hiểu Chân Lý mà, không giống như phần đông có quan niệm bi quan, chán nản, lười biếng, không làm gì.

▪ ***Chánh Tư Duy về Vô Ngã, hướng đến lìa Dục.***

Từ Chánh Tư Duy về Vô Ngã, hướng đến lìa Dục: từ năm Dục và Dục Tánh đều không thể vướng mắc, vấy nhiễm. Giống như nghe tiếng hát êm dịu; khi nghe không hẳn là không thích, nhưng như gió thu thổi quan tai, chưa từng động tình; tiếng hát hết rồi cũng không lưu luyến. Giống như quơ bàn tay trong không gian, không có chút trở ngại.

▪ ***Chánh Tư Duy Niết Bàn vắng lặng hướng đến Diệt Đế.***

Từ Chánh Tư Duy về Niết Bàn vắng lặng hướng đến Diệt Đế. Tâm hành đạo là hướng đến Niết Bàn. Tất cả đều lấy đây làm mục tiêu.

Ba việc này biểu thị nội Tâm từ thế gian hướng đến Giải Thoát, cũng là Tâm Xuất Ly Sanh Tử chân chánh.

• **Tóm tắt sự khác nhau của Chánh Kiến và Chánh Tư.**

Tâm xa lìa Sanh tử, thấu rõ Đạo Giải Thoát. Đó là bắt đầu và kết thúc của Bát Chánh Đạo.

Tuy Chánh Kiến là chú trọng nhận thức chán nản Thế Gian (sinh tử); nhận thức Lìa bỏ Dục Vọng; nhận thức Niết Bàn, thế thôi. Sáu chi còn lại đều hướng vào đây mà tu tập vậy.

### **Tịnh Hạnh**

正語業及命      *Chánh Ngữ, Nghiệp cập Mạng,*

淨戒以為性      *Tịnh Giới dĩ vi Tánh.*

*Chánh Ngữ, Nghiệp và Mạng; Lấy Tịnh Giới làm Tánh.*

- **Dựa vào Chánh Tư Duy phát sanh ba chi Ngữ, Nghiệp, Mạng.**

Chánh Kiến, Chánh Tư là Huệ Học.

Yêu cầu thật liền là dựa vào Chánh Tư, dĩ nhiên phát sanh 3 chi: Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, và Chánh Mạng.

- **Nội dung ba chi.**

Chánh Ngữ là không nói Dối, không nói Hai Lưỡi, không nói Ác, không nói Thêu Dệt. ấy là Khẩu Nghiệp đúng phép.

Chánh Nghiệp chỉ không Sát, không Trộm cướp, không Dâm. Ấy là Thân Nghiệp đúng phép.

Chánh Mạng là đời sống sanh nhai đúng phép.

- **Ba chi lấy Giới làm Thế Tánh.**



Có nhận thức chánh xác mới tiến bộ, cầu mong giải thoát Sanh Tử; nhất định, hành vi biểu hiện sẽ đúng pháp.

Ba chi này lấy Giới Học thanh tịnh làm Thể Tánh.

- **Nói riêng về Chánh Mạng**

- **Chánh Mạng của Tại Gia.**

Chánh Mạng của đệ tử Tại Gia là phải có nghề nghiệp hợp pháp, tiền của có được hợp lý.

Về phương diện sử dụng không được lãng phí, cũng không được bòn xén, nên sống cuộc đời vừa phải (trung đạo) theo lời Phật dạy.

- **Chánh mạng của Xuất gia.**

Đệ tử Xuất gia đời sống hoàn toàn nhờ vào sự bố thí của thí chủ; cho nên, Phật đặc biệt dạy rằng Chánh Mạng của người xuất gia là không được Tà Mạng. Xin dẫn một chi tiết trong kinh Di Giáo để nói rõ, như sau:

持淨戒者不得販賣貿易、安置田宅、畜養人民奴婢畜生，一切種殖及諸財寶，皆當遠離，如避火坑。不得斬伐草木、墾土掘地、合和湯藥、占相吉凶、仰觀星宿、推步盈虛、曆數算計，皆所不應。節身時食，清淨自活。不得參預世事、通致使命、咒

術仙藥、結好貴人、親厚媠慢，皆不應作。當自端心，正命求度。不得包藏瑕疵，顯異惑眾，於四供養，知量知足，趣得供事，不得蓄積，此則略說持戒之相。

Trì tịnh giới giả:

Bất đắc phán mại mậu dịch, an trí điền trạch, súc dưỡng nhân dân, nô tỳ, súc sanh. Nhất thiết chủng thực cập chư tài bảo, giai đương viễn ly, như tỳ hỏa khanh.

Bất đắc trăm phạt thảo mộc. Khẩn thổ, quật địa, hợp hòa thang dược, chiêm tướng cát hung ngưỡng quán tinh tú, suy bộ doanh hư. Lịch số toán kế, giai sở bất ưng.

Tiết thân, thời thực, thanh tịnh tự hoạt. Bất đắc tham dự thế sự, thông trí sứ mạng. Chú thuật, tiên dược, kết hảo quý nhân, thân hậu tiết mạn, giai bất ưng tác.

Đương tự đoan tâm chánh mạng cầu độ. Bất đắc bao tàng hà tỳ, hiển dị hoặc chúng. Ư tứ cúng dường tri lượng tri túc. Thủ đắc cúng sự, bất đắc súc tích.

Thử tắc lược thuyết trì giới chi tướng.

Nghĩa là:

Người giữ giới,

Chẳng được mua bán đổi chác, tạo ruộng cất nhà, nuôi người mướn tớ, và chăn gia súc; kể cả trồng trọt, các thứ của báu đều phải lìa bỏ, như tránh hầm lửa; chẳng được đốn chặt cây cỏ, đào xới đất đai, điều chế thuốc thang, coi tướng tốt xấu, trông xem tinh tú, tìm tòi suy thịnh, coi ngày đoán số đều không nên làm.

Phải tiết chế thân thể, ăn uống đúng giờ, nếp sống trong sạch. Không được tham dự việc đời, đi sứ giao hảo; luyện bùa chú; nấu thuốc tiên; giao du với người quyền quý; gận gũi kẻ kiêu ngạo đều không nên làm.

Phải tự giữ Tâm Chánh Niệm, mong cầu Giải Thoát; chẳng được che giấu tội lỗi, khoe bày dị tướng dối gạt mọi người. Đối với bốn món cúng dường phải biết lượng biết đủ; được vật cúng dường không nên chứa cất.

Đây là lược nói về Tướng giữ Giới.

### Tổng Luận

始則直其見, *Thỉ tắc trực kỳ kiến,*

次則淨其行, *Thứ tắc tịnh kỳ hành;*

足目兩相成, *Túc mục lưỡng tương thành;*

能達於彼岸. *Năng đạt ư bỉ ngạn.*

*Trước thấy thật đúng,      Ké làm thật tốt;  
Tri, Hành đều trọn vẹn,      Đến thẳng Bờ Bên Kia.*

- **Thứ tự tu học Đạo Giải Thoát.**

Đây là nói về Chánh Đạo

- *Do hành vi chính xác của Tri kiến thanh tịnh phát sinh.*

Tu học Đạo Giải Thoát, trước hết, phải có Kiến Giải thật đúng. Đây chính là Chánh Kiến và Chánh Tư .

Ké đến, cần phải có Hành vi thanh tịnh. Đây chính là Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng.

- *Năm chi trước giống như chân và mắt.*

- *Ngữ, Nghiệp, Mạng giống như chân.*

Chánh Nghiệp, Chánh Ngữ, Chánh Mạng như hai chân.

Chân thì có thể hướng đến trước mà bước.

Không chỉ cần có hai chân, mà còn, không bệnh mới đi được.

- *Kiến và Tư giống như mắt.*

Chánh Kiến và Chánh Tư giống như đôi mắt. Mắt mới thấy rõ đường đi.

Không chỉ cần có đôi mắt, mà còn, mắt không bị mờ, mới thấy được chính xác.

- **Con đường bình thường còn như vậy, hướng chi, con đường Giải Thoát.**

○ **Con đường bình thường còn phải có tuân tự.**

Dù cho đi đến bất cứ nơi nào, nhất định phải biết rõ nơi ấy, biết rõ đường đi; còn phải từng bước tiến lên. Có đủ hai phương diện này hỗ trợ, mới mong thành công, đi đến mục đích.

○ **Con đường Xuất Thế Giải Thoát, tất nhiên, phải có tuân tự.**

Con đường thông thường đều như thế; còn con đường Giải Thoát thì sao?

Điều này, đương nhiên, cần có chân và mắt, giúp đỡ mới thành công, nói đến được Bồ Bê Kìa (Niết Bàn). Nói rõ: đây là phương pháp Giải Thoát, Xuất Thế. Nếu trước không nhận thức chính xác thì không thể có hành vi thanh tịnh. Không như thế thì đừng nói Tu, nói Chứng làm gì; chắc chắn không có khả năng thực hiện được.

Giống như ở trong lửa mà thẳng mù (có chân) và thẳng què (có mắt) không hợp tác; chỉ có một thì làm sao thoát ra khỏi nhà lửa đang cháy nghi ngút, hừng hực?

**Trí Huệ Tu chứng.**

正勤遍策发, *Chánh Cần biến sách phát.*

由念得正定, *Do Niệm đắc Chánh Định,*

依定起证慧, *Y Định khởi chứng Huệ,*  
 慧成得解脱. *Huệ thành đắc Giải Thoát.*

*Chánh Cần có khắp trong ba học,  
 Từ Niệm được Chánh Định.  
 Nương Định chứng được Huệ,  
 Huệ thành được Giải Thoát.*

• **Năm chi trước dẫn đến ba chi sau được Giải Thoát.**

○ **Chánh cần nương năm chi trước đi đến Tu Chứng.**

Đã có cái thấy chân xác, hành vi thanh tịnh thì, tự nhiên, thân tâm an ổn nên có thể tiến tu, chứng đắc giải thoát.

Ở đây phải có Chánh Cần là Tinh Tấn chán nản. Lìa bỏ dục vọng nên gọi là Chánh Tinh Tấn.

▪ ***Nội dung Chánh Cần.***

Phật nói Chánh Cần có bốn việc: 1. Chưa phát sanh nghiệp Ác, đừng để nó phát sanh; 2. Đã phát sanh nghiệp Ác, hãy dứt trừ nó đi; 3. Chưa phát sanh nghiệp Thiện, nên khiến nó phát sanh; 4. Đã phát sanh nghiệp Thiện, nên khiến nó tăng trưởng.

▪ ***Chánh Cần có khắp trong Tam Học.***

Chánh Cần liên thông với Tam Học, có công năng thúc đẩy, gắng sức, nỗ lực bỏ Ác, làm Thiện:

- ✓ Với **Giới Học**: Chánh Cần là xa lìa vi phạm, ra sức giữ thanh tịnh.
- ✓ Với **Định Học**: Chánh Cần là lìa xa chương ngại Định, như bốn Dục, năm triều cái... và ra sức tu Định Thiện.
- ✓ Với **Huệ Học**: đây là rời xa hiểu biết vọng chấp tà vọng và ra sức có được Chánh Kiến, Chánh Tư.

Tất cả việc này đều cần thiết giúp Tu Tập siêng năng, mới mong thành công. Việc lành ở thế gian, nếu không ra sức thì không thể; huống chi việc lớn Xuất Thế? Cho nên, khi Phật nghỉ ngơi, sau chuyến du hành dài; nghe thầy A Nan nói về Tinh Tấn, Phật liền ngồi dậy, tỉnh tọa; biểu thị sự xem trọng đối với Tinh Tấn.

○ ***Tuân tữ Chánh Niệm, Chánh Định phát sanh Trí Huệ, chứng được Giải Thoát.***

▪ ***Chánh Niệm.***

Đã có Chánh Tri Kiến và Giới thanh tịnh thì có thể Tu Định nhưng cần phải Tu Tập Niệm mới được.

Niệm là Chuyển Tâm Hệ Niệm (tâm chỉ hướng đến một Đối Tượng và không cho Niệm tán loạn) là phương pháp Tu (chủ yếu: NHIỆP TÂM BẤT LOẠN). Nhưng ở đây vẫn lấy Tâm Xuất Ly làm chủ đạo. Niệm tu tập không có Niệm nào

khác mà, chính là từ Chánh Kiến, Chánh Tư Duy mới có được Chánh Niệm.

Niệm này tương ứng với Huệ, là Chánh Niệm hướng đến Niết Bàn.

▪ ***Chánh Định.***

Tu tập thành tựu thì chứng được Chánh Định.

Theo Định Cảnh mà nói: chính là Thất Y Định (dựa bảy Định) đã nói trên. Phật còn, đặc biệt, xem trọng Tứ Thiền. Đây là Định dễ nhất phát sanh Huệ; chứ không phải là Định thông thường; mà là, Định tương ứng với Niệm, Huệ; là Định vượt trội hướng đến Niết Bàn, cho nên gọi là CHÁNH ĐỊNH.

▪ ***Chứng Huệ được Giải Thoát.***

Cùng tu cả Định, Huệ; cuối cùng dựa vào Chánh Định mà sanh khởi Huệ Vô Lậu, hiện chứng Tánh Duyên Khởi Vắng Lặng. Đây cũng chính là Trí Niết Bàn. Thành tựu được Huệ Vô Lậu Xuất Thế là dứt trừ phiền não, chứng được chân lý; không còn sanh tử và được Giải Thoát.

Đến đây mới hoàn thành công phu tu tập: Đạt được mục tiêu trên con đường dẫn đến Xuất Thế, Giải Thoát.

Giải Thoát, Niết Bàn do tu Bát Chánh Đạo mà thành. Vì vậy, Phật nói Đạo Đế là nói chung về Bát Chánh Đạo; khen



ngợi rằng: 八正道行, 入涅槃: Bát Chánh Đạo hành, nhập Niết Bàn: Tu tập Bát Chánh Đạo, rũ sạch mọi Phiền Não; Đi vào cõi Thanh tịnh, Hết vương mắc Trần Lao.

• **Trình bày theo thứ tự Tam Học và Bát Chánh Đạo.**

○ **Điểm bất đồng về thứ tự giữa Tam Học và Bát Chánh Đạo.**

Ở trong trình bày giữa Tam Học và Bát Chánh Đạo này, dường như, về thứ tự có bất đồng.

Tam Học thì Giới rồi Định, Định rồi Huệ. Bát Chánh Đạo thì Huệ rồi Giới, Giới rồi Định.

○ **Tánh nhất quán của Đạo Giải Thoát là không là VẤN, TU, TU.**

▪ ***Phối hợp giải thích Tam Học, Bát Chánh Đạo và Văn, Tư, Tu, Chứng.***

✓ **Năm chi trước bao gồm trong Văn, Tư, Tu cũng bao gồm trong Giới Học.**

Chánh Kiến là Văn Huệ. Chánh Tư Duy là Tư Huệ, Tư Duy phát sanh Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng là Giới Học.

✓ **Ba chi sau bao gồm trong Tu Huệ, cũng bao gồm trong Định Học.**

Chánh Tinh Tấn có mặt tất cả các chi trong Bát Chánh Đạo. Đặc biệt nhờ siêng năng để tu Chánh Niệm, Chánh Định là Định Học.

Định và Huệ tương ứng, chính là Tu Huệ.

✓ Từ Định phát sanh Vô Lậu Học chân thật thì được Giải Thoát.

Đến khi từ Định phát sanh Huệ Vô Lậu; đó là Huệ hiện chứng, Huệ Học chân thật. Từ đây mà được giải thoát.

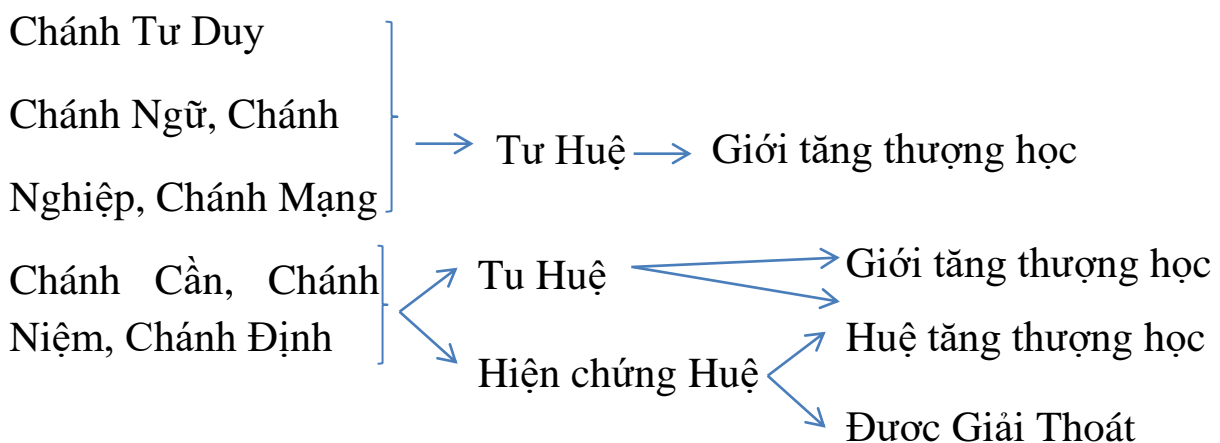
▪ ***Minh họa Tánh nhất quán của Tam Học và Bát Chánh Đạo.***

Nguyên nhân Phật nói: Đạo Giải Thoát, Tam Học và Bát Chánh Đạo giống nhau.

Không lìa thứ tự của Văn, Tư, Tu và Huệ hiện chứng, cũng chính là nương Giới rồi có Định, nương Định rồi có Huệ, nương Huệ được Giải Thoát. Đây là thứ tự bất buộc.

Tánh nhất quán của Tam Học và Bát Chánh Đạo được minh họa theo biểu đồ sau.

Chánh kiến → Văn Huệ



c. *Tổng hợp đạo phẩm TẬP*

佛說諸道品, *Phật thuyết chư Đạo Phẩm,*

總集三十七, *Tổng tập Tam Thập Thất,*

道同隨機異, *Đạo đồng tùy cơ dị,*

或是淺深別. *Hoặc thị thiển thâm biệt.*

*Phật nói nhiều Đạo Phẩm, Tất cả ba mươi bảy,*

*Đạo chung, căn cơ khác, Cạn hay sâu không giống.*

• **Đạo phẩm, tất cả có ba mươi bảy.**

Phật nói Đạo Đệ, nó chính là Tám chi Chánh Đạo. Tản mác trong kinh điển, hạng mục Phật nói về tu đạo thì Đạo phẩm càng nhiều.

○ **Tên gọi, ý nghĩa ba mươi bảy Đạo Phẩm.**

Đạo phẩm là đạo loại, là đem hạng mục tu đạo sắp xếp theo từng loại. Trong kinh khái quát Đạo phẩm thành ba mươi bảy loại; chia ra bảy loại lớn: 1. Tứ Niệm Xứ; 2. Tứ Chánh Cần; 3. Tứ Thần Túc; 4. Ngũ Căn; 5. Ngũ Lực; 6. Thất Giác Chi; 7. Bát Chánh Đạo Chi.

Trong bảy loại lớn này, gồm ba mươi bảy phẩm; vì sao gọi là Đạo phẩm?

Đạo là dịch ý của từ Bồ Đề. Những điều này đều do tu hành mà có được Tam Bồ Đề (chánh Đăng Giác). Hạng mục không giống với Chánh Giác, cho nên gọi là Đạo Phẩm.

○ **Dịch riêng nội dung bảy loại Đạo Phẩm.**

▪ ***Trên đã nói hai loại: Tứ Chánh Cần và Bát Chánh Đạo.***

▪ ***Phân biệt các Đạo phẩm còn lại:***

✓ **Tứ Niệm Xứ.**

Còn có Tứ Niệm Xứ là Thân niệm xứ, Thọ niệm xứ, Tâm niệm xứ, Pháp niệm xứ.

**Niệm xứ là Niệm tương ứng với Huệ, chú trọng ở Quán Huệ**, như: Quán Thân Bất Tịnh, Quán Thọ Thị Khổ, Quán Tâm Vô Thường, Quán Pháp Vô Ngã: Quán sát Thân ô uế, Quán sát cảm Thọ khổ đau, Quán sát Tâm không đứng yên; Quán sát các Pháp không có tự thể.

✓ **Tứ Thần Túc.**

**Tứ Thần Túc là Định. Định là chỗ nương tựa của Thần Thông** nên gọi là Thần Túc. Tuy là Định nhưng do tu phát sanh chủ lực của Tam Ma Địa (Định). Vì do Dục (muốn); do Cần (siêng năng); do Chỉ (Định); do Quán (Trí) khác nhau, cho nên chia Tứ Thần Túc.

✓ **Ngũ Căn.**

Ngũ Căn là Tín căn, Cần căn, Niệm căn, Định căn, Huệ căn.

Năm hạng công đức này là do tu Định vững chắc mà phát khởi được nguồn gốc của công đức nên, gọi là Căn.

✓ Ngũ Lực.

Ngũ Lực là Ngã Sự hay Ngũ Căn (đã nói rồi) là sức mạnh đã hàng phục được phiền não nên gọi là Lực.

✓ Thất Giác Chi.

Thất Giác Chi là Niệm giác chi, Trạch Pháp giác chi, tinh Tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh An giác chi, Định giác chi, Xả giác chi.

Đây là loại Đạo Phẩm quan trọng nhất, là nhân tố đưa đến phát sanh Chánh Giác.

• **Sự giống, khác của bảy loại Đạo Phẩm.**

Đạo Phẩm (những con đường) dẫn đến Giải Thoát Sanh Tử, vì sao nói có bảy loại, ba mươi bảy phẩm?

- ***Tuy Đạo Phẩm không giống, nhưng Nhất Thừa Đạo cho sự Giải Thoát thì giống.***

Người xưa cho rằng Thể của Đạo giống nhau, là MỘT; còn Công Đức tu tập, xưa nay, có rất nhiều thứ, Phật chỉ nêu lên những điều quan trọng.

Sanh, Tử của chúng sanh giống nhau; con đường giải thoát sanh tử- lẽ nào— không giống nhau.

Không giống, chẳng qua là theo căn cơ của chúng sanh nên, Phật mới nói Đạo Phẩm (những con đường khác biệt mà thôi).

Vì khi xem xét trong kinh thì thấy: Bất kỳ loại Đạo phẩm nào (cũng đều bao hàm tất cả công đức, nhưng Phật chỉ nói những điều trọng yếu) cũng đều có khả năng Giải Thoát Sanh Tử, cho nên, đều nói là Nhất Thừa Đạo.

▪ ***Đạo phẩm Giải Thoát, căn bản có mười loại:***

Tổng hợp tất cả Đạo phẩm lại, hạng mục chủ yếu về Đạo Giải Thoát, không ra ngoài mười loại:

- ✓ **Tín**: Tín Căn, Tín Lực.
- ✓ **Cần**: Tứ Chánh Cần, Cần Căn, Cần Lực, Tinh Tấn Giác Chi, Chánh Tinh Tấn.
- ✓ **Niệm**: Niệm Căn, Niệm Lực, Niệm Giác Chi, Chánh Niệm.
- ✓ **Định**: Tứ Thần Túc, Định Căn, Định Lực, Định Giác Chi, Chánh Định.
- ✓ **Huê**: Tứ Niệm Xứ, Huê Căn, Huê Lực, Trạch Pháp Giác Chi, Chánh Kiến.

✓ **Tâm Tứ**: Chánh Tư Duy.

✓ **Giới**: Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng.

✓ **Hỷ**: Hỷ Giác Chi.

✓ **Xả**: Xả Giác Chi.

✓ **Khinh An**: Khinh An Giác Chi.

- *Mười loại đạo phẩm trên lấy tám Chánh Đạo là đầy đủ nhất, lấy ba Học là cốt yếu và ngắn gọn nhất.*

Hạng mục chủ yếu của Đạo, tuy có mười loại ấy; nhưng khi Chánh Kiến thành tựu thì TÍN mới thành tựu được. Rồi Hỷ, Xả, Khinh An không ra ngoài Công Đức của Định. Vì vậy, nói lại Bát Chánh Đạo là trọn vẹn nhất; Tam Học là thiết yếu và đơn giản nhất.

- **Dựa theo đặc tánh vượt trội mà nói thì có sự khác nhau về Cận, Sâu, Thứ Tư.**

Hoặc có người nói: Theo trình tu học của từng người, bảy loại Đạo Phẩm này đều cần thiết; là sự khác biệt cận, sâu theo thứ lớp mà tiến tu từng loại một.

Ở đây muốn nói: Khi mới tu học thì tu Tứ Niệm Xứ; đã đến Noãn Vị (một trong bốn vị Gia Hành) thì tu Tứ Chánh Cận; đến Đảnh Vị tu Tứ Thần Túc; Nhẫn Vị thì tu Ngũ Căn; Thế Đệ Nhất thì tu Ngũ Lực; Kiến Đạo Vị thì tu Bát Chánh

đạo; Tu Đạo Vị thì tu Thất Giác Chi. Nhưng đây là nói về ý nghĩa thù thắng mà thôi.

#### 4.2.2.2. Kết luận

此是聖所行, *Thử thị thánh sở hành,*  
 此是聖所証, *Thử thị thánh sở chứng,*  
 三乘諸聖者, *Tam Thừa chư Thánh giả,*  
 一味涅槃城. *Nhất vị Niết Bàn thành.*

*Đây là việc làm của Bạc Thánh,*

*Đây là chỗ chứng ngộ của Bạc Thánh,*

*Các Bạc Thánh trong Tam Thừa*

*Đều an trụ trong Niết Bàn.*

- **Tứ Đế, Duyên Khởi, Tam Học, Bát Chánh Đạo là con đường tắt để tu hành, chứng đắc, ngộ nhập Niết Bàn.**

Pháp môn ra khỏi cuộc đời là Tứ Đế, Duyên Khởi mà, Tam Học, Bát Chánh Đạo ở trong Đạo Đế như trên đã nói.

Đây đều là phương pháp tu hành của Bạc Thánh, cũng là chỗ chứng ngộ của Bạc Thánh.

Tu hành, chứng ngộ không xa rời pháp môn này. Đây là Chánh Pháp từ miệng Đức Thích Ca chỉ dạy.



Xa lìa những lời chỉ dạy này thì không còn pháp môn nào khác để Nương Tựa, thì không có con đường Tất nào khác để Giải Thoát, thì vĩnh viễn không còn chỗ nào khác để trở về.

• **Các Bậc Thánh trong Tam Thừa đều từ con đường tất này Chứng ngộ, đi vào Thành Niết Bàn.**

Nhờ lời chỉ dạy này của Phật mà, tất cả các Bậc Thánh của Tam Thừa: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều dựa vào, duy nhất, Chánh Pháp này cùng thọ nhận vị Giải Thoát duy nhất; như sông ngòi dài rộng chảy vào biển cả thì đều có vị mặn duy nhất; cuối cùng, đồng vào Thành Niết Bàn nghỉ ngơi.

Luận Đại Tỳ Bà Sa nói: 三獸渡河, 三鳥出網 : Tam thú độ hà, tam điều xuất võng: Ba con thú qua sông (thỏ, ngựa, voi); ba con chim bay ra khỏi lưới.

Mặc dù, bay đi có gần, xa; lội qua sông có sâu cạn; nhưng cả hai trường hợp đều không rời hư không và nước sông.

Vì vậy nói: “*Ba Thừa cùng vào một Pháp Tánh; Tam Thừa cùng ngồi trên tòa Giải Thoát*”.

### 4.2.3. Chứng Quả

#### 4.2.3.1. Giai đoạn Chứng Quả

通論解脫道, *Thông luận Giải Thoát Đạo,*

經於種熟脫. *Kinh ư chủng thực thoát,*

修證有遲速, *Tu chứng hữu trì tốc,*

非由利鈍別. *Phi do lợi, độn biệt.*

Luận bàn đạo Giải Thoát; Nhân chín muôi: Giải Thoát;

Tu, Chứng có nhanh, chậm; Chẳng từ Căn Lợi, Độn.

• **Lịch trình Đạo Giải Thoát phải trải qua ba Giai đoạn chín muôi của Nhân (hạt giống) Giải Thoát.**

Bậc Thánh chứng được pháp Tứ Đế và Duyên Khởi này, xin được nói vắn tắt sau đây.

○ **Bàn thông đạo Giải Thoát, trải qua nhân (hạt giống) Giải Thoát chín muôi.**

- ***Nhân giải thoát chín muôi là quá trình mỗi Bậc Thánh trải qua.***

Trước hết, bất luận Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều thông suốt giáo nghĩa Giải Thoát.

Mỗi Bậc Thánh tu hành, ở trong Đạo Giải Thoát, đều phải qua ba giai đoạn Nhân Giải Thoát chín muôi (chủng thực giải)

- ***Vắn tắt về Nhân Giải Thoát chín muôi.***

- ✓ **Ban đầu**, nghe Pháp Phật, sanh tâm chán ghét, xa lìa; từ đây trồng Căn Lành Giải Thoát, tương tự gieo một hạt giống xuống đất.

Nếu không có hạt giống Tâm Xuất Ly này; làm sao nghe pháp, tu hành và giải thoát cho được.

✓ Kế tiếp, gặp Phật, nghe pháp, tu hành liên tục khiến cho hạt giống Tâm giải thoát thành thực dần dần; tựa như hạt giống nảy mầm, ra lá, nở hoa.

✓ Cuối cùng, tất cả đã thành thực mới chứng được quả; như hoa nở rồi kết thành quả vậy.

○ **Tu, Chứng có nhanh, chậm; không phải từ Căn Lợi, Độn khác nhau.**

▪ ***Nêu lên Chứng Nhập có thể có hay không; rồi đến vấn đề Chứng Nhập nhanh hay chậm.***

Có một số đệ tử Phật, nghe pháp Phật một lần, liền Ngộ Nhập rồi Chứng Quả; có số khác siêng năng, khổ sở tu hành cả đời mà, vẫn không Đắc Đạo.

▪ ***Chứng nhập và nhanh, chậm quyết định từ Tu tập ở đời trước.***

Đời này tu hành mà không thể Chứng Nhập; Chứng Nhập hoặc nhanh hoặc chậm. đây là do tu tập ở đời trước quyết định.

✓ Bàn về điều kiện Chứng Nhập:

- Không gieo hạt giống hay mới gieo hạt giống đều không thể có kết quả ngay.

Nếu đời trước không gieo hạt giống Tâm Giải Thoát, đời này mới bắt đầu sanh Tâm chán ghét, lìa bỏ mà tu hành, rồi lại muốn chứng quả ngay; chẳng khác nào không gieo hạt giống mà muốn có trái; lấy gì để có đây?

- Đã gieo hạt giống rồi đến thành thực thì liền Chứng Ngộ.

Nếu đời trước đã tu đến giai đoạn thành thực (chín muồi) và đời này, vừa ra đời, đã gặp Phật, nghe pháp thì liền chứng ngộ; thậm chí, không cần dụng công tu tập cũng sẽ chứng đắc giải thoát viên mãn.

✓ Bàn về nhanh, chậm không giống nhau.

- Nhanh, chậm không giống nhau, chỉ quyết định đối với việc chuẩn bị ở đời trước; chẳng phải khác nhau do Căn Lợi, Độn.

Nguyên nhân, quá trình tu chứng trong đời này có nhanh, chậm không giống nhau. Điều này chỉ quyết định do chuẩn bị ở đời trước như thế nào; hoàn toàn không do sự khác nhau của Căn Lợi, Độn.

- Độn Căn và Lợi Căn khác nhau là do Tín nặng hay Huệ nặng.

Đương nhiên có Lợi Căn và Độn Căn, điều này trên đã nói, đó là do người tu hành theo niềm Tin hay người tu hành theo Pháp Phật.

Xem nặng học tập, nương tựa ở Thầy, lấy niềm Tin khởi đầu, đó là người Độn Căn; xem nặng tự lực học tập, lấy Trí Huệ khởi đầu, đó là người Lợi Căn.

Nhưng tất cả việc này đều phải trải qua ba giai đoạn của Hạt Giống Giải Thoát Chín Muôi.

- Không thể việc Chứng đắc, Ngộ nhập giáo pháp hay Giải Thoát của đời này mà quyết định người ấy là Lợi hay Độn Căn.

Dựa vào tu, chứng của đời này mà nói thì không thể lấy việc Chứng đắc, Ngộ nhập mà quyết định người ấy là Lợi hay Độn Căn được.

- **Bàn riêng về Lợi Căn và Độn Căn.**

- *Gần đây lấy việc Chứng đắc đạo quả, Ngộ nhập Niết Bàn nhanh, chậm rồi nảy sanh quan niệm Nhanh, Chậm khác nhau; so với Kinh, Luận Phật giáo đều ngược lại.*

Những người ấy dựa vào nỗ lực Tu, chứng đời này, hoặc dựa vào việc Chứng, Ngộ nhanh, chậm mà phân biệt Lợi, Độn. Như thế, đâu có biết hoàn toàn tương phản.

- *Trong kinh, luận nói rằng muốn mau thành Độn Căn; muốn chậm thành là Lợi Căn.*

Khác nhau, ngoài trọng niềm Tin và trọng Trí Huệ, hề muốn mau thành Chánh Quả mới là Độn Căn; bậc tài giỏi thì chậm thành mới là Lợi Căn.

▪ ***Dựa vào Căn Tánh để phân biệt Lợi, Độn.***

Nếu căn cứ vào Tam Thừa mà nói: Căn Tánh của Thanh Văn là Độn; Căn Tánh của Duyên Giác trung bình; Căn Tánh của Bồ Tát là Lợi.

▪ ***Dựa vào thời gian để phân biệt Lợi, Độn.***

- ✓ Thanh Văn là độn căn, từ phát tâm đến giải thoát, nhanh nhất là ba đời, chậm nhất là không quá sáu mươi kiếp.
- ✓ Duyên Giác có căn tánh trung bình, từ phát tâm đến giải thoát, nhanh nhất là bốn đời, chậm nhất một trăm kiếp.
- ✓ Bồ Tát là lợi căn, phải tu ba đại A Tăng Kỳ Kiếp, mới giải thoát hoàn toàn.

Liên quan đến Căn Tánh nhanh, chậm sẽ trình bày trong phần Đại Thừa Bất Cộng Pháp, dựa vào kinh luận, nói rõ hơn.

#### 4.2.3.1. Quả vị

##### *a. Thanh Văn*

#### **Sơ Quả**

見此正法者, *Kiến thử chánh pháp giả,*

初名須陀洹, *Sơ danh Tu Đà Hoàn,*

三結斷無餘, *Tam kết đoạn vô dư,*

無量生死息。 *Vô lượng sanh tử tức.*

*Người thấy chánh pháp này, Trước gọi là Tu Đà Hoàn,  
Dứt sạch tron Ba Kết, Đoạn vô lượng Sanh, Tử.*

• **Lời nói đầu.**

Nói lại thứ tự chứng đắc, ngộ nhập của Bạc Thánh. Người tu hành Thanh Văn Thừa, chứng nhập quả Thánh, xưa nay chia ra bốn cấp. Trước nói Sơ Quả.

• **Bạc Thánh sơ quả.**

○ **Ý nghĩa sơ quả.**

Quán sát Vô Thường, Vô Ngã của Pháp Duyên Khởi, rồi khế hợp với không Tánh Duyên Khởi Vắng Lặng. Đó là tự thân thấy được Chánh Pháp, cũng gọi là Nhập Pháp Giới.

Bạc Thánh mới đi vào Chánh Pháp, gọi là Quả Tu Đà Hoàn. Đó là tiếng Phạn có nghĩa Dự Lưu hoặc Nhập Lưu (dự vào Dòng Thánh). Tu đến đây đã thuận dòng với Pháp Tánh, cũng đã đi vào hàng Thánh giả.

Chứng nhập Quả Tu Đà Hoàn, trong kinh hình dung là: 見法, 得法, 智法, 入法, 得離狐疑, 不由於他, 入正法律得無所畏 Kiến pháp, Đắc pháp, Trí pháp, Nhập pháp, Đắc ly hồ nghi, Bất do ư tha, Nhập Chánh Pháp Luật Đắc vô sở úy:

Thấy pháp, chứng pháp, Biết pháp, Ngộ pháp, lìa xa hoài nghi, không tùy thuộc nó, Đi vào chánh pháp giới luật, không còn sợ hãi.

Vì vậy, đây là Bạc thấy pháp hiện tiền, Bạc tự giác; đối với Chánh pháp tự tin tuyệt đối.

○ **Phiền não, Sơ Quả cắt đứt.**

▪ ***Phiền não chia hai loại Kiến Hoặc, Tu Hoặc.***

Bạc Thánh sơ quả đã trừ hết căn bản Sanh, Tử mà Phiền Não là chủ yếu. Căn cứ của các luận sự đời sau phân tích thì phiền não rất nhiều; nhưng đại thể chia ra hai loại:

- ✓ Phiền não do Kiến Đạo dứt trừ được, là bằng cái Thấy có thể nhập Pháp tánh của Trí Huệ mà đoạn trừ được bộ phận này, cũng gọi là KIẾN HOẶC.
  - ✓ Phiền não do Tu Đạo dứt trừ được, là từ sự tu tập liên tục mà dứt trừ từng phần, cũng gọi là TU (tu) HOẶC.
- ***Sơ Quả dứt trừ Kiến Hoặc.***

Phiền não mà hiện tại Sơ Quả dứt trừ là Kiến Hoặc

- ✓ Luận sư của chúng ta gọi là tám mươi tám Hoặc  
Đây là loại phiền não nhiều nhất, gồm tám mươi tám Hoặc.

- ✓ Phật dạy: Dứt trừ tam kết.

Trong kinh Phật dạy trọng điểm Dứt Trừ Tam Kết (kết: phiền não trói buộc chúng sanh trong Sanh Tử)

- Tam kết:



Ngã Kiến Kết, Giới cầm thủ kết, Nghi kết, Sơ Quả đoạn trừ triệt để ba kết này, không còn mây may. Kết có nghĩa là trói buộc vào Sanh Tử, cho nên phải cắt đứt tam kết, cũng chính là mở cái nút thắt của Sanh Tử.

- Giải thích riêng Tam Kết.

+ Ngã Kiến.

Là sai lầm ôm chặt Cái Ta, là cội gốc của Sống, Chết; là Cái Thấy Thuộc Về Ta, là Cái Thấy không Còn Gì, là Cái Thấy Mãi Mãi Còn, là Cái Thấy Chỉ Có Một, là Cái Thấy Khác Nhau, là Cái Thấy Có, là Cái Thấy Không...

Ngã Kiến đã dứt hết rồi thì tất cả Cái Thấy này đều không còn nữa.

+ Giới Cầm

Là Giới Tu của ngoại đạo không có ý nghĩa. Đã thấy được Chân Lý, không làm theo tôn giáo ngoại đạo thì có thể được giải thoát; không còn giữ chặt, học tập theo những giới ấy nữa.

Giới Cầm của Ngoại đạo rất nhiều, xin sơ lược như sau: Như không ăn thức ăn nấu chín, không cạo tóc; giữ giới trâu, giới chó...

Kể cả những điều kỳ lạ, như ăn phân, uống nước tiểu, tinh trùng người nam, uống máu người nữ; ngày nóng phơi mình dưới ánh nắng mặt trời; ngày lạnh lẻo lại nằm ngủ trên băng tuyết. Với bao điều kiêng kỵ, cần đảo và nhiều hình thức giới cấm; ngay đây không giữ lấy, thật hành những giới này thì thân tâm sẽ được thanh tịnh.

+ Nghi.

Là đối với Phật, Pháp (Tứ Đế, Duyên Khởi), Tăng hồ nghi, không tin chắc. Đã thấy Chánh Pháp thì phải thấy rõ ràng, triệt để; chớ có nửa Tin nửa Ngờ.

- Kết luận.

Trong quá trình tu hành, những phiền não này, sớm hàng phục, không cho nó nổi lên; đến khi chứng ngộ, thấy được Pháp Tánh, mới cắt đứt gốc rễ của phiền não này, không còn khả năng sanh ra được nữa. Vì thế, dứt thì dứt hết hoàn toàn, chứ không chỉ không còn khả năng sanh ra. Tất cả Sai Lầm do Thấy Biết đã dứt trừ hết là bắt đầu từ Tam Kết (Ngã Kiến, Giới Cấm, Nghi) đều từ Chân Trí hiện tiền, từ chính mình thể nghiệm Pháp Tánh.

### **Tám mươi tám Loại Kiến Hoặc.**

Dục	Khô	Tham,Sân,Si,Mạn,Nghi,Thân,Biên,	10	32
-----	-----	---------------------------------	----	----

giới	đề	Tà,Kiến,Giới		
	Tập đề	Trừ Thân, trừ Biên, trừ Giới Cấm Thủ	7	
	Diệt đề	Trừ Thân, trừ Biên, Trừ Giới Cấm Thủ	7	
	Đạo đề	Trừ Thân, trừ Biên	8	
Sắc Giới	Khô đề	Trừ Sân	9	28
	Tập đề	Trừ Sân, trừ Thân, trừ Biên, trừ Giới Cấm Thủ	6	
	Diệt đề	Trừ Sân, trừ Thân, trừ Biên, trừ Giới Cấm Thủ	6	
	Đạo đề	Trừ Sân, trừ Thân, trừ Biên	7	
Vô Sắc Giới	Khô đề	Trừ sân	9	28
	Tập đề	Trừ Sân, trừ Thân, trừ Biên, trừ Giới Cấm Thủ	6	
	Diệt đề	Trừ Sân, trừ Thân, trừ Biên, trừ Giới Cấm Thủ	6	

	Đạo đế	Trừ Thân, trừ Tâm, trừ Biên	7	
--	-----------	-----------------------------	---	--

○ **Sanh, Tử còn sót lại của Bạc Sơ quả.**

▪ ***Nói chung đã ngưng vô lượng Sanh, Tử.***

Đã thấy Chánh Pháp, đã dứt trừ Phiền Não thì cũng cắt đứt Sanh Tử; bởi vì Quả Khổ Sanh Tử có cội nguồn xuất phát là phiền não, cắt đứt Nhân thì Quả cũng không còn. Chứng đến Sơ quả, có thể nói, Vô Lượng Sanh Tử đều đã Dừng lại.

Trong kinh có nói: Như nước trong ao lớn đã khô cạn, chỉ còn vài giọt thôi.

▪ ***Nói riêng về Nghiệp Quả còn sót.***

Phân biệt mà nói:

✓ **Trước khi chưa chứng ngộ Pháp Tánh.**

Thì sanh tử vô số vô lượng ở vị Lai.

✓ **Vừa vào Quả Thánh Dự Lưu.**

- Không đọa trở lại ba đường Ác.

Chờ đến khi vừa vào Dòng Thánh, đã cắt đứt Tam Kết thì không rơi lại vào đường Ác. Nghiệp ba Đường Ác không còn hiệu nghiệm; Quả Khổ của ba Đường Ác không còn phát khởi nữa.

- Nghiệp Quả còn trở lại bảy lần cõi Người, Trời.

Nghiệp quả của cõi người và trời gọi là Cực Thất Hữu; chính là muốn nói: bảy lần sanh Làm Trời, bảy lần sanh làm Người, sau cùng; rồi chắc chắn vĩnh viễn cắt đứt Sanh Tử, đi vào Niết Bàn.

✓ Chúng được Sơ quả, chắc chắn, cắt đứt Quả Khổ Sanh Tử.

Thấy được như thế, đã đến Sơ Quả thì Sanh Tử làm sao không dứt sạch. Thân hiện tại, tuy còn Sanh Tử; tuy còn Sanh Tử bảy lần ở cõi Trời, bảy lần ở cõi Người; nhưng thật sự đã đến, đã thấy được Biên Giới Khổ Đau của Sanh Tử; Sanh Tử không còn có thể kéo dài vô tận nữa. Cho nên, ở trong Thánh Vị thì Sơ Quả quý báu vô cùng, khó chúng được nhất! Chúng được Sơ Quả, có thể nói, Sanh Tử đã kết thúc, nhất định như vậy. Giống như chẻ một cây tre, đã chẻ được mắt, hai mắt rồi thì không phí sức vẫn chẻ xong cây tre ấy.

Đây là mục tiêu đầu tiên, duy nhất của người học Pháp Phật.

### Thánh Quả thứ hai

二名斯陀含,                      *Nhị danh Tư Đà Hàm,*

進薄修斷惑.                      *Tiến bạc tu đoạn Hoặc.*

*Thứ hai Tư Đà Hàm,                      Đoạn Hoặc tu chậm dần.*

- **Cắt đứt Hoặc từ Quả thứ hai trở lên và Sơ Quả không giống nhau.**

Nói rõ từ Sơ Quả đến Quả thứ hai, thứ ba, thứ tư, chính là cần nói đến quá trình cắt đứt Hoặc. Song ở đây có ý nghĩa đặc biệt so với đoạn trừ Hoặc của Sơ Quả không giống nhau nên, cần giải thích thêm.

- **Sự khác nhau về Nhuận Sanh của Kiến Hoặc và Tu Hoặc.**

- **Ví dụ về Sanh Tử.**

Trước ví dụ: Nếu một cội cây lớn mà nhỏ cả gốc, rễ của nó lên thì cây ấy chết chắc.

Nhưng trong ba ngày, năm ngày hoặc nửa tháng hay một tháng, cây ấy có thể đâm chồi, nở hoa. Như vậy, trải qua một thời gian tương đối, cây ấy khô, lá vàng hoàn toàn và chết đi.

Nên biết rằng ở đây: Để cho cái cây lớn ấy tiếp tục sống còn về sau thì rễ của nó phải hấp thu được nước làm chất liệu nuôi sống. Thân cây đại thọ, tuy có năng lực bảo tồn, tương đối sự sống còn của nó (giống Nghiệp) nhưng, vẫn cần có nước và đất làm dinh dưỡng.

Da cây và lá cây, tuy có hấp thu ít nhiều để duy trì sự sống của cây. Song, một khi nhỏ phăng gốc rễ của cây thì nó không thể sống còn lâu dài được nữa.

Kết cuộc, toàn bộ sự sống của cây ấy chết hết. Nếu như còn phơi dưới ánh nắng gay gắt của mặt trời thì cây khô lá vàng nhanh hơn.

▪ ***Nói chung cả Dụ và Pháp.***

Giải thoát Sanh Tử của chúng sanh cũng như thế.

✓ Cắt đứt Kiến Hoặc giống như nhổ phăng rễ cây.

Căn nguyên trực tiếp của Sanh Tử là NGÃ KIẾN (thấy có Cái Ngã); Bạc Tu Đà Hoàn đã dứt hết Ngã Kiến, đã giải thoát khỏi Sanh Tử; giống như nhổ phăng rễ của đại thọ, phải chết thối, không còn nghi ngờ gì nữa.

✓ Tu Hoặc còn sót lại như da và lá của cây.

- Tu Hoặc chỉ là sự thâm nhuần của Nghiệp Lực có sẵn.

Phiền não còn lại chưa cắt đứt, gọi là Tu Sở Đoạn Hoặc: Sai Lầm, Vọng tưởng, Phiền não do Tu mới đoạn trừ được; thâm nhuần Nghiệp Lực có sẵn khiến cho vị ấy sanh lên Trời hay xuống cõi trần thế.

Phiền não còn sót lại, dù cho làm việc ác nhỏ hay là tu Giới, tu Định đều không thể thành Tổng Báo Nghiệp và Dẫn Nghiệp của Trời, người mà, chỉ có thể là Biệt Báo Nghiệp và Biệt Mãn Nghiệp. Nếu không như thế, Sinh Tử sẽ không dừng lại mà tiếp tục mãi ở cõi người, cõi trời; không thể

chấm dứt được. Vị ấy chỉ còn tưới tắm nghiệp cũ để vãng sanh về cõi trời, cõi người.

- Tu Hoặc như da cây và lá cây, không thể kéo dài sự nhuận sanh vô hạn.

Đúng vậy, do đã cắt đứt Ngã Kiến, Tu Hoặc cũng không thể tiếp tục vô hạn, nhuận sanh mãi mãi, giống như da cây và lá cây hấp thụ dưỡng khí, không thể duy trì sự sống của đại thọ lâu dài.

○ **Thời gian từ Sơ Quả đến lúc vào Niết Bàn.**

Chúng được Sơ Quả:

▪ ***Đời này không ngừng tu tập chứng ngộ Niết Bàn.***

Nếu không ngừng tu tập, có thể trong một đời này, chứng ngộ Niết Bàn, như đại thọ bị nhổ phăng gốc rễ, phơi dưới ánh nắng chói chang, thân khô, lá vàng rất nhanh.

▪ ***Tu hành trì trệ thì còn Sanh Tử trở lại bảy lần.***

Nếu tu hành trì trệ, đặc biệt, những đệ tử tại gia bị ràng buộc bởi gia đình, nghề nghiệp sự sống, nhưng Phiền Não cũng bị tàn tạ rất nhanh chóng không còn gì. Có thêm cho chãng, cũng chỉ duy trì trong bảy lần Sanh Tử mà thôi.

▪ ***Kết luận.***

Vì vậy, chúng được Sơ Quả, tuy là có khả năng Cách Âm chi Mê, chắc chắn không giống như phàm phu; dù cho thế



nào, thì cũng đã chạm đến biên giới của Sanh Tử; có thể nói là Sanh Tử không còn nữa.

- **Ý nghĩa Quả thứ hai.**

Quả thứ hai gọi là Tư Đà Hàm. Tư Đà Hàm là tiếng Phạn có nghĩa là Nhất Lai. Bởi vì từ Sơ Quả mà tu lên, hay trải qua sáu lần sống, chết ở cõi trời, nhân gian, tu hành đã cắt đứt phiền não và sức mạnh của nó đã yếu đi rất nhiều, có thể nói đã cắt đứt một phần. Còn lại là Tu Hoặc, năng lực này có thể tái sinh một lần ở cõi người, không còn tiếp tục về sau nữa. Đến giai đoạn này, do Tu Đạo Sở Đoạn Hoặc (phiền não đoạn trừ được do tu tập) mà phiền não đã giảm rất nhiều sức mạnh của nó chỉ còn đủ một lần Sanh Tử nữa thôi, cho nên gọi là Tư Đà Hàm (nhất lai).

### **Tám mươi một phẩm tu hoặc**

Dục giới	Tham	1. Ngũ thú tạp cư địa
	Sân	
	Si	
	Mạn	
Sắc Giới	Tham	2. Ly sanh hỷ lạc địa
	Si	3. Định sanh hỷ lạc địa
	Mạn	4. Ly hỷ diệu Lạc địa

		5. Xả niệm thanh tịnh địa
Vô Sắc Giới	Tham	6. Không vô biên xứ địa
	Si	7. Thức vô biên xứ địa
	Mạn	8. Vô sở hữu xứ địa
		9. Phi tướng phi phi tướng xứ địa

**Phiền não và tái sinh (nhuận sanh)**

Dự lưu hướng	15 tâm trước		<b>KIẾN ĐẠO</b>	
Dự lưu quả	Tâm thứ 16 đạo loại trí			
Nhất lai hướng	Thượng thượng phẩm	2 lần tái sanh	Dục giới Tu hoặc <b>TU ĐẠO</b>	Hữu Học Vị
	Thượng trung phẩm	1 lần tái sanh		
	Thượng hạ phẩm	1 lần tái sanh		
	Trung thượng phẩm	1 lần tái sanh		
	Trung trung phẩm	1 lần tái sanh		
Nhất lai	Trung hạ phẩm			

quả				
Bát hoàn	Hạ thượng phẩm	1 lần tái sinh		
hương	Hạ trung phẩm			
Bát hoàn quả	Hạ hạ phẩm			
A La Hán Hương	Phẩm I Sơ thiên, cõi sắc, đoạn Vô gián đạo Phẩm IX, địa Hữu Danh, cõi Vô Sắc, đoạn Kim Cang Vô Gián đạo	Tu Hoặc 2 cõi trên		
A La Hán Quả	Phẩm IX, địa Hữu Danh, đoạn giải thoát đạo	<b>VÔ HỌC ĐẠO</b>	Vô Học Vị	

### Quả Thứ Ba

三名阿那含, *Tam danh A Na Hàm,*

離欲不復還. *Ly dục, bất phục hoàn.*

*Quả thứ ba A Na Hàm, Ly Dục, không trở lại.*

#### • Ý nghĩa Quả thứ ba.

Tiến lên một bước là Quả thứ ba, gọi là A Na Hàm. A Na Hàm là tiếng Phạn có nghĩa là Bất Lai: Không Trở Lại, hoặc là Bất Hoàn. Ý muốn nói: Bậc chứng quả A Na Hàm, sau khi

chết, xa lìa cõi Dục, sanh lên cõi Sắc hay cõi Vô Sắc, chắc chắn, vào Niết Bàn ở đó, không sanh trở lại cõi Dục.

Đây là từ Quả thứ hai tiến tu, ngay trong đời này, chứng Quả Bất Hoàn, hay là trở lại nhân gian, chỉ còn một lần Sanh Tử này sanh lên cõi trời thôi.

- **Quả III dứt trừ ngũ Hạ Phần Kết.**

- **Cắt đứt phiền não cõi Dục.**

Căn cứ việc đoạn trừ phiền não mà nói: Tu tập đoạn trừ được Hoặc ở cõi Dục đến đây là đã đoạn trừ hết, cho nên, không Sanh Tử trở lại ở cõi Dục nữa.

- **Nói riêng ngũ Hạ Phần Kết.**

Trong kinh Phật, nói chung là 五下分結尽, 得阿那含: Ngũ hạ phần kết tận, đắc A Na Hàm: ngũ Hạ phần phiền não hết sạch thì chứng được quả A Na Hàm.

- ***Giải thích danh từ.***

Năm Hạ Phần Kết là Thân Kiến, Giới Cấm Thủ, Nghi, Dục, Tham, Sân.

Năm loại này đều là những cảm thọ Sanh Tử ở cõi Dục, cho nên gọi là Hạ Phần (đổi lại với hai cõi trên).

- ***Nói riêng năm kết:***

- ✓ ***Ba kết trước:*** Thân Kiến, Giới Cấm Thủ, Nghi, khi Kiến Đạo chứng được Sơ Quả, trước đó đã cắt đứt hoàn toàn;

hiện giờ, tiến một bước cắt đứt Dục Tham và Sân. Đây cũng là cắt đứt hoàn toàn tất cả Tu Hoặc ở cõi Dục.

✓ *Giận Hờn* là phiền não chỉ có ở Cõi Dục.

✓ *Tham dục*.

Tham có mặt trong ba cõi; nhưng Dục Tham là chỉ Tham Dục ở Cõi Dục. Cắt đứt Dục Tham thì chứng được Quả III; mặc dù, thân còn ở nhân gian, chỉ đối với năm Dục ở trong cõi Dục, Tánh Dục của Nam Nữ không còn nhiễm ô trở lại; Cho nên, nếu chứng được Quả III, dù là đệ tử tại gia, cũng phải đoạn tuyệt dâm dục giữa nam nữ.

### Quả thứ tư

#### Hoặc không còn nữa.

斷 惑 究 竟 者, *Đoạn Hoặc cứu cánh giả.*

名 曰 阿 羅 漢, *Danh viết A La Hán,*

畢 故 不 造 新, *Tất cố bất tạo tân,*

生 死 更 無 緣. *Sanh Tử cánh vô duyên,*

*Người dứt Hoặc hoàn toàn, Gọi là A La Hán,*

*Cũ hết, Mới không tạo, Sanh tử đâu vương mắc.*

#### • Quá trình từ Quả thứ hai trở lên.

Bậc Thánh thể hiện Chánh Pháp bằng cách dứt sạch Kiến Hoặc; đó là Tri Kiến tuyệt đối chính xác. Ngặt nổi, đối với tất

cả cảnh giới, sức mạnh ô nhiễm còn rất sung mãn; cho nên, khả năng tiến tu bị dừng lại hay là sanh lại làm trời, người; quên mất Bản Lai (tính giác). Tu Hoặc, vì thế, tự nhiên khô héo; tiềm lực Thánh Đạo nhất định hiện khởi, nhất định tiến lên.

Trong bước đường tiến tu trở lại này, không kể đi, đứng, nằm, ngồi; mặc áo, ăn cơm, yên lặng; khen, chê, được, mất; già yếu, bệnh hoạn; đãi người, tiếp vật; đối với tất cả cảnh giới này, luôn đề khởi CHÁNH NIỆM, luôn luôn chú ý, không ngừng nung nấu tu tập. Điều này khiến cho Tu Hoặc căn bản là ÁI NHIỆM dần dần hết sạch. Từ Quả II trở lên đều như vậy.

### • **Quả thứ tư A La Hán.**

Chúng được Sơ Quả hoặc Quả thứ ba; Quả thứ ba đời này tiếp tục tiến tu hoặc sau khi chết, sanh lên cõi trên. Ngay bây giờ, Thánh Đạo đã đoạn hết Phiền Não (Hoặc) hoàn toàn thì chúng được Quả thứ tư, gọi là A La Hán.

#### ○ **Ý nghĩa A La Hán.**

A La Hán cũng là tiếng Phạn, có nghĩa là ỨNG. Ý muốn nói: Đây là bậc Thánh Xứng Đáng Nhận Sự Cúng Dường của Trời, Người.

Hoặc dịch là VÔ SANH, SÁT TẶC; nghĩa là đến địa vị này đã Giết hết tất cả Giặt Phiền Nã, không còn Sanh Tử trở lại. Tóm lại: Đây là Cực Quả dứt hết Phiền Nã, dứt hết Sanh Tử.

○ **Đoạn năm Thuận Thượng phần kết.**

Dứt trừ phiền não, luận sư nói là Tu Đoạn Phiền Nã ở Cõi Sắc và cõi Vô Sắc. Trong kinh Phật nói: Dứt trừ năm thuận thượng Phần Kết thì chứng được A La Hán.

▪ ***Dứt hết Phiền Nã hai cõi trên.***

Năm Thuận thượng Phần Kết là Sắc Tham, Vô Sắc Tham, Trạo Cử, Mạn, Vô Minh.

Sắc Tham, Vô Sắc tham là tham nhiễm ở cõi Sắc, cõi Vô Sắc.

Trạo cử, Mạn, Vô minh cũng là sự khác nhau ở hai cõi này. Nhưng Tu Hoặc lấy Ái Nhiễm làm gốc; cho nên, dựa vào hai cõi mà chia ra hai loại.

Năm kết này khiến cho chúng sanh sanh ở cõi trên; hiện tại nếu đã cắt đứt thì sẽ dứt đứt thì sẽ dứt hết tất cả phiền não trói buộc ở ba cõi.

▪ ***Cắt đứt hết phiền não và Niết Bàn Vô Dư là quả vị cuối cùng của Thanh Văn Thừa.***

Phiền não đã dứt sạch nên phiền não Cũ dựa vào phiền não nhuận sanh này mà chiêu cảm quả báo. Trước kia, lấy Ngã Kiến làm trung tâm, tạo ra Nghiệp Lực; giờ đã hoàn tất nên không còn hiệu lực; lại nữa, không thể tạo ra Nghiệp Mới, cho nên, Quả Khổ Sanh Tử đời sau càng không có lý do gì sanh khởi.

Vì vậy, cái thân Sanh Tử hiện hữu của bậc A La Hán đến khi thọ mạng hết; ấy là “Thân ngũ Uẩn trước chấm dứt, Thân ngũ Uẩn sau lại không sanh” là Niết Bàn Vô Dư Không Sanh Không Diệt. Sự tiến tu của Thanh Văn Thừa lấy đây làm quả vị sau rốt.

- ✓ **Sơ Quả:** Tu Đà Hoàn cắt đứt ba kết: Ngã Kiến (thấy có Thân), Giới Cấm Thủ Kiến, Nghi.
- ✓ **Nhị Quả:** Tư Đà Hàm không còn ba kết: Tham, Sân, Si phược.
- ✓ **Tam Quả:** A Na Hàm cắt đứt năm hạ phần kết: Thân Kiến, Giới Cấm Thủ Kiến, Nghi, Dục Tham, Sân.
- ✓ **Tứ Quả:** A La Hán cắt đứt năm thượng phần kiết: Sắc Tham, Vô Sắc Tham, Trạo Cử, Mạn, Vô Minh.

### Cấp độ khác nhau

此 或 慧 解 脫,      *Thử hoặc Huệ Giải Thoát,*

或 是 俱 解 脫,      *Hoặc thị Câu Giải Thoát,*



六通及三明, *Lục Thông cập tam Minh,*

世間上福田. *Thế gian thượng phước điền.*

*Đây hoặc Huệ Giải Thoát,*

*Hay là Câu Giải Thoát,*

*Sáu Thông và Ba Minh,*

*Là phước điền thế gian.*

- **Các bậc A La Hán.**

- **Có sáu bậc và chín bậc.**

Trong kinh nói đến A la Hán, có sáu bậc, chín bậc khác nhau.

- **Huệ Giải Thoát và Câu Giải Thoát.**

Bây giờ nói hai bậc lớn: A La Hán này hoặc là Huệ Giải Thoát hoặc là Câu Giải Thoát.

- ***Ý nghĩa chứa trong Câu Giải Thoát.***

Chính là Định và Huệ đều là giải thoát. Cần biết Định và Huệ đều có phiền não làm chướng ngại, che lấp chúng, cho nên không thể hiện khởi như chính khả năng của chúng mà giải thoát được là những chướng ngại này.

- ***Phân biệt sự giải thoát khác nhau giữa Định và Huệ.***

✓ **Huệ Lục giải thoát chướng ngại của Vô Minh; Định Lục giải thoát chướng ngại của Tham Ái.**

Trong kinh thường nói đến:

離貪欲者，心定解脫，離無朋者，慧解脫：  
Ly tham dục giả, Tâm Định giải thoát; ly vô minh giả, huệ  
giải thoát: Người lìa bỏ Tham Dục thì Tâm Định thoát khỏi  
nó; người lìa bỏ Vô Minh thì trí Huệ thoát khỏi nó.

Ở đây muốn nói: Chứng được Pháp Tánh là dựa vào Huệ  
Lực, Vô Minh... làm chướng ngại có được Giải Thoát. Dùng  
sức vắng lặng của Định làm cho Giải Thoát chướng ngại của  
Tham Dục...

✓ Thế gian, ngoại đạo chỉ có thể dùng Định Lực lìa xa  
chướng ngại của Tham Dục.

Nếu người ngoại đạo ở thế gian có thể lìa xa phiền não  
Dục ái, côi Dục, chứng được Sơ Thiên; lìa phiền não của Sơ  
Thiên, chứng được Nhị Thiên..., lìa phiền não Tứ Thiên  
(phiền não côi Sắc; không còn Sắc ái), chứng được Định  
Không Vô Biên Xứ ở cõi Vô Sắc...; lìa bỏ phiền não Vô Sở  
Hữu Xứ, chứng được Định Phi Tướng Phi Phi Tướng; nhưng  
không thể lìa bỏ phiền não Phi Phi Tướng Xứ, cho nên,  
không thoát được Sanh Tử.

✓ Đệ tử Phật đối với Giải Thoát Sanh Tử nhờ Định, Huệ  
có ít nhiều không giống nhau.

- Dựa vào phần ít mà nói giải thoát sanh tử đều có Định Huệ.

Việc tu, chứng đối với đệ tử Phật, nếu nói theo phần ít thì có thể nói đều có giải thoát nhờ vào Định, Huệ này; nếu dựa Vị Đáo Định hay Thất (bảy) Ý Định mà phát sanh Vô Lậu Huệ, không còn thấy Đạo vì cái sai lầm (Hoặc) đã bị cắt đứt thì có thể nói hai nghĩa này đều có.

- Dựa vào toàn phần mà nói thì có sự phân biệt: Giống, khác so với mức độ Cận, Sâu không bằng nhau.

Nếu chỉ dựa vào toàn phần mà nói thì sự khác nhau rất lớn.

+ Giống là đều lấy Huệ cắt đứt Vô Minh.

Nếu tu đến quả A La Hán thì lấy Huệ Lực cắt đứt Vô Minh là chính— Ngã Kiến là Góc của Tất Cả Phiền Nã. Điều này không cần nói thì mọi người đều biết như vậy.

+ Tự tại của Định Lực thì có chỗ không giống nhau.

Nếu dựa vào Định Lực tu có được Tự Tại mà nói thì không giống nhau.

Nếu dựa vào Vị Đáo Định hoặc Sơ Thiên mà chứng được A La Hán thì sự trở ngại, từ Sơ Thiên hoặc Nhị Thiên trở lên là không được Giải Thoát. Chính là khiến cho chứng được Tứ Thiên Bát cũng vẫn không thể giải thoát triệt để sự chướng ngại của Định.

Nếu bậc A La Hán chứng được Diệt Tận Định, bất luận là Huệ là Định, đều có được Giải Thoát rất ráo.

- Giới hạn của Định đối với Câu Giải Thoát và Huệ Giải Thoát.

Nói đến hoàn toàn lìa bỏ chướng ngại của Định và Huệ thì gọi là A La Hán giải thoát hoàn toàn.

Nếu chứng được Huệ rất ráo mà không thể triệt để thoát ra khỏi chướng ngại của Định thì gọi là A La Hán Huệ giải thoát.

- **Tam Minh, Lục Thông của A La Hán.**

- *Dựa vào Huệ giải thoát sanh tử, Dựa cấp bậc Định Lục can sâu.*

Khổ quả Sanh Tử, dựa vào Huệ chứng được Pháp Tánh và được Giải Thoát, cho nên, Định Lục không được rất ráo, cũng không có liên quan gì.

Định Lục của A La Hán thì cạn, sâu không bằng nhau, cho nên mới chia ra nhiều bậc.

- *Tam Minh, Lục Thông là công đức thù thắng của A La Hán.*

- *A La Hán đã chứng được Câu Giải Thoát và bốn căn Bản Thiện đều có Tam Minh, lục Thông.*

A La Hán câu Giải Thoát, không cần nói, đã có được công đức về Tam Minh, Lục Thông.

Những bậc A La Hán khác tất cả đều chứng được bốn thiền Căn Bản, đều tu tập, phát sanh Tam Minh, Lục Thông.

▪ ***Giải thích Tam Minh, Lục Thông.***

✓ Lục Thông:

Lục thông gồm: Thần Cảnh Thông, Thiên Nhãn Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mệnh Thông, Lậu Tận Thông.

- Ý nghĩa Lục Thông:

+ ***Thần Cảnh Thông*** là: biến nhiều thành một, biến một thành nhiều; ẩn hiển tự tại; sông núi, tường rào đều không ngăn trở được người ấy; vào nước; độn thổ; bay lên không trung, tay có thể nắm bắt mặt trời, mặt trăng.

+ ***Thiên Nhãn Thông*** là: Thấy được vật lớn nhất và nhỏ nhất; thấy vật gần lẫn vật xa; thấy được chỗ sáng và chỗ tối; thấy được cả ngoài lẫn trong; lại còn thấy màu sắc Nghiệp của chúng sanh; còn biết đời sau sanh lên trời hay đọa xuống đường ác.

+ ***Thiên Nhĩ Thông*** là: Nghe được muôn vàn âm thanh dù gần hay xa; nghe được nhiều thứ tiếng của con người ở các nơi; kể cả tiếng chim hót, thú kêu cũng đều nghe, hiểu được.

+ ***Tha Tâm Thông*** là: Biết trong tâm chúng sanh nhớ nghĩ gì.

+ **Túc Mạng Thông** là: Biết nhân đời trước của chúng sanh, làm nghiệp gì, từ đâu đến.

+ **Lậu Tận Thông** là: Biết tình hình giải thoát được phiền não; biết có đoạn trừ hết phiền não hay chưa.

- Giải thích về Lục Thông:

Lậu Tận Thông trong sáu Thần Thông, tất cả A La Hán đều có. Năm Thông còn lại, phải xem tình hình tu tập mới xác định được.

Năm Thông này, không chỉ đệ tử Phật nhờ tu tập phát sanh được mà, ngoại đạo cũng có thể có được năm Thông.

Tuy nói sáu Thông vô ngại, nhưng về Tri, Kiến cũng có rộng, hẹp khác nhau; chỉ có Phật mới đạt đến cứu cánh.

✓ Tam Minh.

- Tam Minh là của A La Hán, ngoại đạo không có.

Năm Thông trước trong Lục Thông thì ngoại đạo cũng có; nhưng Tam Minh, chỉ A La Hán có (bậc Tam Thừa vô học).

- Giải thích về Tam Minh.

Tam Minh là Thiên Nhãn Minh, Túc Mạng Minh, Lậu Tận Minh.

Đây chính là ba Thông: Thiên Nhãn, Túc Mạng, Lậu Tận; nhưng chỉ bản thân A La Hán mới triệt đề mà thôi, cho nên, gọi là Minh.

Thiên Nhân Minh thì biết được vị lai.

Túc Mạng Minh thì biết được quá khứ.

Ngoài Lưu Tận Minh, đặc biệt nói hai Thông này là Minh; chính vì xem nặng việc biết rõ Nghiệp Quả của ba đời.

**Tóm lại**, A La Hán có những công đức thù thắng này, cho nên, chúng được quả này là Ruộng Phước trên hết của thế gian gieo trồng; là nơi người, trời cung kính, cúng dường. Xin nêu hai thí dụ ca tụng công đức của A La Hán.

### **Công đức A La Hán**

明淨恒不動,            *Minh tịnh hằng bất động,*

如日處晴空;            *Như nhật xử tình không;*

一切世間行,            *Nhất thiết thế gian hành,*

不染如蓮華.            *Bất nhiễm như liên hoa.*

Sáng trong luôn Bất Động, Tợ mặt trời khoáng không;

Tất cả Hành thế gian, Như hoa sen chẳng nhiễm.

- **Dựa vào Trí cắt đứt phiền não, làm sáng tỏ công đức của A La Hán.**

#### ○ **Sáng trong luôn Bất động.**

Bậc Thánh chứng được quả A La Hán, trí tuệ đã cắt đứt phiền não, cho nên Sáng Trung và Trong Veo.

Khi tiếp xúc với tất cả Cảnh, có thể nói là Luôn Bất Động.

▪ ***Lục Hằng Trụ.***

Công đức của A La Hán có "Sáu Thường Trụ". Khởi sanh tác dụng khi thấy sắc, nghe tiếng... Sáu Cảnh thì luôn luôn "Không Khổ Không Vui, Xả Tâm, an trú Chánh Niệm Chánh Trí". Đây chính là Bất Động.

▪ ***Tám gió thổi không động.***

Khi tiếp xúc với sáu Cảnh hoặc vừa ý hoặc không vừa ý, nhưng không vì lý do này mà khởi lên Tham, Sân. Tất cả khen, chê, được, mất; đối với Tâm của bậc Thánh không bị ngoại cảnh ấy làm loạn động. "Không để cho làm trở ngại Tâm Giải Thoát, Tuệ Giải Thoát". Tục ngữ còn nói: "Tám gió thổi không động"; chính là cảnh giới của A La Hán.

▪ ***Dẫn kinh chứng minh.***

Những điều này trong kinh có nói:

六入處常對,            *Lục nhập xứ thường đối,*

不能動其心,            *Bất năng động kỳ tâm,*

心常住堅固,            *Tâm thường trụ kiên cố,*

諦觀法生滅.            *Đế quán pháp sanh diệt.*

Thường đối diện sáu Nhập,    Tâm mình không thể động,

Tâm an trụ vững chắc,        Thấy đúng Pháp Sanh Diệt.

○ ***Tợ mặt trời trong khoảng không.***



Trong kinh hay lấy ví dụ: Mây tan mặt trời lộ dạng.

Phàm phu, giống như mây đen dày đặc, che hết mặt trời.

Khi chứng Sơ Quả như mây đen, bỗng tan tát, mặt trời lộ dạng.

Vì mây đen quá nhiều, vây quanh, che khuất nên mặt trời lúc ẩn, lúc hiện, biến động không ngừng.

Mây từ từ thưa dần, tan dần, sau cùng mây nổi hết sạch, bầu trời trong veo.

Bạc A La Hán sáng rõ, trong suốt; giống y mặt trời sáng rực, chói chang; ở trong bầu trời thanh thang, không gợn chút mây.

• **Dựa vào Định Tĩnh, không nhiễm ô làm sáng tỏ công đức của bậc A La Hán.**

○ **Tất cả Hành thế gian, như hoa sen chẳng nhiễm.**

Bậc Thánh chứng được A La Hán, không kể Định Lực sâu, cạn như thế nào, trước khi chưa xả bỏ báo thân, đều sống ở thế gian cũng ăn cơm, mặc áo, đi lại; cũng đi đây đó trong cõi đời; cũng đối nhân tiếp vật. Thân thể này, hoàn cảnh này vẫn là pháp Hữu Lộ của thế gian; vẫn là pháp Vô Thường, Khô, Bất tịnh.

Nhưng mà, A La Hán sống trong thế gian ấy không bị tạp nhiễm của hoàn cảnh huân tập, đổi thay. Vì thế, các Ngài ở

trong tất cả Hành của thế gian mà vẫn thanh tịnh, không ô nhiễm như hoa sen mọc lên từ bùn nhỏ, nước đọng.

○ **Kết luận.**

Tóm lại, Hoa sen sống trong ao tù, bùn nhỏ mà vẫn tỏa hương trong sạch vi diệu. Châu Mạn Thúc lấy hoa sen ví như người quân tử; thật ra, trong người quân tử lấy gì so sánh với hoa sen, bậc A La Hán mới giống như hoa sen.

*b. Duyên Giác*

或不由他覺,	<i>Hoặc bất do tha giác,</i>
從於遠離生,	<i>Tùng ư viễn ly sanh,</i>
名辟支迦佛,	<i>Danh Bích Chi Ca Phật,</i>
合說為二乘.	<i>Hợp thuyết vi Nhị Thừa.</i>

<i>Vì chính mình Giác Ngộ,</i>	<i>Do xa lìa cuộc đời,</i>
<i>Gọi là Bích Chi Phật,</i>	<i>Nói chung là Nhị Thừa.</i>

• **Căn cơ chính giáo hóa Duyên Giác Thừa cũng là Tam Thừa Cộng Pháp**

Đó là Thanh Văn Thừa mà đã nói ở trên. Thứ hai là Duyên Giác Thừa.

• **Chỗ giống và khác giữa Thanh Văn và Duyên Giác.**

○ **Giống nhau:**

Cắt đứt phiền não, chứng được Lý Chân Như. Đây là chỗ Thanh Văn và Duyên Giác tương đồng.

○ **Không giống nhau giữa Duyên Giác và Thanh Văn:**

Giác Ngộ Pháp Tánh mà không do người khác giúp đỡ; tự mình giác ngộ Lý Duyên Khởi mà không có Thầy hướng dẫn.

Truyền thuyết rằng có một quốc vương dạo chơi trong vườn hoa, thấy hoa nở hương thơm, lòng vui khôn tả. Chẳng bao lâu, sau đó, cung nữ hái hoa. Nhưng bông hoa rụng rời đến thế, đã tàn héo trong chốc lát Quốc vương chứng kiến điều này, cảm nhận sâu sắc tính vô thường của vạn vật; ông ngồi im lặng suy nghĩ: Do vô thường ngộ được Tánh Vắng Lặng của Duyên Khởi và đã thành Thánh Quả. Vì không có Thầy mà tự ngộ, tuy không thể chuyển Pháp Luân giống như Phật; nhưng so với đệ tử Thanh Văn, nhờ sư trưởng dạy bảo, cuối cùng cũng một phen vượt thắng.

**Căn tánh Duyên Giác nhanh nhẹn hơn Thanh Văn.**

Vì thế, căn tánh Duyên Giác so với Thanh Văn nhanh nhẹn hơn một chút.

Do đời sống xa cách nếp sống bon chen, ồn ào của con người.

Lân Dác dụ Độc Giác: Trong nhân tu hành của những vị đó, từ khi chứng quả trở về sau, đi đây đi đó một mình, chán nản muốn xa lìa thế sự; thường thực hành nghiêm mật mười

hai hạnh Đầu Đà; sống một mình, không bạn đạo, không đệ tử; sanh ra đời không gặp Phật, hiện tướng xuất gia, xin ăn sống qua ngày; không nói pháp mà chỉ biểu hiện thần thông. Những vị này gọi là Lân Dác dụ Độc Giác.

Bộ Hành Độc Giác: Theo truyền thuyết là những vị Duyên Giác ở chung với đại chúng, nhưng căn tánh vốn là Thanh Văn; đến khi duyên đủ chứng quả A La Hán, chỉ vì, sanh ra đời không gặp Phật nên gọi là Độc Giác.

Hai bậc đều gọi là Bích Chi Ca Phật.

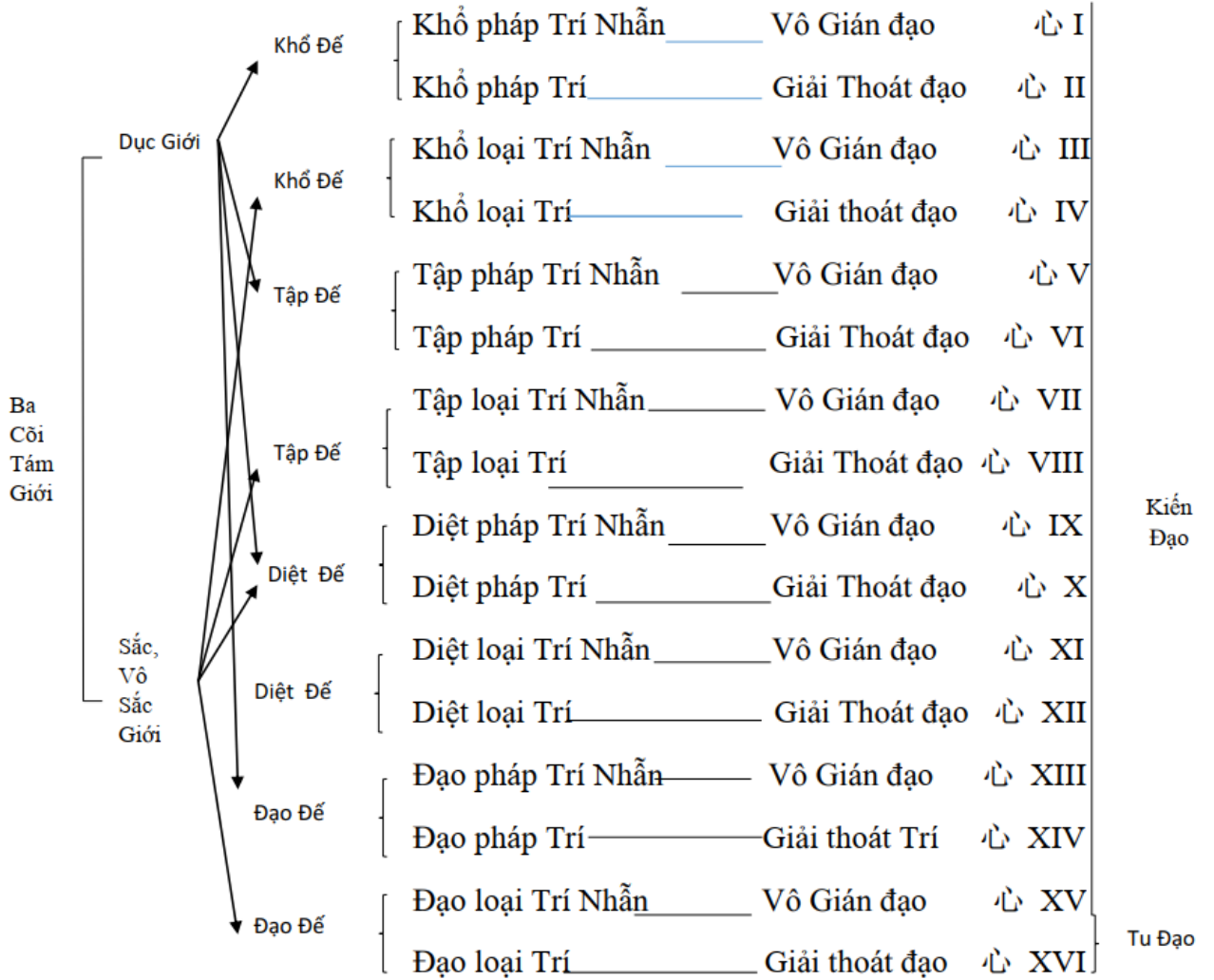
Bậc Thánh này gọi là Bích Chi Ca Phật, có nghĩa là Độc Giác, cũng gọi là Duyên Giác, là do quán sát các pháp Duyên Khởi mà thành đạo.

○ **Giải thích tên gọi Nhị Thừa và Tiểu Thừa**

Chúng được quả Bích Chi Phật và quả A La Hán thuộc Thanh Văn Thừa, địa vị tương đương; cho nên, gọi chung hai quả vị này là Nhị Thừa.

Nếu theo tương đối luận Đại Thừa mà phát Tâm Bồ Đề thì gọi là Tiểu Thừa.

## PHỤ LỤC



## SÁCH CƯ SỸ LÊ HỒNG SƠN DỊCH

### ĐÃ IN

1. Tự Điển Pháp Tam Tạng
2. Nhập Môn Duy Thức Học (Bát Thức Quy Củ Tụng)
3. Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận
4. Kinh Kim Cang, Lục Tổ Huệ Năng khẩu quyết
5. Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nguyên Thanh Tịnh Bình  
Đẳng Giác
6. Yếu Giải Trung Luận
7. Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh
8. Phiếm Luận Duyên Khởi Pháp
9. Sáu Nhà Chú Giải Tâm Kinh Bát Nhã
10. Pháp Tướng Tông (Duy Thức Tam Thập Tụng)
11. Luận 100 Pháp
12. Tự Điển Pháp Tướng Tông

### CHƯA IN

1. Luận Câu Xá
2. Hai mươi bốn oai nghi, Luật Sa Di, Cảnh Sách
3. Mười Tông Phái Phật Giáo Trung Hoa
4. Tâm Kinh, Tổ Hám Sơn giảng